

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

-----000-----

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số: 0201282851 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu ngày 05/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/11/2017)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**  
**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

(Quyết định đăng ký niêm yết số 4.9.0/QĐ-SGDHN  
do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 04 tháng 08 năm 2018)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

**1. CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Số điện thoại: (84-225) 3979952

Fax: (84-225) 3979951

Email: [hhppaper@gmail.com](mailto:hhppaper@gmail.com)

Website: <http://www.hhppaper.com>

**2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3728.0921

Fax: (84-24) 3728.0920

Website: <http://www.tvsi.com.vn>

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Họ tên: Ông Trần Trung Anh

Chức vụ: Nhân viên phòng Đầu tư Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng

Số điện thoại: 0961.808.397

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

*Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số: 0201282851*

*do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng*

*cấp lần đầu ngày 05/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/11/2017*

*Địa chỉ trụ sở chính: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.*

*Điện thoại: (84-225) 3979952; Fax:(84-225) 3979951; Website: www.hhppaper.com*



### **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

|  |   |
|--|---|
| <b>Tên cổ phiếu</b>                          | : Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng |
| <b>Loại cổ phiếu</b>                         | : Cổ phiếu phổ thông                      |
| <b>Mã cổ phiếu</b>                           | : HHP                                     |
| <b>Mệnh giá</b>                              | : 10.000 đồng/cổ phiếu                    |
| <b>Tổng số lượng niêm yết</b>                | : 10.000.000 cổ phiếu                     |
| <b>Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)</b> | : 100.000.000.000 đồng                    |

#### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Số 8, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24).3761.3399 / 098.276.2982 Fax: (84-24).3761.5599

Website: <http://vpa@vpaudit.vn>

#### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

Địa chỉ: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3728.0921

Fax: (84-24) 3728.0920

Website: <http://www.tvsi.com.vn>

## MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....</b>   | <b>1</b>  |
| 1. Rủi ro về kinh tế.....  | 1         |
| 2. Rủi ro về Luật pháp.....  | 3         |
| 3. Rủi ro đặc thù.....   | 4         |
| 4. Rủi ro về biến động giá chứng khoán.....  | 5         |
| 5. Các rủi ro khác.....  | 5         |
| <b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>   | <b>6</b>  |
| 1. Tổ chức niêm yết.....   | 6         |
| 2. Tổ chức tư vấn.....   | 6         |
| <b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>   | <b>6</b>  |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>   | <b>8</b>  |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....   | 8         |
| 2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....   | 15        |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty.....  | 15        |
| 4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và Cơ cấu cổ đông của Công ty, Số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty.....  | 22        |
| 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết..... | 24        |
| 6. Hoạt động kinh doanh.....   | 28        |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....   | 47        |
| 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....  | 51        |
| 9. Chính sách đối với người lao động.....  | 57        |
| 10. Chính sách cổ tức.....   | 61        |
| 11. Tình hình hoạt động tài chính.....   | 61        |
| 12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....   | 76        |
| 13. Giá trị tài sản cố định của Công ty sau hợp nhất.....  | 88        |
| 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo.....   | 90        |
| 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....   | 93        |
| 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết...  | 94        |
| 17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:.....   | 94        |
| <b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....</b>  | <b>95</b> |
| 1. Loại chứng khoán.....   | 95        |

|  |           |
|--|-----------|
| 2. Mệnh giá .....  | 95        |
| 3. Mã chứng khoán .....  | 95        |
| 4. Tổng số chứng khoán niêm yết 95   |           |
| 5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết: .....                                     | 95        |
| 6. Phương pháp tính giá .....  | 96        |
| 7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....   | 97        |
| 8. Các loại thuế có liên quan .....  | 98        |
| <b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT</b> .....   | <b>99</b> |
| 1. TỔ CHỨC TƯ VẤN.....   | 99        |
| 2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:.....   | 99        |
| <b>VII. PHỤ LỤC</b> .....  |           |
| <b>Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy CNĐKKD</b> .....   |           |
| <b>Phụ lục II: Điều lệ Công ty</b> .....   |           |
| <b>Phụ lục III: BCTC hợp nhất và BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2017; BCTC tự lập hợp nhất và BCTC Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2018</b> ..... |           |

---

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

|   |    |
|---|----|
| <i>Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty</i> .....        | 15 |
| <i>Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty</i> ..... | 16 |
| <i>Sơ đồ 3: Quy trình sản xuất giấy Kraft</i> .....     | 41 |



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

|  |           |
|--|-----------|
| <b>Bảng 1: Báo cáo các đợt tăng vốn của Công ty</b>  | <b>12</b> |
| <b>Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 06/06/2018</b>              | <b>22</b> |
| <b>Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 06/06/2018</b>                                      | <b>23</b> |
| <b>Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm 06/06/2018</b>                            | <b>23</b> |
| <b>Bảng 5: Sản lượng giấy tiêu thụ và đơn giá bình quân</b>  | <b>30</b> |
| <b>Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty sau hợp nhất</b>        | <b>30</b> |
| <b>Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ</b>                  | <b>31</b> |
| <b>Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty sau hợp nhất</b>                                       | <b>31</b> |
| <b>Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ</b>   | <b>32</b> |
| <b>Bảng 10: Nguyên vật liệu chính dùng trong sản xuất của Công ty</b>                              | <b>35</b> |
| <b>Bảng 11: Vật tư phụ và năng lượng sử dụng</b>   | <b>36</b> |
| <b>Bảng 12: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty</b>                                 | <b>37</b> |
| <b>Bảng 13: Cơ cấu chi phí hợp nhất của Công ty</b>  | <b>38</b> |
| <b>Bảng 14: Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ</b>  | <b>38</b> |
| <b>Bảng 15: Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty</b>               | <b>39</b> |
| <b>Bảng 16: Danh sách khách hàng của Công ty năm 2017 và 06 tháng đầu 2018</b>                     | <b>46</b> |
| <b>Bảng 17: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh sau hợp nhất của Công ty</b>                   | <b>47</b> |
| <b>Bảng 18: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ</b>                             | <b>48</b> |
| <b>Bảng 19: Quy hoạch phát triển công nghiệp giấy đến 2025</b>                                     | <b>52</b> |
| <b>Bảng 20: Một số doanh nghiệp bao bì giấy có công suất lớn</b>                                   | <b>53</b> |
| <b>Bảng 21: So sánh với các Công ty đã niêm yết</b>  | <b>55</b> |
| <b>Bảng 22: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2017</b>                               | <b>57</b> |
| <b>Bảng 23: Chi trả cổ tức của Công ty giai đoạn 2015 -2017</b>                                    | <b>61</b> |
| <b>Bảng 24: Thời gian khấu hao tài sản cố định</b>   | <b>61</b> |
| <b>Bảng 25: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>                             | <b>62</b> |
| <b>Bảng 26: Chi tiết các quỹ của Công ty</b>   | <b>63</b> |
| <b>Bảng 27: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>                         | <b>63</b> |
| <b>Bảng 28: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>                          | <b>68</b> |
| <b>Bảng 29: Chi tiết giá trị hàng tồn kho</b>  | <b>71</b> |
| <b>Bảng 30: Chi tiết các khoản phải thu</b>  | <b>72</b> |
| <b>Bảng 31: Các khoản phải trả</b>   | <b>74</b> |
| <b>Bảng 32: Đầu tư tài chính hợp nhất</b>  | <b>75</b> |
| <b>Bảng 33: Đầu tư tài chính Công ty mẹ</b>  | <b>75</b> |
| <b>Bảng 34: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty sau hợp nhất</b>                                    | <b>75</b> |
| <b>Bảng 35: Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty sau hợp nhất tại thời điểm 31/12/2017</b> | <b>88</b> |
| <b>Bảng 36: Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty sau hợp nhất tại thời điểm 30/06/2017</b> | <b>89</b> |
| <b>Bảng 37: Kế hoạch Vốn - Doanh thu - Lợi nhuận của Công ty mẹ giai đoạn 2018 -2021</b>           | <b>90</b> |
| <b>Bảng 38: Kế hoạch Vốn - Doanh thu - Lợi nhuận của Công ty sau hợp nhất giai đoạn 2018 -2021</b> | <b>90</b> |
| <b>Bảng 39: Tình hình thực hiện kế hoạch 2018</b>  | <b>93</b> |
| <b>Bảng 40: Danh sách cổ đông và số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ</b>                             | <b>95</b> |
| <b>Bảng 41: Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty</b>   | <b>96</b> |

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

*Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy Kraft sóng. Trong quá trình hoạt động, Công ty có khả năng đối mặt với những rủi ro sau:*

#### 1. Rủi ro về kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới đóng một vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của các ngành công nghiệp sản xuất. Kinh tế phát triển, nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn kéo theo sự gia tăng tương ứng về sản lượng công nghiệp, giúp các doanh nghiệp sản xuất mở rộng thị trường tiêu thụ của mình. Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua các yếu tố vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái..., các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế, gây ra rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế. Chính vì thế, việc phân tích này giúp Công ty dự phòng mức độ tác động của các loại rủi ro này đến chiến lược tăng trưởng; đồng thời đưa ra các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

#### **Tốc độ phát triển của nền kinh tế nói chung và khu vực công nghiệp nói riêng**

Theo số liệu từ Tổng cục thống kê (GSO), tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng 2017 đã vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,90% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,85%, cao hơn mức tăng 7,06% của năm 2016, đóng góp 2,23 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Điểm sáng của khu vực này là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 14,40% (là mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây), đóng góp đáng kể vào mức tăng trưởng chung với 2,33 điểm phần trăm.

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2018, Ngân hàng Thế giới dự báo Việt Nam có triển vọng tăng trưởng tích cực trung hạn, tăng trưởng GDP dự kiến đạt mức 6,5%.

Số liệu thu thập được của Tổng cục thống kê cho biết: tổng sản phẩm trong nước (GDP) 06 tháng đầu năm 2018 ước tính tăng 7,08% so với cùng kỳ 2017, là mức tăng cao nhất của 06 tháng kể từ năm 2011 trở lại đây. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,93%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,07%; khu vực dịch vụ tăng 6,90%.

Xét trên góc độ tích cực, Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn cho các dòng vốn đầu tư nên Công ty cần thực hiện xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển cũng như kế hoạch niêm yết của mình trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đồng thời tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

#### **Lạm phát**

Lạm phát trong năm 2017 được kiểm soát và nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra, CPI bình quân năm 2017 chỉ tăng 3,53% so với bình quân năm 2016. Lạm phát trong giai đoạn này chủ yếu tăng do biến động tăng giá của giá nguyên nhiên, vật liệu, lương thực thực phẩm, dịch vụ y tế, tăng giá học phí và điều chỉnh tăng tiền lương tối thiểu vùng và lương cơ sở. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2018, chỉ số giá tiêu dùng CPI chỉ tăng 3,29% so với bình quân cùng kỳ 2017.

Lạm phát là yếu tố vĩ mô tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát tăng cao hoặc siêu lạm phát sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự mất ổn định của quá trình sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Ý thức được vấn đề này, Công ty luôn chủ động sớm kế hoạch sản xuất và dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để có thể và kiểm soát được giá cả đầu vào.

#### **Tỷ giá hối đoái**

Khi xuất hiện các khoản thanh toán với các đối tác nước ngoài, doanh nghiệp phải chuyển đổi từ VND sang ngoại tệ và ngược lại. Doanh nghiệp xuất khẩu sẽ gặp rủi ro nếu ngoại tệ nhận về giảm giá so với VND và doanh nghiệp nhập khẩu bị thiệt hại nếu ngoại tệ họ cần mua để thanh toán tăng giá so với VND. Năm 2017, tỷ giá được coi là ổn định khi gần như chỉ đi ngang trong 2 quý cuối năm và chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2017 tăng 1,40% so với năm 2016. Quý I năm 2018, tiếp tục có tỷ giá ổn định khi nguồn cung ngoại tệ dồi dào đặc biệt từ các dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp bởi có rất nhiều cơ hội đầu tư từ thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước... Tuy nhiên, sang đến cuối quý II/2018, tỷ giá hối đoái có biểu hiện gia tăng đáng kể và diễn biến phức tạp. Theo đánh giá của NHNN, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất là nguyên nhân đồng USD có diễn biến phức tạp và tác động lên tỷ giá và thị trường vàng. Từ nay đến cuối năm, FED có thể tăng lãi suất 2 hoặc 3 lần nữa nên tỷ giá USD có thể còn biến động

Năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, Công ty chưa phát sinh các hoạt động xuất nhập khẩu trực tiếp, tuy nhiên trong tương lai khi phát sinh hoạt động này thì sự biến động của tỷ giá hối đoái cũng sẽ ảnh hưởng tới hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Do vậy, để hạn chế những ảnh hưởng do sự biến động tỷ giá đến tình hình kinh doanh, Công ty cũng cần theo dõi biến động tỷ giá thường xuyên để cân nhắc việc ký kết, tham gia vào các hợp đồng có sử dụng ngoại tệ trong thời gian tới.

#### **Lãi suất**

Hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh của mình. Lãi suất cho vay có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng, chi phí tài chính của doanh nghiệp sẽ tăng khiến lợi nhuận giảm và kéo theo đó là khả năng cạnh tranh sẽ giảm. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ



có xu hướng thu hẹp quy mô hoạt động. Ngược lại, nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại giảm, chi phí tài chính của doanh nghiệp sẽ giảm, lợi nhuận tăng và điều này cũng là một trong những động lực để các doanh nghiệp ra quyết định đầu tư mở rộng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

Năm 2017, lãi suất có xu hướng tăng nhẹ nhưng về cơ bản vẫn được duy trì ở mức thấp, có tác động tích cực và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, đặc biệt những doanh nghiệp sản xuất cần nguồn vốn lớn. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng (không tăng so với năm 2016); với tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm (tăng 0,1% so với mức 6,4%-7,2%/năm của năm 2016). Trong khi đó, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2018, lãi suất không có sự thay đổi đáng kể so với năm 2017. Lãi suất 6 tháng cuối năm 2018 được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp theo như chủ trương của Ngân hàng Nhà nước giữ ổn định mặt bằng lãi suất để hỗ trợ cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, do mức huy động đã tăng trưởng mạnh hơn so với mức tín dụng kể từ tháng 2/2016 cùng với động thái NHNN mua vào đồng USD đã nâng mức dự trữ ngoại hối lên kỷ lục như hiện nay. NHNN ngoài ra cũng yêu cầu các ngân hàng thương mại tiết giảm chi phí hoạt động qua đó duy trì lãi suất cho vay ở mức ổn định và chú trọng đảm bảo nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Đây sẽ là một dấu hiệu tốt cho các doanh nghiệp nói chung cũng như Công ty nói riêng trong việc xây dựng kế hoạch lợi nhuận cho năm tài chính 2018. Tuy nhiên, Công ty cũng luôn phải chủ động và nỗ lực trong việc tìm kiếm nguồn vốn giá rẻ, ngoài việc tăng nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty còn có giải pháp lựa chọn ngân hàng có mức lãi suất cạnh tranh để huy động vốn nhằm tiết giảm chi phí tài chính và tăng lợi nhuận hoạt động kinh doanh cho Công ty.

## **2. Rủi ro về Luật pháp**

Văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh các hoạt động của một doanh nghiệp nói chung là Luật Doanh nghiệp, bên cạnh đó đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất còn phải tuân thủ theo Luật Đầu tư và Luật bảo vệ Môi trường. Các hệ thống Luật này là cơ sở pháp lý cao nhất điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của Công ty. Sau khi cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết tập trung trên thị trường chứng khoán, Công ty phải tuân thủ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống các văn bản dưới Luật còn đang trong giai đoạn hoàn thiện, một số văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư... hiện đang còn thiếu tính đồng bộ và nhất quán. Do hành lang pháp lý và hệ thống pháp luật đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn gặp không ít khó khăn.

Chính vì vậy, để hạn chế tối đa rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chú trọng cập nhật hệ thống pháp luật; nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật; đồng thời triển khai tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật cho cán bộ công nhân viên Công ty. Ngoài ra, Công ty còn tham khảo và sử dụng dịch vụ tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### **Rủi ro về biến động giá của nguyên liệu đầu vào**

Sản xuất giấy Kraft là lĩnh vực kinh doanh chính nên giá cả nguyên vật liệu đầu vào luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty. Khi mà yếu tố này có sự biến động, đương nhiên sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và kéo theo là kết quả hoạt động kinh doanh, tạo ra mức rủi ro nhất định có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu.

Từ tháng 08/2017, do các chính sách mới về môi trường của Trung Quốc, nguồn cung giấy phế liệu nhập khẩu (nguyên liệu chính để sản xuất giấy Kraft) tăng mạnh, nhất là từ thị trường Mỹ với giá giảm đáng kể (50-100 USD/ tấn).

Công ty luôn theo dõi diễn biến của thị trường nguyên vật liệu đầu vào một cách sát sao và thường xuyên, đồng thời căn cứ vào tình hình nội tại của mình để lên kế hoạch thu mua nguyên liệu một cách hợp lý, hạn chế tối đa mức độ rủi ro có thể xảy ra.

#### **Rủi ro về môi trường**

Ngành sản xuất nguyên vật liệu gây ảnh hưởng rất nặng nề tới yếu tố môi trường. Vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau sản xuất là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí: phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Hiện tại, Công ty đã tuân thủ đầy đủ và đang thực hiện tốt các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, các chi phí phát sinh cần thiết liên quan đến công tác bảo vệ môi trường đã được tính toán nằm trong kế hoạch chi phí của Công ty. Dự báo trong vòng không quá 5 năm tới đây, chắc chắn các dây chuyền sản xuất có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sẽ bị đào thải do không đáp ứng kịp yêu cầu ngày càng khắt khe liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Chính vì vậy Công ty đã có kế hoạch đầu tư nhà máy sản xuất giấy bao bì mới với quy mô công suất 100.000 tấn/năm, công nghệ hiện đại, để thực hiện Dự án di dời và mở rộng Nhà máy giấy Hoàng Hà Hải Phòng. Dự án sẽ được khởi động vào Quý IV/2018 và dự kiến hoàn thành trong vòng 18 tháng kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng tại một Khu công nghiệp của thành phố Hải Phòng.

#### **Rủi ro cạnh tranh**

Thị trường giấy bao bì carton đang được đánh giá là một thị trường đầy tiềm năng, do vậy rất nhiều các doanh nghiệp sản xuất giấy trong nước đã và đang có kế hoạch đầu tư mở rộng, nâng công suất. Thêm vào đó, một số các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với thế mạnh về vốn, về công nghệ đã vừa kết thúc giai đoạn đầu tư, mở rộng và đưa vào khai thác như Nhà máy giấy Hậu Giang thuộc Tập đoàn Lee&Man, Nhà máy giấy Chánh Dương thuộc Tập đoàn giấy Cửu Long... Ngoài ra Nine Dragons Paper (Holdings) - Tập đoàn giấy lớn thứ 2 trên thế giới cũng đang lên kế hoạch đầu tư Nhà máy ở phía Bắc Việt Nam với tổng mức đầu tư dự kiến lên tới hàng tỷ đô la mỹ...

Như vậy, trong thời gian tới, những công ty có năng lực yếu chắc chắn sẽ bị thị trường đào thải và bản thân Công ty cũng xác định sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức. Chính vì vậy, để tồn tại và phát triển, Công ty cùng một số doanh nghiệp sản xuất giấy trong nước đã chuẩn bị cho mình một giải pháp phù hợp, không chỉ dựa vào những thế mạnh nội tại mà sẽ cùng hợp tác để đầu tư mở

rong tại thị trường miền Bắc với quy mô đủ lớn, tận dụng lợi thế sân nhà, để có thể ngăn chặn ý định thâm nhập thị trường phía Bắc của các doanh nghiệp FDI, đảm bảo tính cạnh tranh cũng như chớp được cơ hội trên thị trường.

#### **Rủi ro về an toàn lao động**

Do tính chất đặc thù của ngành sản xuất, phần lớn người lao động phải thực hiện các công việc nặng nhọc và phải làm việc trong môi trường có mật độ bụi cao và môi trường máy móc ồn ào. Do vậy, nếu không có hệ thống quản lý về an toàn lao động hiệu quả thì dễ xảy ra nguy hiểm cho người lao động. Một khi xảy ra các sự cố nghiêm trọng về an toàn lao động, ngoài việc tổn thất về con người, tinh thần và vật chất, điều quan trọng không kém là tạo ra hình ảnh tiêu cực của công ty trong mắt cán bộ, nhân viên, các cổ đông, đối tác và người dân sinh sống trong khu vực.

Để đảm bảo an toàn lao động công ty đã trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: quần áo bảo hộ, khẩu trang hoạt tính, găng tay, mũ bảo hộ,... Các chính sách về an toàn được phổ biến và đào tạo cho tất cả người lao động làm việc trong các nhà máy để đảm bảo mọi cá nhân đều hiểu và thực hiện đúng các quy định nghiêm ngặt về chính sách an toàn lao động của Công ty.

#### **Rủi ro về nhân sự**

Tình trạng khan hiếm lao động, cũng như chất lượng lao động đang là nỗi lo cho các doanh nghiệp trong ngành sản xuất. Hầu hết lao động của công ty là những lao động phổ thông, do đó khả năng công nhân nhảy việc sang các công ty khác khá cao. Khi đó công ty phải mất thời gian tuyển dụng và đào tạo lại các nhân sự mới, gây ảnh hưởng nguồn lực và năng suất lao động của Công ty.

Để đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra liên tục, không bị gián đoạn do việc thiếu nhân công, ban lãnh đạo Công ty đã áp dụng cơ chế lương hợp lý cùng với những đãi ngộ chăm lo cho đời sống nhân viên, tạo cho người lao động môi trường làm việc chuyên nghiệp với mức thu nhập tốt.

#### **4. Rủi ro về biến động giá chứng khoán**

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch, giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động chung của thị trường chứng khoán, biến động trên các thị trường liên quan như vàng, ngoại tệ..., cũng như những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan quản lý có liên quan như Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch... từ đó có thể ảnh hưởng đến các kế hoạch huy động vốn và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **5. Các rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

|                               |                               |
|-------------------------------|-------------------------------|
| Ông <b>Trần Kim Gia</b>       | Chức vụ: Chủ tịch HĐQT        |
| Bà <b>Trần Thị Thu Phương</b> | Chức vụ: Tổng Giám đốc        |
| Bà <b>Trịnh Thị Hương</b>     | Chức vụ: Kế toán trưởng       |
| Bà <b>Đào Thị Ngân</b>        | Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

Ông **Lê Thanh Tùng**  
Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

*(Theo Giấy ủy quyền số 144/2016/UQ-TGD ngày 16/03/2016 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng cung cấp.

## III. CÁC KHÁI NIỆM

1/ **“Công ty”**: Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng được thành lập vào ngày 05/11/2012. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0201282851 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 05/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 21/11/2017.

2/ **“Bản cáo bạch”**: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

3/ **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

4/ **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.

5/ **“Cổ đông”**: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

6/ **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

7/ “**Đại hội đồng cổ đông**”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng.

8/ “**Hội đồng quản trị**”: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng.

9/ “**Ban kiểm soát**”: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng.

10/ “**Ban Tổng Giám đốc**”: Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng.

11/ “**Vốn điều lệ**”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

12/ “**Tổ chức niêm yết**”: Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng.

13/ “**Tổ chức kiểm toán**”: Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

|                    |   |
|--------------------|---|
| <b>DHĐCĐ</b>       | Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng  |
| <b>HDQT</b>        | Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng     |
| <b>BKS</b>         | Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng         |
| <b>TGD</b>         | Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng         |
| <b>BTGD</b>        | Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng     |
| <b>CBCNV</b>       | Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng |
| <b>TNDN</b>        | Thu nhập doanh nghiệp   |
| <b>TSCĐ</b>        | Tài sản cố định   |
| <b>TSLĐ</b>        | Tài sản lưu động  |
| <b>VCSH</b>        | Vốn chủ sở hữu  |
| <b>Giấy CNĐKDN</b> | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp                          |
| <b>Số CMND</b>     | Số chứng minh nhân dân  |
| <b>UBCKNN</b>      | Ủy ban chứng khoán Nhà nước                                   |
| <b>HSX</b>         | Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh                      |
| <b>HNX</b>         | Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội                           |
| <b>BCTC</b>        | Báo cáo tài chính   |
| <b>CTCP</b>        | Công ty cổ phần   |



## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG
- Tên tiếng Anh : HAI PHONG HOANG HA PAPER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : Công ty không có tên viết tắt
- Trụ sở chính : Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại : 0225 3979952
- Fax : 0225 3979951
- Website : [hhppaper.com](http://hhppaper.com)
- Email : [hhppaper@gmail.com](mailto:hhppaper@gmail.com)
- Logo của Công ty:



- Vốn điều lệ đăng ký : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn)
- Vốn điều lệ thực góp : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn)
- Người đại diện theo pháp luật : Bà Trần Thị Thu Phương  
Chức vụ: Tổng giám đốc
- Tài khoản ngân hàng : 114.0000.97519 tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền
- Thời điểm trở thành công ty đại chúng : Ngày 16/05/2018 (theo Văn bản số 3105/UBCK-GSĐC ngày 16/05/2018 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước)

**Ngành nghề kinh doanh:**

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp CTCP số 0201282851 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 05/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 21/11/2017, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

| STT | Tên ngành  | Mã ngành            |
|-----|--|---------------------|
| 1.  | <b>Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa</b><br><b>Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa, giấy nhẵn và giấy bìa</b>   | <b>1701 (Chính)</b> |
| 2.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa   | 1702                |
| 3.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in, giấy tráng phần. Sản xuất gia công giấy vệ sinh.                                    | 1709                |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Giấy, bìa carton, giấy tráng phần  | 4649                |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu:<br>Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá  | 8299                |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu làm giấy   | 4669                |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Máy móc, thiết bị ngành giấy. Thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động | 4659                |
| 8.  | In ấn  | 1811                |
| 9.  | Dịch vụ liên quan đến in   | 1812                |
| 10. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Nhựa đường, Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu khí đốt và các sản phẩm liên quan             | 4661                |
| 11. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu   | 8219                |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa  | 5210                |
| 13. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt máy móc, thiết bị ngành giấy  | 3320                |
| 14. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Chuyển giao công nghệ sản xuất giấy   | 7490                |
| 15. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  | 6810                |
| 16. | Bóc xếp hàng hóa   | 5224                |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ   | 4933                |
| 18. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa  | 5022                |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác   | 4932                |

|     |   |      |
|-----|---|------|
|     | Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng                                      |      |
| 20. | Xây dựng nhà các loại   | 4100 |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ   | 4210 |
| 22. | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, xây dựng công trình điện  | 4220 |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình dân dụng, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu đô thị | 4290 |
| 24. | Phá dỡ  | 4311 |
| 25. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng   | 4312 |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn lập dự án. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng                   | 7110 |
| 27. | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn kế toán; Dịch vụ kế toán thuế  | 6920 |
| 28. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô; Cho thuê xe có động cơ khác  | 7710 |

## 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng (mã số doanh nghiệp 0201282851) có trụ sở chính đặt tại Số 194 đường Kiều Hạ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thành lập bởi 05 cổ đông sáng lập vào ngày 05 tháng 11 năm 2012, với số vốn góp ban đầu là 18 tỷ đồng để thực hiện dự án Tái cấu trúc nhà máy sản xuất giấy Đức Dương.

Nhà máy sản xuất giấy Đức Dương do Hợp tác xã Xí nghiệp sản xuất Giấy Đức Dương (Xí nghiệp Đức Dương) là chủ đầu tư được khởi công xây dựng năm 2007, sau gần 2 năm xây dựng và lắp đặt, dây chuyền sản xuất giấy Kraft công suất 15.000 tấn/năm được hoàn thành và bắt đầu đưa vào sử dụng từ đầu năm 2009. Qua thời gian vận hành chạy thử thành công, đến năm 2010 Nhà máy đã đi vào sản xuất, tuy nhiên sản lượng thời điểm này chỉ đạt 30-50% công suất với dòng sản phẩm giấy Kraft sóng thường. Sang năm 2011 Ngân hàng áp dụng việc giảm hạn mức vay, Xí nghiệp Đức Dương gặp khó khăn về vốn, chỉ hoạt động cầm chừng và đến cuối năm 2011 đã phải cho dừng sản xuất, không còn khả năng trả nợ và có nguy cơ phá sản. Chính vì vậy, Ngân hàng đã ra thông báo tìm kiếm đối tác để bán tài sản thế chấp của Xí nghiệp Đức Dương nhằm thu hồi nợ.

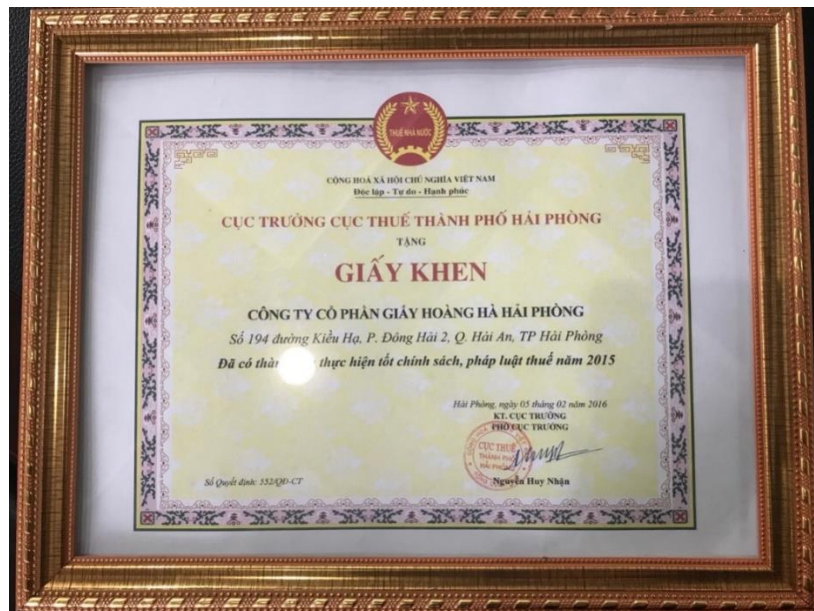
Được sự giới thiệu của Vietinbank, tháng 09/2012 các cổ đông sáng lập đã khảo sát thực tế tài sản của Xí nghiệp Đức Dương, sau khi cân nhắc, tính toán, lên phương án, bàn bạc, trao đổi thống nhất với Ngân hàng đã quyết định thành lập Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng vào tháng 11/2012 để mua lại toàn bộ Nhà máy của Xí nghiệp Đức Dương, tận dụng toàn bộ cơ sở vật chất và pháp lý hiện có, tiến hành đầu tư cải tạo, bổ sung, nâng cấp dây chuyền để chuyển đổi sang dòng sản phẩm giấy Kraft sóng gia keo. Do có thế mạnh về công nghệ sản xuất giấy, khả năng, tiềm lực về nguồn vốn và kinh nghiệm quản lý, chỉ 8 tháng sau khi nhận bàn giao, Công ty đã đưa Nhà

máy giấy Hoàng Hà đi vào hoạt động ổn định (tiết kiệm được rất nhiều thời gian nếu đầu tư mới một nhà máy giấy) với dòng sản phẩm giấy Kraft sóng gia keo (giấy bao bì carton) mang thương hiệu Giấy Hoàng Hà. Cho đến nay, các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của Công ty liên tục tăng trưởng qua các năm.



*Trụ sở Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng*

Công ty tự hào đã khôi phục được một Nhà máy có nguy cơ phải phá bỏ hoàn toàn, giảm thiểu lãng phí tài sản Quốc gia, giảm được khoản nợ xấu đáng kể cho Ngân hàng, đặc biệt hơn là tạo được công ăn việc làm cho gần 80 lao động, đóng góp đáng kể tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước quận Hải An (trên 15 tỷ đồng), được Cục thuế thành phố Hải Phòng tặng Giấy khen là đơn vị chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế và là một trong những doanh nghiệp tiêu biểu được Thành ủy - HĐND - UBND thành phố Hải Phòng mời tham dự Hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc các doanh nghiệp nhân dịp Xuân Mậu Tuất 2018 vừa qua.



Xét về thời gian, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng mới chỉ thành lập được hơn 05 năm, nhưng các thành viên HĐQT hầu hết là những người đã/đang hoặc đã từng giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt trong các doanh nghiệp cùng lĩnh vực; Lực lượng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của Công ty hầu hết được điều chuyển hoặc tuyển dụng từ các nhà máy sản xuất giấy, có nhiều kinh nghiệm nên Công ty phát huy được thế mạnh về nguồn lực, Công ty cũng triển khai và áp dụng triết lý Kaizen, duy trì công cụ 5S do vậy luôn đảm bảo cung cấp sản phẩm giấy Kraft sóng với chất lượng tốt - phù hợp nhất, giá cả hợp lý nhất, cách thức phục vụ chuyên nghiệp nhất nhằm

thỏa mãn và làm hài lòng khách hàng, luôn đồng hành và phát triển cùng với khách hàng. Đặc biệt, Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo phát triển quản trị nguồn nhân lực chiến lược, chăm lo đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng Hoàng Hà trở thành một ngôi nhà chung - nơi người lao động - tài sản quý giá nhất của Công ty được làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, thân thiện và công bằng. Đây chính là giá trị cốt lõi tạo lên vị thế và thương hiệu của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng.

Kể từ ngày 16/05/2018, Công ty đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng theo Văn bản số 3105/UBCK-GSDC.

### 1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ:

Ngày 05/11/2012, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 18 tỷ đồng. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 02 lần tăng vốn (số vốn điều lệ hiện nay là 100 tỷ đồng). Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày trong bảng dưới đây:

*Bảng 1: Báo cáo các đợt tăng vốn của Công ty*

| TT | Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Vốn điều lệ tăng thêm (Đồng) | Vốn điều lệ sau đợt phát hành(Đồng) | Hình thức phát hành            | Hình thức góp vốn  |
|----|------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|--|
| 1  | Tháng 01/2016                      | 9.000.000.000                | 27.000.000.000                      | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | Cán trừ công nợ  |
| 2  | Tháng 10/2017                      | 73.000.000.000               | 100.000.000.000                     | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | Cán trừ công nợ (10,3 tỷ đồng) và góp vốn bằng tiền (62,7 tỷ đồng) |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)

#### ➤ **Lần 1: Phát hành tăng vốn từ 18.000.000.000 đồng lên 27.000.000.000 đồng**

- **Cơ sở pháp lý:**

+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 (lần1) số: 01/2016/HHHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/01/2016 thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1;

+ Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 01/2016/HHHP/NQ-HĐQT ngày 09/01/2016 thông qua việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1; tăng vốn từ 18.000.000.000 đồng lên 27.000.000.000 đồng;

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0201282851, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.



- **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn thực góp trước khi phát hành : 18.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi phát hành : 27.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành : 2:1
- Số lượng phát hành : 900.000 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng người tham gia đợt phát hành : 05 người
- Hình thức góp vốn : Cấn trừ công nợ 9 tỷ đồng, trong đó:
  - + Ông Trần Kim Gia - Chủ tịch HĐQT: 2,7 tỷ đồng
  - + Bà Trần Thị Thu Phương - Tổng Giám Đốc: 3,6 tỷ đồng
  - + Ông Trần Quốc Khánh - Thành viên HĐQT: 0,45 tỷ đồng
  - + Ông Nguyễn Huy Long - Cổ đông sáng lập: 1,8 tỷ đồng
  - + Ông Trần Anh Giang - Cổ đông sáng lập: 0,45 tỷ đồng
- Ngày kết thúc đợt phát hành : 12/01/2016
- Mục đích sử dụng vốn phát hành thêm : Bổ sung nguồn vốn kinh doanh

➤ **Lần 2: Phát hành tăng vốn từ 27.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng**

- **Cơ sở pháp lý:**

+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số: 01/2017/HHHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2017 thông qua kế hoạch tăng vốn từ 27.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;

+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 (lần 1) số: 02/2017/HHHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/08/2017 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 27:73;

+ Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 02/2017/HHHP/NQ-HĐQT ngày 18/09/2017 thông qua việc đăng ký mua cổ phần và xử lý cổ phần chưa phân phối hết; thông qua hình thức, thời gian và cơ cấu góp vốn trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 27:73, tăng vốn từ 27.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng;

+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 (lần 02) số:

03/2017/HHHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/09/2017 thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu và Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018-2020;

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0201282851, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

• **Chi tiết đợt phát hành:**

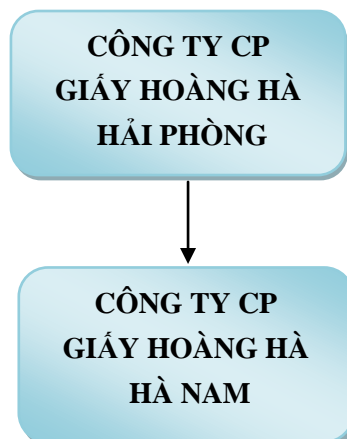
- Vốn thực góp trước khi phát hành : 27.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi phát hành : 100.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành : 27:73
- Số lượng phát hành : 7.300.000 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng người tham gia đợt phát hành : 08 người. Trong đó có 05 cổ đông hiện hữu và 03 cổ đông khác (do 05 cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết số cổ phần được phân phối, HĐQT quyết định bán số cổ phần còn lại cho 03 cổ đông khác)
- Hình thức góp vốn : (1) Bằng tiền: 62,7 tỷ đồng  
(2) Cán trừ công nợ: 10,3 tỷ đồng, trong đó:
  - + Ông Trần Kim Gia - Chủ tịch HĐQT: 3,3 tỷ đồng
  - + Bà Trần Thị Thu Phương - Tổng Giám Đốc: 4,4 tỷ đồng
  - + Ông Trần Quốc Khánh - Cổ đông sáng lập: 0,15 tỷ đồng
  - + Ông Nguyễn Huy Long - Thành viên HĐQT: 2,3 tỷ đồng
  - + Ông Trần Anh Giang - Cổ đông sáng lập: 0,15 tỷ đồng
- Ngày kết thúc đợt phát hành : 25/10/2017
- Mục đích sử dụng vốn phát hành thêm : + Đầu tư dài hạn vào Công ty con - Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam: 24 tỷ đồng.  
+ Đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tư vấn SX giấy Hoàng Hà để thực hiện dự án Mở rộng và chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3m<sup>2</sup> tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng: 20 tỷ đồng.

+ Bổ sung nguồn vốn kinh doanh: 18,7 tỷ đồng.

## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

*Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty*



### ❖ Công ty mẹ: Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 194 đường Kiều Hạ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- VPĐD tại Hà Nội: Số 29, ngõ 53 Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0225 3979952      Fax: 0225 3979951
- Website: [hphpaper.com](http://hphpaper.com)
- Email: [hphpaper@gmail.com](mailto:hphpaper@gmail.com)

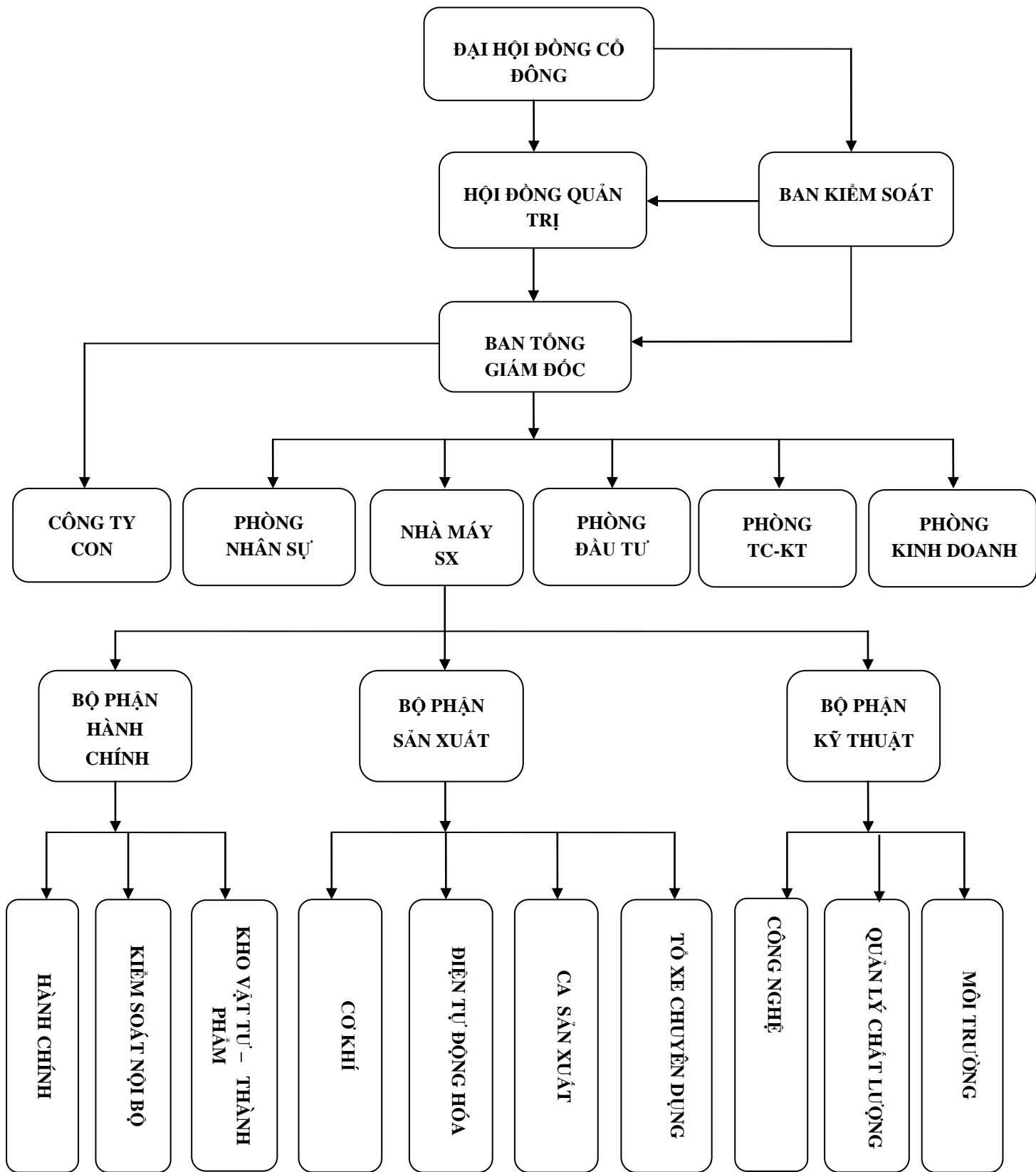
### ❖ Công ty con: Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hà Nam

- Địa chỉ: KCN Đồng Văn I, Đồng Văn, Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam
- Điện thoại: 0226 3582866      Fax: 0226 3582867

## 3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



## ❖ Diễn giải sơ đồ

### ➤ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- Quyết định số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

### ➤ Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

- |                          |                 |
|--------------------------|-----------------|
| ○ Ông Trần Kim Gia       | Chủ tịch HĐQT   |
| ○ Bà Trần Thị Thu Phương | Thành viên HĐQT |



- |                          |                 |
|--------------------------|-----------------|
| ○ Ông Nguyễn Huy Long    | Thành viên HĐQT |
| ○ Bà Nguyễn Thị Ngân     | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Nguyễn Trung Thành | Thành viên HĐQT |

#### ➤ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ;

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

- |                    |            |
|--------------------|------------|
| ○ Bà Đào Thị Ngân  | Trưởng ban |
| ○ Bà Đinh Thị Hồng | Thành viên |
| ○ Bà Đỗ Thị Vươn   | Thành viên |

#### ● Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

- |                          |                   |
|--------------------------|-------------------|
| ○ Bà Trần Thị Thu Phương | Tổng Giám đốc     |
| ○ Ông Nguyễn Vinh Quang  | Phó Tổng Giám đốc |

- **Các Khối, Phòng chức năng khác:**

- ✓ **Phòng Tài chính - Kế toán**

Là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, BTGD về công tác tài chính kế toán, cụ thể là:

- Theo dõi, phản ánh sự lưu chuyển nguồn vốn kinh doanh của Công ty và tham mưu cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan đảm bảo việc luân chuyển vốn, sử dụng vốn của công ty hiệu quả nhất;
- Kiểm tra, tính toán phân tích tài chính các hợp đồng, dự án của Công ty;
- Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo tài chính kế toán trước Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cơ quan hữu quan. Theo dõi phản ánh đúng tình hình tài chính của công ty;
- Xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn của Công ty trình BTGD, HĐQT phê duyệt;
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh. Tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán phù hợp với công tác tổ chức sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của Công ty;
- Tổ chức ghi chép tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ, kết quả kiểm kê tài sản hàng kỳ. Đề xuất xử lý các khoản hao hụt, mất mát, hư hỏng (nếu có);
- Xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê và báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Lập, tổng hợp đầy đủ và gửi đúng hạn báo cáo kế toán, thống kê và quyết toán tài chính của Công ty theo chế độ qui định;
- Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ Công ty;
- Nghiên cứu các chế độ chính sách trong lĩnh vực thuế, tài chính, thống kê, luật doanh nghiệp... của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Công ty nhằm đưa ra cách thực hiện phù hợp;
- Tổ chức phổ biến và hướng dẫn kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính, kế toán, thống kê hiện hành cho nội bộ bộ phận cũng như các bộ phận liên quan;
- Quản lý việc chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty; phát hành sổ cổ đông Công ty;
- Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán của công ty.

- ✓ **Phòng Nhân sự**

Là phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT/BTGD để quản lý, điều hành công ty trong lĩnh vực nhân sự. Phòng nhân sự có các chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Đề xuất, tham mưu cho HĐQT/ BTGD xây dựng chiến lược phát triển nhân sự đáp ứng chiến lược kinh doanh của Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng mô hình tổ chức bộ máy điều hành của Công ty;
- Xây dựng chính sách nhân sự và chế độ đãi ngộ hợp lý trong nội bộ Công ty. Chủ động đề xuất, trực tiếp xây dựng các quy định, quy chế nội bộ liên quan đến công tác nhân sự của Công ty;
- Đảm bảo nguồn nhân lực cho các phòng/ban thành viên; Điều phối, đánh giá công việc, giám sát hiệu quả sử dụng nhân lực của các phòng/ban thành viên;
- Tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện kỷ luật lao động, các quy chế quản lý nội bộ. Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với CBCNV;
- Chịu trách nhiệm truyền thông nội bộ các vấn đề liên quan đến nhân sự để phát triển văn hóa doanh nghiệp;
- Hỗ trợ các bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự, công tác đào tạo nhân viên, cách thức tuyển dụng nhân sự... ;

#### ✓ **Phòng Đầu tư**

Là phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT/Ban Tổng Giám đốc ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực Quản lý đầu tư, xúc tiến đầu tư. Phòng đầu tư có nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Lên kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hiệu quả các hoạt động đầu tư của Công ty;
- Làm việc với các đơn vị, phòng ban khác trong Công ty để hoàn thành các công việc HĐQT đề ra;
- Chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ quản lý kinh tế, tài chính, chế độ báo cáo của Công ty;
- Mọi hoạt động của Phòng Đầu tư phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

#### ✓ **Phòng Kinh doanh**

Đây là bộ phận hết sức quan trọng, đóng vai trò chủ chốt trong Công ty, giúp việc cho HĐQT/BTGD ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh – xuất nhập khẩu, nhiệm vụ cụ thể:

- Đảm bảo đầu vào và đầu ra của Công ty, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường cũng như thu hút khách hàng mới;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng;
- Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện của các phòng ban/nhà máy, đảm bảo sản xuất, giao hàng đúng thời hạn theo đơn hàng đã cam kết với khách hàng và kịp thời đề xuất những phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả nhất;
- Quản lý đội xe tải và chịu trách nhiệm vận chuyển sản phẩm cho khách hàng;
- Lập và phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm cho Công ty, hàng quý và hàng tháng cho nhà máy sản xuất;

- Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác Marketing trong từng thời điểm.

✓ **Nhà máy sản xuất**

Nhà máy sản xuất là nơi trực tiếp ra sản phẩm của Công ty, gồm 3 bộ phận với các chức năng và nhiệm vụ chính sau:

- *Bộ phận hành chính*: Bao gồm Hành chính, Kho và Kiểm soát nội bộ.

+ Công tác hành chính: Đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự, an toàn tài sản thiết bị, vật tư hàng hóa và cơ sở hạ tầng tại khu vực nhà máy; Chăm lo đời sống, bữa ăn Trưa, Chiều, Tối cho CBCNV trong Công ty; Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong nhà máy; Phân loại nguyên vật liệu đầu vào, xuống hàng, vệ sinh bãi tập kết nguyên liệu...

+ Kho vật tư, thành phẩm: Cập nhật đầy đủ thông tin cần thiết đảm bảo N-X-T theo quy định; Đảm bảo công tác bảo quản hàng hóa và phòng chống cháy nổ trong kho; Sắp xếp kho hợp lý, kiểm kê, đánh giá chất lượng định kỳ và thường xuyên đối chiếu sổ sách với Kế toán nhằm tránh tổn thất.

+ Kiểm soát nội bộ Nhà máy: Giám sát các hoạt động nhập - xuất nguyên vật liệu, thành phẩm; Giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế của tập thể/cá nhân trong nhà máy; Lập biên bản vi phạm và kiến nghị xử lý vi phạm đối với tập thể/cá nhân vi phạm.

- *Bộ phận sản xuất*: Bao gồm Cơ khí, Điện tự động hóa, Các ca sản xuất và Tổ xe chuyên dụng.

+ Cơ khí: Quản lý toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất: Thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động an toàn và thời gian sản xuất ổn định nhất; Nghiên cứu đề xuất cải tiến, nâng cấp máy móc thiết bị tăng hiệu suất làm việc, tăng sản lượng, hạ giá thành sản phẩm.

+ Điện tự động hóa: Quản lý toàn bộ hệ thống thiết bị tủ điện công nghiệp và hệ thống điện tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất: Thực hiện công tác bảo dưỡng, thay thế thiết bị điện đảm bảo hoạt động an toàn và thời gian sản xuất ổn định nhất; Nghiên cứu đề xuất cải tiến, nâng cấp thiết bị tăng hiệu suất làm việc, tăng sản lượng, hạ giá thành sản phẩm.

+ Ca sản xuất: Tiếp nhận đơn hàng từ bộ phận kinh doanh và lên kế hoạch sản xuất, tổ chức sản xuất đảm bảo đúng tiến độ, đạt chất lượng theo tiêu chuẩn đã công bố hoặc theo yêu cầu của khách hàng; Kết hợp cùng các bộ phận liên quan (công nghệ, cơ khí, cơ điện,...) nghiên cứu đề xuất cải tiến tăng năng suất, tăng chất lượng sản phẩm.

+ Tổ xe chuyên dụng: Thực hiện công việc vận hành các phương tiện xe chuyên dụng (xe xúc lật, xe gắp và xe nâng,...) phục vụ sản xuất, xuất nhập hàng hóa và nâng hạ máy móc thiết bị phục vụ sửa chữa; Tiến hành dọn dẹp, sắp xếp gọn gàng kho bãi trong nhà máy (hỗ trợ lên, xuống hàng hóa cho kho nguyên liệu, kho thành phẩm, khu vực vật tư lớn và khu vực rác thải sản xuất).

- *Bộ phận kỹ thuật*: Bao gồm Công nghệ, Quản lý chất lượng và Môi trường.

+ Công nghệ: Chịu trách nhiệm toàn bộ về công nghệ sản xuất, xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng đã công bố; Kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất, thông số sản xuất tại nhà máy; Đưa ra định mức tiêu hao cho từng loại sản phẩm; Nghiên cứu cải tiến đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất, so sánh với sản phẩm cùng loại trên thị trường của các đối thủ cạnh tranh.

+ Quản lý chất lượng (QC): Tổ chức nghiên cứu, áp dụng quy trình về hệ thống đo lường chất lượng; Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, chất lượng sản phẩm từ khâu sản xuất, nhập kho và trước khi giao hàng cho khách hàng; Quản lý mẫu sản phẩm sản xuất và thông số chất lượng cho từng sản phẩm sau khi sản xuất.

+ Môi trường: Giám sát việc triển khai thực hiện quy trình xử lý nguồn chất thải phát sinh trong sản xuất, vận hành hệ thống xử lý nước thải, chỉ đạo công tác vệ sinh công nghiệp đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

#### 4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và Cơ cấu cổ đông của Công ty

##### 4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 06/06/2018**

| STT              | Cổ đông             | Địa chỉ   | Số CMND / ĐKKD | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp(%) |
|------------------|---------------------|---|----------------|--------------------|------------------------------|
| 1                | Trần Kim Gia        | Số 5, Vọng Đức, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội                           | 013339304      | 800.000            | 8                            |
| 2                | Trần Thị Thu Phương | Số 45, tổ 15, ngõ Thủ Lệ, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội     | 03716600021    | 680.000            | 6,8                          |
| 3                | Nguyễn Huy Long     | P1208 Nhà 34T KĐT Trung Hòa – Nhân Chính, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | 001073006514   | 540.000            | 5,4                          |
| <b>Tổng cộng</b> |                     |   |                | <b>2.020.000</b>   | <b>20,2</b>                  |

(Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng tại ngày 06/06/2018)

**4.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 06/06/2018**

*Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 06/06/2018*

| STT              | Cổ đông             | Địa chỉ   | Số CMND / ĐKKD | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp (%) |
|------------------|---------------------|---|----------------|--------------------|-------------------------------|
| 1                | Trần Kim Gia        | Số 5, Vọng Đức, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội                           | 013339304      | 800.000            | 8                             |
| 2                | Trần Thị Thu Phương | Số 45, tổ 15, ngõ Thủ Lệ, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội     | 037166000021   | 680.000            | 6,8                           |
| 3                | Nguyễn Huy Long     | P1208 Nhà 34T KĐT Trung Hòa – Nhân Chính, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | 001073006514   | 540.000            | 5,4                           |
| 4                | Trần Quốc Khánh     | Số 29 tổ 65 TT-TTTN Điện, Bạch Đằng, Hà Nội                           | 013122033      | 40.000             | 0,4                           |
| 5                | Trần Anh Giang      | Phó Phát Diệm Nam, Thị trấn Phát Diệm, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình  | 037086003463   | 90.000             | 0,9                           |
| <b>Tổng cộng</b> |                     |   |                | <b>2.150.000</b>   | <b>21,5</b>                   |

(Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng tại ngày 06/06/2018)

Theo quy định khoản 4, Điều 119, Luật doanh nghiệp 2014, tính đến nay, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

**4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty**

*Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm 06/06/2018*

| STT              | Cổ đông                   | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Giá trị (VND)          | Tỷ trọng (%) |
|------------------|---------------------------|------------------|-------------------|------------------------|--------------|
| <b>I</b>         | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>148</b>       | <b>10.000.000</b> | <b>100.000.000.000</b> | <b>100</b>   |
| 1                | Tổ chức                   | 0                | 0                 | 0                      | 0            |
| 2                | Cá nhân                   | 148              | 10.000.000        | 100.000.000.000        | 100          |
| <b>II</b>        | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>0</b>         | <b>0</b>          | <b>0</b>               | <b>0</b>     |
| 1                | Tổ chức                   | 0                | 0                 | 0                      | 0            |
| 2                | Cá nhân                   | 0                | 0                 | 0                      | 0            |
| <b>III</b>       | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | <b>0</b>         | <b>0</b>          | <b>0</b>               | <b>0</b>     |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>148</b>       | <b>10.000.000</b> | <b>100.000.000.000</b> | <b>100</b>   |

(Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng tại ngày 06/06/2018)



**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết**

## 5.1. Danh sách công ty mẹ

Công ty không có công ty mẹ.

## 5.2. Danh sách công ty con

**Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (Thời điểm bắt đầu trở thành Công ty con: 27/10/2017)**

- Mã số doanh nghiệp: 0700219848 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 04/10/2002, thay đổi ĐKKD lần thứ 9 ngày 08/12/2017.
- Địa chỉ: KCN Đồng Văn I, Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.
- Vốn điều lệ thực góp: 36.000.000.000 đồng; trong đó, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng góp 66,67%.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh Giấy bao bì và các sản phẩm liên quan.
- Sản phẩm chính: Giấy Kraft sóng.

Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty TNHH Ngọc Hải theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700219848, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10/01/2014.



*Trụ sở Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam*

Công ty TNHH Ngọc Hải được thành lập ngày 04/10/2002, năm 2003 Công ty đã ký hợp đồng thuê nhà xưởng, sân bãi của Công ty Thực phẩm Miền Bắc và tiến hành đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giấy bao bì công suất 6.000 tấn/năm. Năm 2005 nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động nhưng cho đến năm 2011, kết quả kinh doanh của Công ty vẫn không đạt như mong muốn, chính vì vậy các thành viên góp vốn cũ đã tìm đối tác chuyển nhượng lại 90% vốn góp cho các thành viên mới từ ngày 08/02/2012. Sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý, Hội đồng thành viên mới đã bổ nhiệm ban điều hành mới, nghiên cứu tình hình thực trạng nhà máy và đưa ra các quyết định đầu tư để tái cấu trúc lại nhà máy.

Dưới đây là một số hình ảnh tại nhà máy của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam:



*Dây chuyền Xeo*



*Hệ thống xử lý nước thải*





*Tháp lắng bột*



*Hệ thống nồi hơi, tháp lắng vi sinh*



*Kho nguyên liệu, hóa chất*



*Kho thành phẩm*

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2015, Công ty TNHH Ngọc Hải (từ 10/01/2014 đổi tên thành Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hà Nam) đã cải tạo nâng cấp khôi phục nhà máy, rồi đầu tư để nâng công suất dây chuyền lên 9.000 tấn/năm cũng như một số hạng mục phụ trợ với tổng mức đầu tư khoảng 30 tỷ đồng. Năm 2016, Công ty đã đầu tư thêm gần 10 tỷ đồng (tạm sử dụng nguồn vốn ngắn hạn) bổ sung hạng mục nồi hơi để chuyển nhiên liệu từ than sang Biomass nhằm hạ giá thành sản phẩm và giải quyết bài toán môi trường. Năm 2017, Công ty có kế hoạch đầu tư cải tạo nâng cấp dây chuyền sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm, không những chỉ sản xuất sản phẩm giấy Kraft mà có thể sản xuất cả dòng sản phẩm định lượng dày hơn (giấy Chipboard),

mở rộng sang thị trường ống lõi thay vì chỉ là thị trường giấy bao bì carton như trước đây và đầu tư bổ sung một số hạng mục về xử lý nước thải nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn các quy định về bảo vệ môi trường với tổng mức đầu tư trên 15 tỷ đồng. Chính vì vậy Công ty đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 12 tỷ lên 36 tỷ đồng để bổ sung cho nguồn vốn đã và đang đầu tư (thời điểm này, ông Trần Kim Gia đang giữ chức Chủ tịch HĐQT với tỷ lệ sở hữu 51% và bà Trần Thị Thu Phương – thành viên HĐQT với tỷ lệ sở hữu 39%). Công ty đã quyết định lựa chọn Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng là đơn vị góp vốn, vì hai đơn vị có cùng ngành nghề, cùng lĩnh vực sản xuất dòng sản phẩm giấy Kraft sóng, sẽ hỗ trợ được nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh chứ không chỉ đơn thuần giải quyết bài toán về nguồn vốn. Sau khi tăng vốn, ông Trần Kim Gia vẫn tiếp tục giữ chức Chủ tịch HĐQT với tỷ lệ sở hữu cá nhân là 17%, đồng thời đại diện cho phần vốn góp của Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng là 66,67%; bà Trần Thị Thu Phương vẫn là thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu giảm xuống còn 13%.



*Giấy khen về thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế của Công ty con*

Kết quả kinh doanh của CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng:

- Năm 2016 : Doanh thu thuần: 72,9 tỷ đồng; LNST: 982 triệu đồng
- Năm 2017 : Doanh thu thuần: 82,7 tỷ đồng; LNST: 1,7 tỷ đồng.



### 5.3. Danh sách công ty liên kết

Công ty không có công ty liên kết

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty

#### 6.1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thành phẩm giấy Kraft (giấy sóng) - nguyên liệu chính cho các doanh nghiệp sản xuất bao bì carton.



*Cuộn giấy Kraft sóng - sản phẩm chính của Công ty*

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã và đang từng bước khẳng định thương hiệu và uy tín của mình trong ngành sản xuất giấy công nghiệp, khi mang đến cho đối tác và khách hàng những sản phẩm giấy Kraft sóng thương hiệu Giấy Hoàng Hà với chất lượng tốt - phù hợp nhất, giá cả hợp lý nhất phục vụ nhu cầu sản xuất bao bì carton. Công ty cam kết luôn đồng hành để cùng phát triển với khách hàng.

Một số hình ảnh tại nhà máy của Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng:



*Dây chuyền Xeo*



*Tháp lắng*



*Máy ép kiện giấy phế liệu*



*Lò hơi*



*Kho phế liệu*



*Kho tinh bột*

### **6.1.2. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp**

Với thế mạnh về công nghệ sản xuất cùng đội ngũ nhân lực có chất lượng tốt, Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng ngày càng đẩy mạnh và phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm giấy Kraft sóng. Sản lượng tiêu thụ sản phẩm giấy Kraft của Công ty giai đoạn từ năm 2016 đến 30/06/2018 như sau:



**Bảng 5: Sản lượng và giá bán bình quân giai đoạn từ năm 2016 đến 30/06/2018 của công ty mẹ**

| Loại giấy                         | Năm 2016                |                                 | Năm 2017                |                                 | 6T/2018                 |                                 |
|-----------------------------------|-------------------------|---------------------------------|-------------------------|---------------------------------|-------------------------|---------------------------------|
|                                   | Sản lượng tiêu thụ (Kg) | Đơn giá bán bình quân (đồng/kg) | Sản lượng tiêu thụ (Kg) | Đơn giá bán bình quân (đồng/kg) | Sản lượng tiêu thụ (Kg) | Đơn giá bán bình quân (đồng/kg) |
| Giấy Kraft thường                 | 4.327.817               | 7.201                           | 2.826.339               | 8.650                           | 834.486                 | 9.431                           |
| Giấy Kraft gia keo                | 3.038.769               | 7.538                           | 5.100.286               | 9.389                           | 3.401.843               | 9.550                           |
| Giấy Kraft chất lượng cao gia keo | 6.184.529               | 8.687                           | 4.985.376               | 10.119                          | 3.316.132               | 10.074                          |
| <b>Tổng</b>                       | <b>13.551.115</b>       | -                               | <b>12.912.001</b>       | -                               | <b>7.552.461</b>        | -                               |

(Nguồn: Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)

Doanh thu của Công ty đạt được trong giai đoạn từ năm 2016 đến 30/06/2018 như sau:

**Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty sau hợp nhất**

| STT  | Chỉ tiêu                                   | Năm 2016               |              | Năm 2017               |              | 6T/2018                |              |
|--|--|------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
|  |  | Giá trị (đồng)         | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng)         | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng)         | Tỷ trọng (%) |
| 1  | Doanh thu thuần bán hàng hóa và thành phẩm | 107.826.553.374        | 98,30        | 138.937.389.855        | 98,72        | 117.553.641.827        | 96,8         |
| 2  | Doanh thu khác                             | 1.862.530.375          | 1,70         | 1.801.931.714          | 1,28         | 3.887.202.634 (*)      | 3,2          |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> |  | <b>109.689.083.749</b> | <b>100</b>   | <b>140.739.321.569</b> | <b>100</b>   | <b>121.440.844.461</b> | <b>100</b>   |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập 6T/2018 của Công ty)

(\*): Doanh thu khác 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty sau Hợp nhất là 3.887.202.634, trong đó:

- Tại Công ty mẹ: 829.801.082 đồng (trong đó có 360 triệu đồng là tiền bù đắp khấu hao thu được của Công ty CP Bao bì Phương Bắc, còn lại là tiền điện, nước, bảo vệ... thu hộ chi hộ cho Công ty CP Bao bì Phương Bắc – đơn vị hợp tác kinh doanh và Công ty CP Năng lượng Tái tạo Thành Thắng - đơn vị cung cấp hơi cho Công ty mẹ);

- Tại Công ty con: 3.057.401.552 đồng (trong đó có 900 triệu đồng là tiền bù đắp khấu hao thu được của Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà, còn lại là tiền điện, nước thu hộ chi hộ cho Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà - đơn vị Hợp tác kinh doanh và Công ty CP Năng lượng Tái tạo Thành Thắng - đơn vị cung cấp hơi cho Công ty con);

**Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ**

| STT  | Chỉ tiêu                                   | Năm 2016               |              | Năm 2017               |              | 6T/2018               |              |
|--|--|------------------------|--------------|------------------------|--------------|-----------------------|--------------|
|  |  | Giá trị (đồng)         | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng)         | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng)        | Tỷ trọng (%) |
| 1  | Doanh thu thuần bán hàng hóa và thành phẩm | 107.826.553.374        | 98,30        | 122.788.456.006        | 98,55        | 73.766.477.064        | 98,9         |
| 2  | Doanh thu khác                             | 1.862.530.375          | 1,70         | 1.801.931.714          | 1,45         | 829.801.082           | 1,1          |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> |  | <b>109.689.083.749</b> | <b>100</b>   | <b>124.590.387.720</b> | <b>100</b>   | <b>74.596.278.146</b> | <b>100</b>   |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC tự lập 6T/2018 của Công ty mẹ)

Trong năm 2017, các chính sách về việc cấm nhập khẩu giấy phế liệu chưa phân loại và chỉ cấp giấy phép nhập khẩu cho từng đợt giấy OCC của chính quyền Trung Quốc đã khiến cho quốc gia này phải đi tìm kiếm nguồn cung giấy Kraft thành phẩm ở các nước khác trong khu vực để nhập khẩu. Giá giấy Kraft trong nước vì thế luôn được giữ ở mức cao suốt giai đoạn nửa cuối năm. Đây là nguyên nhân chủ yếu khiến cho doanh thu thuần của Công ty mẹ trong năm 2017 tăng 14,9 tỷ đồng, tương đương tăng 13,59% so với năm 2016.

Thêm vào đó, do hợp nhất doanh thu thuần của công ty con (từ ngày 27/10/2017 đến ngày 31/12/2017: 16,1 tỷ đồng) nên doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2017 sau hợp nhất đạt 140,7 tỷ đồng, tăng 31 tỷ đồng tương đương mức tăng trưởng 28,31% so với năm 2016.

Sáu tháng đầu năm 2018, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất của Công ty đã đạt 121,4 tỷ đồng, trong đó doanh thu thuần tại Công ty mẹ đạt 74,6 tỷ đồng (tăng 36,8% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 53,29% kế hoạch doanh thu năm 2018 được ĐHCĐ thông qua), doanh thu tại Công ty con được hợp nhất vào là 46,8 tỷ đồng.

**Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty sau hợp nhất**

| STT | Chỉ tiêu                                    | Năm 2016       |                   | Năm 2017       |                    | 6T/2018        |                   |
|-----|---|----------------|-------------------|----------------|--------------------|----------------|-------------------|
|     |   | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng/DT T (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng / DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) |
| 1   | Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa và thành phẩm | 8.276.488.235  | 7,54              | 15.660.882.167 | 11,13              | 12.452.157.330 | 10,25             |
| 2   | Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác             | 515.503.708    | 0,47              | 720.000.000    | 0,51               | 942.664.080    | 0,78              |

|  |                      |             |                       |              |                       |              |
|--|----------------------|-------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
| <b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>8.791.991.943</b> | <b>8,01</b> | <b>16.380.882.167</b> | <b>11,64</b> | <b>13.394.821.410</b> | <b>11,03</b> |
|--|----------------------|-------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập 6T/2018 của Công ty)

**Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ**

| STT | Chỉ tiêu   | Năm 2016             |                   | Năm 2017              |                   | 6T/2018              |                   |
|-----|--|----------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|----------------------|-------------------|
|     |  | Giá trị (đồng)       | Tỷ trọng /DTT (%) | Giá trị (đồng)        | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (đồng)       | Tỷ trọng/ DTT (%) |
| 1   | Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa và thành phẩm                    | 8.276.488.235        | 7,54              | 14.171.460.355        | 11,37             | 8.714.627.532        | 11,68             |
| 2   | Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác                                | 515.503.708          | 0,47              | 720.000.000           | 0,58              | 497.857.955          | 0,67              |
|     | <b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>8.791.991.943</b> | <b>8,01</b>       | <b>14.891.460.355</b> | <b>11,95</b>      | <b>9.212.485.487</b> | <b>12,35</b>      |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC tự lập 6T/2018 của Công ty mẹ)

Năm 2016, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đạt 8,8 tỷ đồng, tương đương 8,01% DTT, giảm 3,03% so với năm 2015, nguyên nhân chủ yếu là do năm 2016 là một năm vô cùng khó khăn của ngành giấy bao bì, giá bán giảm đáng kể trong khi các yếu tố đầu vào đặc biệt là giấy phế liệu - nguyên liệu chính của Công ty liên tục tăng.

Năm 2017, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ là 14,9 tỷ đồng, tương đương 11,95% DTT, trong khi năm 2016 tỷ lệ này là 8,01%. Nguyên nhân chủ yếu là do từ nửa cuối năm 2017, thị trường giấy Kraft liên tục tăng giá, khiến cho giá bán bình quân năm 2017 tăng khoảng 20% so với năm 2016. Trong khi đó, do chú trọng đầu tư cải tiến thiết bị, công nghệ để tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và nhờ có lượng nguyên liệu dự trữ tương đối nên mặc dù giá giấy phế liệu đầu vào (đặc biệt từ Quý 3/2017) nhưng tỷ trọng giá vốn hàng bán/DTT tại Công ty mẹ vẫn giảm đáng kể (3,94%). Tổng lợi nhuận gộp của Công ty sau hợp nhất năm 2017 đạt 16,4 tỷ đồng (trong đó Công ty mẹ đạt 14,9 tỷ đồng và Công ty con được hợp nhất từ ngày 27/10/2017 vào Công ty mẹ là 1,5 tỷ đồng).

Sang năm 2018, giá giấy phế liệu đầu vào giảm đáng kể, trong khi giá bán sản phẩm giấy Kraft tuy có giảm hơn so với cuối năm 2017 nhưng vẫn giữ ở mức cao hơn giá bình quân cả năm 2017 nên 6 tháng đầu năm 2018 tỷ lệ lợi nhuận gộp/DTT của Công ty mẹ đạt mức 12,35% cao hơn 0,4% so với năm 2017. Tổng lợi nhuận gộp của Công ty sau hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 đạt 13,4 tỷ đồng (trong đó Công ty mẹ đạt 9,2 tỷ đồng và Công ty con được hợp nhất vào Công ty mẹ là 4,2 tỷ đồng).

## 6.2. Hợp tác kinh doanh

### 6.2.1. Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bao bì Phương Bắc:

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/BBPB ngày 08/1/2013 và các phụ lục kèm theo, trong đó có 02 lần gia hạn (lần 1 từ ngày 01/01/2015-31/12/2016 và lần 2 từ ngày 01/01/2017-31/12/2018) với Công ty Cổ phần Bao bì Phương Bắc để khai thác hệ thống máy móc thiết bị thuộc dây chuyền sản xuất bao bì. Công ty Cổ phần Bao bì Phương Bắc, do ông Nguyễn Huy Long là Giám đốc, có trụ sở nằm trong khuôn viên của Công ty tại 194 đường Kiều Hạ, phường Đông Hải 2, quận Hải An (tại thời điểm ký Hợp đồng, ông Long là cổ đông lớn và hiện tại là thành viên HĐQT Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng). Theo đó, Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng chịu trách nhiệm đầu tư toàn bộ về nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất, trạm biến áp, nồi hơi và 2 dây chuyền sản xuất bao bì carton công suất 12.000 tấn/năm và 6.000 tấn/năm. Tổng giá trị đầu tư 02 dây chuyền là 8,5 tỷ đồng, Công ty đã bàn giao cho Công ty CP Bao bì Phương Bắc quản lý, khai thác từ ngày 08/1/2013 (máy móc thiết bị thuộc dây chuyền sản xuất bao bì công suất 12.000 tấn/năm) và ngày 15/5/2013 (máy móc thiết bị thuộc dây chuyền sản xuất bao bì công suất 6.000 tấn/năm). Các tài sản này vẫn thuộc sở hữu của Công ty và hiện vẫn đang được Công ty thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền để vay vốn, tuy nhiên do đã bàn giao toàn bộ cho Công ty Bao bì Phương Bắc quản lý, sử dụng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh nên Công ty đã hạch toán giảm 02 dây chuyền này trên sổ sách kế toán, đồng thời ghi nhận khoản Phải thu dài hạn khác 8,5 tỷ đồng đối với Công ty CP Bao bì Phương Bắc. Công ty CP Bao bì Phương Bắc có trách nhiệm hạch toán và trích khấu hao đối với các tài sản nói trên, đồng thời thực hiện các thủ tục kê khai, quyết toán thuế liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh với cơ quan thuế. Quyền lợi Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng như sau:

- Được nhận phần tiền vốn góp cố định từ Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc là 5,05 tỷ đồng (Sau khi hai bên kết thúc hợp tác kinh doanh thì Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc sẽ phải mua lại dây chuyền máy móc thiết bị với số tiền bằng với nguyên giá là 8,5 tỷ đồng và khoản tiền 5,05 tỷ đồng này sẽ được bù trừ sang hợp đồng mua bán máy móc thiết bị sẽ ký kết giữa hai bên).
- Được nhận một khoản tiền bù đắp chi phí khấu hao nhà văn phòng, nhà xưởng: 50 triệu đồng/tháng (từ năm 2013-2016); 60 triệu đồng/tháng (năm 2017-2018). Định kỳ, Công ty xuất hóa đơn GTGT cho Công ty CP Bao bì Phương Bắc hạch toán chi phí, đồng thời ghi nhận vào doanh thu trong kỳ tương ứng cho Công ty.
- Được Công ty Cổ phần Bao bì Phương Bắc hỗ trợ cho vay một phần chi phí đầu tư hạ tầng: năm 2013: 1,2 tỷ đồng, năm 2015: 1,2 tỷ đồng; năm 2017: 1,44 tỷ đồng (số tiền này được dùng để khấu trừ dần vào tiền bù đắp chi phí khấu hao nói trên).
- Được quyền thu lại chi phí bảo vệ, vệ sinh lao vụ, tiền điện, nước theo thực tế sử dụng của Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc. Hàng tháng, căn cứ thực tế phát sinh, Công ty xuất hóa đơn GTGT cho Công ty CP Bao bì Phương Bắc hạch toán chi phí, đồng thời ghi nhận vào doanh thu của Công ty.
- Được chia 20% kết quả thu được từ hoạt động khai thác dây chuyền sản xuất bao bì sau khi Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc hoàn thành các nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước. Do hoạt động của Công ty Cổ phần Bao bì Phương Bắc hoàn

toàn chỉ gồm việc khai thác, sử dụng dây chuyền được nhận từ Công ty CP Hoàng Hà Hải Phòng nên hai bên đã thống nhất sử dụng báo cáo tài chính của Công ty CP Bao bì Phương Bắc công bố trên hệ thống thuế để phân chia lợi nhuận. Theo đó, Công ty đã nhận được khoản lãi từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh các năm 2013, 2014, 2015, 2016 số tiền 87.508.155 đồng (tương đương 20% khoản lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Bao bì Phương Bắc trong giai đoạn trên) và hạch toán trên BCTC kiểm toán năm 2016. Trường hợp sau khi quyết toán thuế có chênh lệch tăng đối với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thì Công ty CP Bao bì Phương Bắc có trách nhiệm chuyển bổ sung 20% của phần chênh lệch tăng thêm này cho công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng. Trường hợp chênh lệch giảm thì Công ty CP Bao bì Phương Bắc sẽ chịu hoàn toàn phần chênh lệch giảm phát sinh, các bên thống nhất sẽ không điều chỉnh lại số tiền 87.508.155 đồng mà Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đã được nhận trong giai đoạn 2013-2016. Theo Phụ lục số 03 ngày 29/12/2016 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/BBPB ngày 08/1/2013, hai bên đã thống nhất vào ngày hết hạn Hợp đồng hợp tác kinh doanh (31/12/2018) sẽ tiến hành lập biên bản thanh lý hoặc gia hạn hợp đồng và phân chia lợi nhuận các năm 2017, 2018.

#### ***6.2.2. Hợp tác kinh doanh Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất giấy Hoàng Hà:***

Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2017/HĐHTKD ngày 21/9/2017 với Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất giấy Hoàng Hà để thực hiện dự án “Mở rộng và chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3 m<sup>2</sup> tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng”, là đất do Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 792947 ngày 29/11/2016 với mục đích xây dựng văn phòng và cửa hàng giới thiệu sản phẩm, kho, nhà xưởng. Theo đó, Công ty sẽ góp vốn để Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tổ chức triển khai việc mở rộng diện tích thêm phần còn lại của cả Khu đất với diện tích 3.278,6m<sup>2</sup> và chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, sau đó phân lô, bán nền và thu hồi vốn đầu tư. Tổng diện tích đầu tư theo kế hoạch: 6.801,9 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích được phép chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, sau đó phân lô, bán nền là: 3.425,4 m<sup>2</sup>, phần còn lại sử dụng đúng mục đích theo quy định của cơ quan chức năng cho phép.

Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 20 tỷ đồng tương ứng 45% tổng chi phí của dự án. Khi dự án hoàn thành, Công ty sẽ thu hồi tiền vốn đầu tư tương ứng theo tiến độ doanh thu và được hưởng 45% tổng lợi nhuận sau thuế sau khi kết thúc dự án. Công ty Tư vấn Hoàng Hà đã hoàn thiện hồ sơ xin chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 792947 vào ngày 07/02/2018; đã nhận được văn bản số 470/SXD-QHKT ngày 06/02/2018 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng xác nhận khu đất nêu trên được quy hoạch là đất ở. Ngày 28/5/2018 Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất giấy Hoàng Hà đã có Công văn số 2805/CV-HH-TCHC gửi Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc xin chuyển đổi việc sử dụng đất tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng và đã nhận được Văn bản số 3265-CV/VPTU ngày 01/06/2018 V/v thông báo ý kiến của đồng chí Bí thư Thành ủy Hải Phòng, giao cho UBND thành phố Hải Phòng xem xét, báo cáo thường trực Thành ủy. Ngày 22/6/2018 UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3095/VP-ĐC2 gửi Sở Xây dựng và



UBND quận Hồng Bàng để kiểm tra cụ thể về nguồn gốc đất đai; Ngày 05/7/2018 UBND quận Hồng Bàng có Văn bản 875/UBND-TN&MT; Ngày 17/7/2018 UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4395/UBND-ĐC2 giao Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo và ngày 20/7/2018 Sở Xây dựng đã có lịch tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các Sở, ngành, đơn vị trước khi tổng hợp báo cáo UBND thành phố vào ngày 25/7/2018 theo Giấy mời số 261/GM-SXD.

Như vậy hiện nay tiến độ thực hiện dự án đang rất khả quan, dự kiến khoảng sang Quý I/2019 dự án sẽ bắt đầu có doanh thu. Trong quá trình triển khai, căn cứ tình hình thực tế dự án đang được điều chỉnh theo hướng có lợi cho chủ đầu tư: do vướng hành lang bảo vệ đường ống xăng dầu nên hiện nay diện tích của phần mở rộng giảm xuống chỉ còn 543,6m<sup>2</sup>, do đó tổng diện tích đầu tư thực tế là: 4.066,9 m<sup>2</sup> (giảm 2.735 m<sup>2</sup> so với kế hoạch) nhưng diện tích đất nền phân lô chỉ giảm 782 m<sup>2</sup> so với kế hoạch. Như vậy chi phí đền bù và làm hạ tầng giảm, tổng chi phí đầu tư giảm (tỷ lệ góp vốn của Công ty sẽ tăng lên, tỷ lệ lợi nhuận được phân chia cũng sẽ tăng tương ứng), do vậy ước tính dự án sẽ đạt được lợi nhuận cao hơn so với dự kiến tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh.

### 6.3. Nguyên vật liệu tại Công ty mẹ

#### 6.3.1. Nguyên vật liệu chính

Nguyên liệu chính của Công ty là giấy phế liệu - bìa carton cũ (nhập khẩu kết hợp thu mua trong nước), tinh bột sắn, tinh bột biến tính. Nguồn giấy phế liệu nhập khẩu được thu mua từ các nước: Nhật Bản, Mỹ..., chiếm tỷ trọng khoảng 20-50% tùy theo từng chủng loại sản phẩm đầu ra của Công ty. Còn lại chủ yếu nguồn giấy phế liệu thu mua trong nước tập trung chính ở các thành phố lớn như Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định...

*Bảng 10: Nguyên vật liệu chính dùng trong sản xuất của Công ty*

| STT       | Danh mục   | Đặc tính   | Khối lượng bình quân/năm | Đơn vị  |
|-----------|--|--|--------------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Nguyên liệu chính</b>   |  |                          |         |
| 1         | Giấy phế liệu  |  | 12.000-15.600            | Tấn/năm |
| 2         | Tinh bột sắn, tinh bột biến tính   | Gia keo tăng liên kết sợi xenlulo, tăng tính chất cơ lý của giấy | 300-450                  | Tấn/năm |
| <b>II</b> | <b>Hóa chất chính</b>  |  |                          |         |
| 1         | Chống thấm, gia keo bề mặt   | Tăng độ chống thấm cho tờ giấy                                   | 20-40                    | Tấn/năm |
| 2         | Phèn (Al <sub>2</sub> (SO <sub>4</sub> ) <sub>3</sub> .18H <sub>2</sub> O) | Tăng độ PH của dung dịch   | 15-42                    | Tấn/năm |
| 3         | Javen (NaOCl)  | Vệ sinh tẩy rửa làm sạch chần ướt                                | 0,5-4                    | Tấn/năm |
| 4         | Oxy già (H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> )                                   |  | 3-4                      | Tấn/năm |
| 5         | PAC  | Thu hồi bột giấy,  | 20-30                    | Tấn/năm |



|   |        |            |       |         |
|---|--------|------------|-------|---------|
| 6 | Polyme | xử lý nước | 20-30 | Tấn/năm |
|---|--------|------------|-------|---------|

(Nguồn: Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)

### 6.3.2. Nguyên vật liệu phụ

Vật tư phụ và năng lượng dùng trong sản xuất được liệt kê trong bảng dưới đây:

**Bảng 11: Vật tư phụ và năng lượng sử dụng**

| STT       | Danh mục           | Khối lượng bình quân | Đơn vị              |
|-----------|--------------------|----------------------|---------------------|
| <b>I</b>  | <b>Vật tư phụ</b>  |                      |                     |
| 1         | Băng dính các loại | 800-1.100            | Cuộn/năm            |
| 2         | Màng co            | 900-1.200            | Cuộn/năm            |
| 3         | Bộ sắt (kẹp đai)   | 110-140              | Kg/năm              |
| 4         | Dây đai            | 700-900              | Kg/năm              |
| 5         | Lưỡi dao           | 600-750              | Hộp/năm             |
| <b>II</b> | <b>Năng lượng</b>  |                      |                     |
| 1         | Hơi                | 19.000-25.000        | Tấn/năm             |
| 2         | Nước               | 18.000-25.000        | m <sup>3</sup> /năm |
| 3         | Điện               | 3.300.000-4.000.000  | Kwh/năm             |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)

### 6.3.3. Sự ổn định của nguồn cung cấp

Nguyên vật liệu được dùng trong ngành sản xuất giấy Kraft nói chung và đối với Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng nói riêng mang tính chất đặc thù rất lớn. Nhìn chung, một quy trình sản xuất thông thường cần hai thành phần nguyên liệu chủ yếu, đó là:

- Giấy phế liệu (bao gồm giấy phế liệu thu mua trong nước và OCC nhập khẩu) – Chiếm tỷ trọng khoảng 50-60% giá vốn của sản phẩm tùy theo chủng loại. Giá giấy phế liệu thường xuyên biến động phụ thuộc vào nhiều yếu tố như nguồn cung (nguồn thu mua trong nước thường khan hiếm), nguồn giấy phế liệu nhập khẩu tương đối nhiều nhưng giá cả tăng giảm bất thường tùy thuộc vào thị trường, đặc biệt là chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ chính sách quản lý nhập khẩu phế liệu của Trung Quốc.
- Hóa chất, phụ gia (Tinh bột, chất chống hồi ẩm, hóa chất gia keo bề mặt...), nhìn chung các loại nguyên vật liệu này tương đối ổn định về giá.

Công ty đã trực tiếp lập các Trạm thu mua để tổ chức thu mua giấy phế liệu trong nước, ngoài ra còn có các đối tác, bạn hàng cả trong và ngoài nước để cung cấp nguồn nguyên liệu giấy phế liệu đảm bảo đủ cung cấp cho nhu cầu sản xuất và dự trữ của Công ty. Các vật tư, hóa chất còn lại Công ty ký hợp đồng mua trực tiếp từ các đơn vị sản xuất hoặc thương mại, là các nhà cung cấp truyền thống có uy tín, do vậy không những đảm bảo về chất lượng mà còn cạnh tranh về giá cả. Mặc dù có sự biến động chung của thị trường trong nước và thế giới nhưng

trong thời gian qua, nhờ có nguồn vốn bổ sung từ việc tăng vốn điều lệ nên Công ty vẫn duy trì được nguồn nguyên liệu với mức biến động giá nằm trong ngưỡng cho phép. Chính vì vậy năm 2017, Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

**Bảng 12: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty**

| STT | Nhà cung cấp   | Nguyên liệu cung cấp         |
|-----|--|------------------------------|
| 1   | Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh                     | Giấy phế liệu                |
| 2   | Công ty CP Sản Xuất và Thương Mại PP                       | Giấy phế liệu                |
| 3   | Công ty CP Bao Bì Phương Bắc                               | Giấy phế liệu                |
| 4   | Công ty TNHH Sản xuất Hóa chất Thương mại Dịch vụ Gia Định | Tinh bột, tinh bột biến tính |
| 5   | Công ty Cổ phần TM Dịch vụ Giấy Việt                       | Hóa chất                     |
| 6   | Công ty Hải Việt   | Bột sắn                      |
| 7   | Công ty TNHH MTV Việt Nam Vật Liệu & Nguồn Lực Hanwa       | Dầu nhờn                     |
| 8   | Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà                 | Giấy sóng, giấy phế liệu     |
| 9   | Công ty TNHH Xử lý nước Minh Hoàng                         | Hóa chất                     |
| 10  | Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm                          | Giấy phế liệu                |
| 11  | Công ty TNHH Ngọc Kim Ngân                                 | Dầu máy                      |
| 12  | Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phú Bình                       | Chăn xeo                     |
| 13  | Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Phương Chi            | Giấy phế liệu, hóa chất      |
| 14  | Công ty TNHH Thương mại Phương Mai                         | Vật tư                       |
| 15  | Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Thành Thắng             | Hơi bão hòa                  |
| 16  | Công ty TNHH Thiết bị máy Hồng Việt                        | Chất chống thấm              |
| 17  | Công ty TNHH ứng dụng và phát triển công nghệ tự động TTH  | Thiết bị điện                |
| 18  | Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ công nghiệp Tuấn Huyền  | Vật tư phụ                   |
| 19  | Công ty TNHH Xây Dựng và Hóa Chất                          | Hóa chất                     |
| 20  | Công ty Cổ phần Xăng Dầu Bạch Đằng                         | Dầu vận tải                  |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)

**6.3.4. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận**

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng chi phí của Công ty (55-68% tùy chủng loại sản phẩm) nên giá nguyên vật liệu ảnh hưởng nhiều tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Khi giá cả nguyên vật liệu tăng dẫn tới chi phí giá vốn hàng bán của Công ty tăng, lợi nhuận giảm và ngược lại.

**6.4. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm**

*Bảng 13: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty*

| STT         | Chỉ tiêu                     | Năm 2016               |                | Năm 2017               |                | 6T/2018                |                |
|-------------|------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
|             |                              | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ/ DTT (%) | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ/ DTT (%) | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ/ DTT (%) |
| 1           | Giá vốn hàng bán             | 100.897.091.806        | 91,98          | 124.358.439.402        | 88,36          | 108.046.023.051        | 88,97          |
| 2           | Chi phí bán hàng             | 1.547.014.213          | 1,41           | 1.852.889.581          | 1,32           | 1.269.685.880          | 1,04           |
| 3           | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 743.402.848            | 0,68           | 862.103.776            | 0,61           | 1.263.927.422          | 1,04           |
| 4           | Chi phí tài chính            | 6.481.384.529          | 5,91           | 6.296.377.006          | 4,47           | 3.956.050.321          | 3,26           |
| <b>Tổng</b> |                              | <b>109.668.893.396</b> | <b>99,98</b>   | <b>133.369.809.765</b> | <b>94,76</b>   | <b>114.535.686.674</b> | <b>94,31</b>   |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập 6T/2018 của Công ty)

*Bảng 14: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ*

| STT         | Chỉ tiêu                     | Năm 2016               |                | Năm 2017               |                | 6T/2018               |                |
|-------------|------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|-----------------------|----------------|
|             |                              | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ/ DTT (%) | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ/ DTT (%) | Giá trị (đồng)        | Tỷ lệ/ DTT (%) |
| 1           | Giá vốn hàng bán             | 100.897.091.806        | 91,98          | 109.698.927.365        | 88,05          | 65.383.792.659        | 87,65          |
| 2           | Chi phí bán hàng             | 1.547.014.213          | 1,41           | 1.669.821.266          | 1,34           | 822.853.121           | 1,10           |
| 3           | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 743.402.848            | 0,68           | 713.439.892            | 0,57           | 862.651.734           | 1,16           |
| 4           | Chi phí tài chính            | 6.481.384.529          | 5,91           | 5.627.135.223          | 4,52           | 2.501.693.189         | 3,35           |
| <b>Tổng</b> |                              | <b>109.668.893.396</b> | <b>99,98</b>   | <b>117.709.323.746</b> | <b>94,48</b>   | <b>69.570.990.703</b> | <b>93,26</b>   |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC tự lập 6T/2018 của Công ty mẹ)

Tỷ trọng giá vốn hàng bán/DTT của Công ty mẹ có xu hướng giảm rõ rệt trong giai đoạn 2016-2017, từ 91,98% năm 2016 đã giảm xuống chỉ còn 88,05% vào năm 2017 (nguyên nhân đã được giải thích rõ trong mục 6.1.2. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp). Không những chi quan tâm đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, năm 2017 Công ty cũng chú trọng đến việc tiết giảm các yếu tố chi phí khác như tỷ trọng chi phí bán hàng giảm từ

1,41% xuống 1,24%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 0,68% xuống 0,57% và đặc biệt nhờ việc tăng nguồn vốn góp từ các cổ đông mà chi phí tài chính của Công ty cũng đã giảm từ 5,91% xuống còn 4,52%, góp phần đáng kể vào việc gia tăng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế cho Công ty.

Trong 06 tháng đầu năm 2018, tại Công ty mẹ, tỷ trọng giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng trên doanh thu thuần của Công ty giảm nhẹ so với năm 2017 (giảm lần lượt 0,4%, 0,24%), tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp/DTT tăng nhẹ (tăng 0,59%). Trong khi đó, tỷ trọng chi phí tài chính/DTT giảm 1,39%, cho thấy việc tăng vốn điều lệ của Công ty đã và đang phát huy hiệu quả rõ rệt. Tổng kết lại, tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ tính trong 6 tháng đầu năm 2018 chỉ còn ở mức 93,26% (giảm 1,22% so với năm 2017 và giảm 6,72% so với năm 2016).

Theo đánh giá của Công ty, chi phí sản xuất của Công ty có tính cạnh tranh tương đối tốt so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực giấy và bao bì.

### 6.5. Trình độ công nghệ.

Để đảm bảo cung cấp những sản phẩm giấy Kraft sóng mang thương hiệu Hoàng Hà với chất lượng ổn định, Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng luôn chú trọng đầu tư vào các máy móc, thiết bị công nghệ trong điều kiện cho phép để phục vụ tốt nhất quá trình sản xuất kinh doanh. Công ty đã sử dụng hệ thống biến tần để điều khiển tốc độ chạy máy, điều khiển hệ thống nghiền, bơm hút chân không... nhằm tăng tuổi thọ thiết bị, an toàn trong vận hành và tiết kiệm điện. Ngoài ra Công ty còn sử dụng hệ thống thiết bị kiểm soát nồng độ bột tự động, thiết bị kiểm soát nhiệt độ sấy, đo độ ẩm tự động... để ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

#### 6.5.1. Máy móc thiết bị

Với số vốn đầu tư còn khiêm tốn, các phương tiện dây chuyền thiết bị máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc. Tuy nhiên Công ty đã rất chú trọng đến việc đầu tư cải tiến thiết bị, công nghệ để tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Cụ thể năm 2016, Công ty đã đầu tư cải tiến nâng cấp hệ thống thiết bị dây chuyền sản xuất (gần 9 tỷ đồng) để tiết giảm chi phí điện năng, nâng công suất máy móc, là tiền đề để tiết giảm chi phí sản xuất cho năm 2017 và các năm tiếp theo. Cũng chính nhờ việc đầu tư cải tiến dây chuyền, cải tiến công nghệ sản xuất, tiết kiệm chi phí điện năng này mà năm 2016 Công ty đã được nhận khoản tiền thưởng từ Quỹ tín dụng Xanh (thuộc cục Kinh tế liên Bang Thụy Sĩ - SECO) với số tiền 1,8 tỷ đồng.

Hệ thống máy móc thiết bị của Công ty được thống kê trong bảng sau:

**Bảng 15: Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty**

| STT      | Hạng mục                                     | Số lượng | Công dụng kỹ thuật                    | Tình trạng thiết bị |
|----------|--|----------|---------------------------------------|---------------------|
| <b>I</b> | <b>Bộ phận nghiền</b>                        |          |                                       |                     |
| 1        | Máy nghiền thủy lực chữ D 132kw và tủ điện   | 01 bộ    | Nghiền nguyên liệu lẻ rời và lẻ kiện. | 80%                 |
| 2        | Máy nghiền thủy lực Nghiêng 110kw và tủ điện | 01 bộ    | Nghiền nguyên liệu lẻ rời.            | 70%                 |
| 3        | Máy nghiền thủy lực Đứng                     | 01 bộ    | Nghiền nguyên liệu lẻ rời và lẻ kiện. | 80%                 |

|            |   |             |  |     |
|------------|---|-------------|--|-----|
|            | 75kw và tủ điện.  |             |  |     |
| <b>II</b>  | <b>Bộ phận bột</b>  |             |  |     |
| 1          | Lọc cát nồng độ cao   | 01 bộ       | Lọc các tạp chất nặng (đinh ghim, đá, sỏi...)  | 70% |
| 2          | Sàng phân ly 55kW và tủ điện  | 01 bộ       | Nghiền sơ bộ và phân ly bột  | 80% |
| 3          | Sàng tách rác 22Kw và tủ điện   | 01 bộ       | Tách tạp chất nhẹ (nilong, băng keo,...) từ sàng phân ly   | 80% |
| 4          | Sàng áp lực 90 Kw/4 và tủ điện  | 01 bộ       | Phân giải bột giấy ở nồng độ thấp  | 75% |
| 5          | Sàng tách rác hỗn hợp 37Kw và tủ điện   | 01 bộ       | Tách tạp chất nhẹ (nilong, băng keo,...) từ sàng áp lực  | 80% |
| 6          | Lọc cát nồng độ thấp  | 04 cái      | Lọc cát lẫn trong bột ở nồng độ thấp bằng dòng xoáy áp lực   | 75% |
| 7          | Nghiền đĩa 75 Kw và tủ điện   | 01 bộ       | Nghiền bột đạt tiêu chuẩn SR   | 70% |
| 8          | Nghiền đĩa 90kw và tủ điện  | 02 bộ       | Nghiền bột lẻ ngoại.   | 70% |
| <b>III</b> | <b>Bộ phận ướt</b>  |             |  |     |
| 1          | Lô hút quay đầu phi 500 x 3200  | 01 bộ       | Dẫn động chặn xeo  | 70% |
| 2          | Lô lưới tròn phi 1500 x 3200mm  | 04 bộ       | Vớt bột, tạo hình tờ giấy  | 80% |
| 3          | Thùng bột áp lực  | 04 bộ       | Chia bột vào lô dưới   | 75% |
| 4          | Lô đè lưới phi 450 x 3200   | 04 bộ       | Tạo lực ép đổ bột dính lên chặn xeo  | 75% |
| 5          | Thùng cao vị  | 01 bộ       | Cấp bột cho thùng bột  | 70% |
| 6          | Cặp lô ép cao su phi 750 x 3200   | 02 bộ       | Tăng bộ chịu bụi tờ giấy   | 80% |
| 7          | Cặp lô ép cao su 3 phi 1050 x 3200  | 01 bộ       | Ép giấy ướt đạt độ khô 40-45%  | 75% |
| <b>IV</b>  | <b>Bộ phận sấy, ép keo</b>  |             |  |     |
| 1          | Lô sấy phi 2500 x 3200 + Dao cạo lô   | 01 bộ       | Sấy tờ giấy đạt độ khô từ 45% đến 55%  | 70% |
| 2          | Lô sấy phi 1500 x 3200 + Dao cạo lô   | 16 bộ       | Sấy tờ giấy đạt độ khô từ 91% đến 93%  | 80% |
| 3          | Cặp lô ép cao su $\Phi$ 700 x 3.200   | 01 bộ       | Ép băng giấy đã ngấm keo   | 75% |
| <b>V</b>   | <b>Máy móc và thiết bị phụ trợ</b>  |             |  |     |
| 1          | Hệ thống xử lý nước thải kết hợp công nghệ hóa, lý, sinh, công suất 100m <sup>3</sup> /ngày đêm | 01 hệ thống | Xử lý nước thải toàn bộ nhà máy đạt tiêu chuẩn xả thải cột B1/QCVN12-MT:2015/BTNMT   | 80% |
| 2          | Hệ thống lắng, lọc nước   | 01 hệ thống | Để xử lý nước sơ cấp đầu nguồn   | 80% |
| 3          | Hệ thống nồi hơi  | 01 hệ thống | Một hệ thống sử dụng Biomass   | 75% |
| 4          | Trạm điện 1000 KVA/6(22)/0,4 KV   | 01 bộ       | Phục vụ điện cho toàn bộ nhà máy   | 75% |
| 5          | Trạm điện 750 KVA/6(22)/0,4 KV  | 01 bộ       | Phục vụ điện cho toàn bộ nhà máy   | 70% |
| 6          | Tủ phân phối điện hạ thế  | 04 tủ       | Tủ: 1600 A (Áp to mát LG + Thanh đồng đồ + 3 nhánh).<br>2Tủ: 400A (Áp to mát LG + 1 nhánh).<br>Tủ: 800 KVA (Áp to mát LG + 1 nhánh). | 80% |

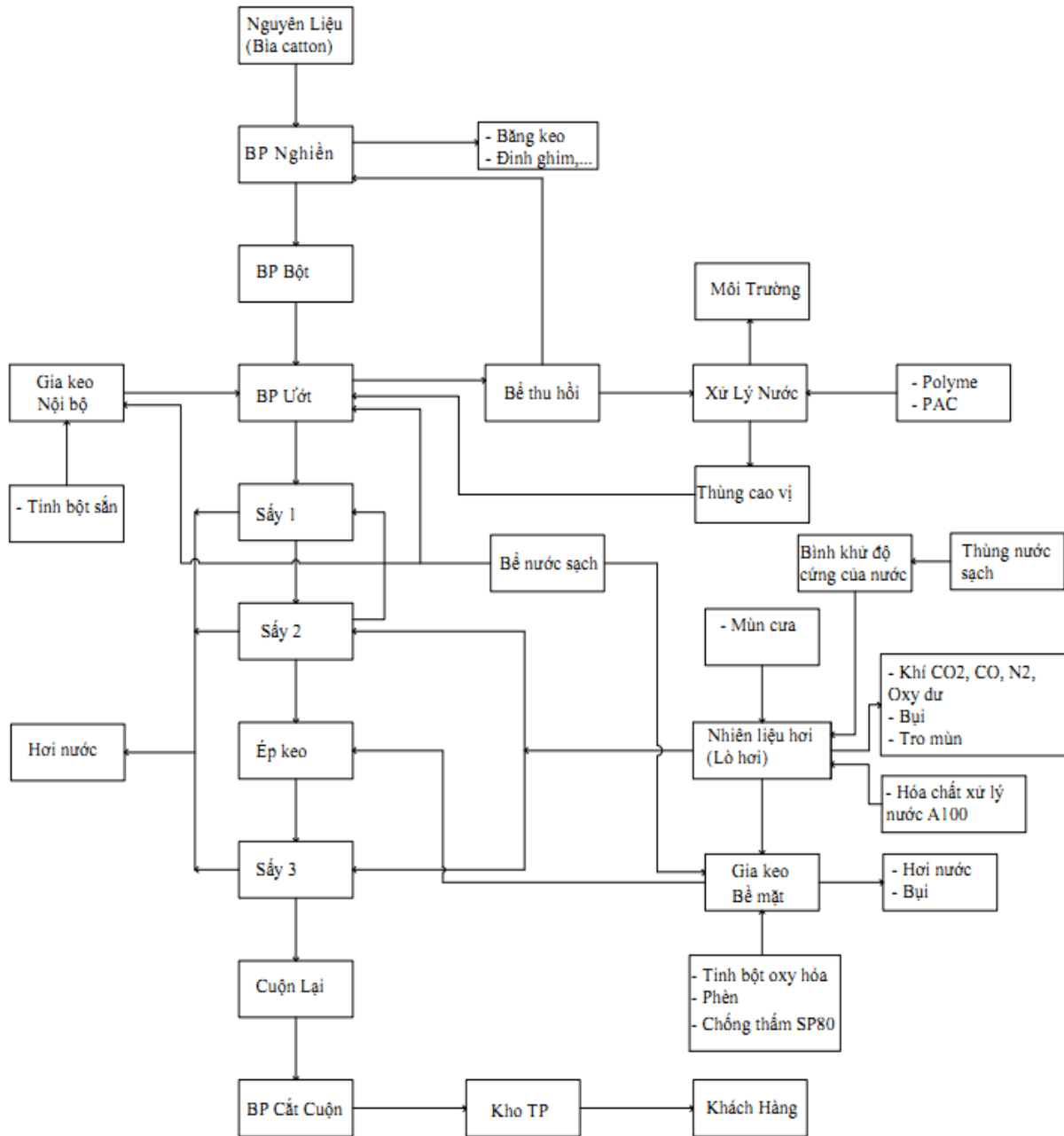
(Nguồn: Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)

6.5.2. Quy trình sản xuất

6.5.2.1. Sơ đồ quy trình sản xuất

Các công đoạn sản xuất giấy của nhà máy được thể hiện trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 3: Quy trình sản xuất giấy Kraft



(Nguồn: Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)

6.5.2.2. Thuyết minh sơ đồ

- Nguyên liệu (giấy phế liệu, bao bì, bìa carton ...) được bộ phận xuống lẻ phân loại, loại bỏ tạp chất, chuyển vào kho nguyên liệu. Sau đó xe xúc lật xúc nguyên liệu vào các bể nghiền (nghiền chữ D, nghiền đứng và nghiền nghiêng).



- Bộ phận nghiền: Bộ phận nghiền lấy nước tuần hoàn từ bể thu hồi thực hiện nhiệm vụ khuấy tan hoàn toàn nguyên liệu thành dạng bột nhờ các hệ thống khuấy thủy lực, sau đó bột được bơm chuyển sang bể chứa chuẩn bị cho công tác đánh bột.

- Bộ phận bột: Bột từ bể chứa được bơm lên hệ thống xử lý bột qua hệ thống lọc cát nồng độ cao, sàng phân ly, sàng áp lực, sàng tách rác, lọc cát nồng độ thấp để loại bỏ tạp chất rắn, tạp chất nặng (đinh ghim, sỏi, đá...), băng keo đảm bảo chuẩn nồng độ bột từ 3,0 – 3,5%. Sau đó bột được bơm chuyển đến các bể chứa bột thành phẩm.

- Bộ phận ướt: Bột từ bể thành phẩm được chuẩn nồng độ bằng hệ thống bộ đo và điều chỉnh nồng độ tự động, đảm bảo nồng độ đạt từ 2.2-2.5% (định lượng giấy được ổn định tự động), sau đó bơm sang bộ phận ướt để hình thành lên tờ giấy ướt đảm bảo độ khô từ 45 - 50%, sau đó đưa qua hệ thống sấy. Quá trình xeo giấy ướt sẽ được gia keo nội bộ và hóa chất trợ bảo lưu nhằm giảm thất thoát bột mịn, hạn chế khả năng giấy tách lớp và làm tăng tính chất cơ lý (độ bực, độ nén vòng...) của giấy.

- Bộ phận sấy (sấy 1, sấy 2): Giấy ướt đưa qua sấy 1 để làm khô sơ bộ (sấy 1 tận dụng hơi sấy dư của sấy 2 và sấy 3, giảm lượng hơi sử dụng), sau đó được đưa sang sấy 2 để sấy khô bằng hệ thống hơi nóng cung cấp từ lò hơi để loại bỏ 93 – 95% lượng hơi nước. Hệ thống sấy (sấy 1+2+3) được đầu tư hệ thống van tự động điều chỉnh lượng hơi cấp vào từng lò sấy nhằm đảm bảo ổn định độ ẩm giấy thành phẩm, tính chất cơ lý của tờ giấy, cũng như giảm thiểu tối đa chi phí hơi/ tấn sản phẩm.

- Ép keo: Giấy từ sấy 2 được đưa qua hệ thống ép keo (khi chạy chủng loại giấy gia keo thường và giấy gia keo chất lượng cao) nhằm mục đích tăng tính chất cơ lý của giấy (Độ bực, độ nén vòng, độ chống thấm...) và làm bóng bề mặt giấy sử dụng keo từ hệ thống gia keo bề mặt. Sau đó giấy được đưa qua hệ thống sấy 3.

- Sấy 3: Giấy đã ngấm keo được đưa qua sấy 3 để sấy khô bằng hệ thống hơi nóng cung cấp từ lò hơi.

- Cuộn lại: Giấy đã sấy khô đảm bảo độ ẩm từ 7,6-8,5% (kiểm soát thông qua van tự động điều chỉnh hơi và bộ đo độ ẩm giấy online) được cuộn lại, sau đó được đưa sang hệ thống máy cắt cuộn. Sau cuộn lại, giấy được kiểm tra chất lượng lần 01 trước khi đưa sang bộ phận cắt cuộn.

- Bộ phận cắt cuộn: Cuộn mẹ từ hệ thống cuộn lại được đưa sang hệ thống cắt cuộn để chia khổ theo lệnh sản xuất. Tại đây cuộn giấy thành phẩm sau khi cắt được bọc màng co, đóng đai, dán tem đầu cuộn trước khi nhập kho thành phẩm.

- Kho thành phẩm: Cuộn con sau khi cắt xong được bộ phận QC kiểm tra các thông số chất lượng lần 02, nếu đạt yêu cầu cho nhập kho, nếu không đạt sẽ đề xuất biện pháp xử lý hoặc hủy.

- Khách hàng: Thủ kho thành phẩm nhận kế hoạch giao hàng từ phòng kinh doanh, QC kiểm tra chất lượng lần 03, nếu đạt thông báo cho thủ kho thành phẩm tiến hành giao cho khách hàng đúng theo kế hoạch.

- Bộ phận xử lý nước: Nước thải trong quá trình sản xuất, một phần được tái sử dụng phục vụ cho bộ phận nghiền, phần còn lại được xử lý thông qua hệ thống xử lý nước bằng phương

pháp lắng có sử dụng hóa chất polymer và PAC. Phần bột lắng được tuần hoàn về thùng cao vị, phần nước đã qua xử lý được đưa sang hệ thống xử lý nước thải (công đoạn xử lý môi trường) công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm, sử dụng công nghệ hóa, lý kết hợp với vi sinh hiếu khí. Nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn cột B1/QCVN12-MT:2015/BTNMT và được xả thải ra ngoài.

- Hệ thống gia keo bề mặt: Sử dụng tinh bột oxy hóa, phèn và chất chống thấm. Có nhiệm vụ nấu keo theo tỷ lệ tùy thuộc vào chủng loại giấy theo lệnh sản xuất để cung cấp cho hệ thống ép keo. Hơi nấu được cung cấp từ lò hơi.

- Hệ thống gia keo nội bộ: Sử dụng tinh bột sắn. Có nhiệm vụ pha keo theo tỷ lệ tùy thuộc vào định lượng giấy theo lệnh sản xuất để phun giữa các lớp giấy ở bộ phận ướt.

- Nước sạch: Được bổ sung cho bộ phận ướt, bộ phận gia keo nội bộ và bộ phận gia keo bề mặt.

- Thùng cao vị: Thùng cấp bột cho bộ phận ướt.

## **6.6. Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm dịch vụ mới**

Hoạt động nghiên cứu và phát triển của Công ty là hoạt động thường xuyên và được lãnh đạo chú trọng, thể hiện qua:

- Xây dựng mô hình quản trị sản xuất kinh doanh phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, cải tiến nâng cấp máy móc phù hợp với quy trình sản xuất giấy và nâng cao năng suất, liên tục đổi mới công nghệ, tạo sự khác biệt về chất lượng sản phẩm, phấn đấu hạ giá thành sản phẩm.

- Xây dựng các quy trình chuẩn xử lý các nguồn chất thải để bảo vệ môi trường.

- Triển khai và duy trì việc thực hiện ISO, 5S và Kaizen để nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra môi trường làm việc tốt hơn, nâng cao năng suất lao động.

Hiện tại, Công ty vẫn đang tập trung sản xuất sản phẩm là giấy Kraft (giấy sóng) và chưa có sản phẩm mới.

## **6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Để chất lượng sản phẩm giấy Kraft sóng sản xuất đạt các tiêu chí chất lượng đã công bố và đảm bảo tính ổn định (đây là điều mà khách hàng – các doanh nghiệp sản xuất bao bì carton quan tâm nhất), Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng hiểu rõ tầm quan trọng của việc xây dựng và duy trì quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm mang tính chuẩn tắc. Vì thế, hệ thống quản lý chất lượng được thiết lập với bốn tiêu chuẩn cơ bản bao gồm: định lượng, độ ẩm, độ bục (độ chịu va đập) và độ nén vòng. Ngoài ra, tùy từng trường hợp, nếu khách hàng có yêu cầu sẽ có thể có thêm các thông số chất lượng khác như độ dày, độ chống thấm,...

### **6.7.1. Kiểm tra định lượng**

- Mục đích: Kiểm tra khối lượng giấy trên một mét vuông có đúng với yêu cầu của khách hàng (được phép sai lệch không quá 4%).

- Phương pháp kiểm tra:

+ Từ cuộn giấy sau khi xeo, cắt 02 mẫu băng giấy ngang theo toàn khổ giấy.

+ Chia 02 mẫu băng giấy thành 24 mẫu nhỏ có kích thước 20cm x 25cm, cân định lượng 24 mẫu nhỏ này.

+ Kết quả định lượng cuộn giấy là trung bình của 24 điểm này và phải đảm bảo độ lệch giữa các điểm không quá 4%.

- Đơn vị đo: g/m<sup>2</sup>.

- Thiết bị sử dụng: Cân điện tử độ chính xác 0,01g.

- Chuẩn quốc tế: ISO 536:1995.

### 6.7.2. Kiểm tra độ bền bực

- Mục đích: Xác định độ bền chịu lực ép của tờ giấy bằng cách tác động lực ép đến khi giấy bị đánh bực.

- Phương pháp kiểm tra: Từ 24 mẫu giấy cắt ra từ mục (a), lấy bất kỳ ra 4 mẫu. Tiến hành đo trên 4 mẫu này, lấy giá trị trung bình các lần đo.

- Đơn vị đo: KPa.

- Thiết bị sử dụng: Máy kiểm tra độ bền bực với bơm thủy lực QC-115E.

- Chuẩn quốc tế: ISO 2759:2001.

### 6.7.3. Kiểm tra độ nén vòng

- Mục đích: Xác định độ bền của tờ giấy khi tác động lực theo phương ngang, nhằm xác định độ bền của lớp sóng của thùng carton.

- Phương pháp kiểm tra:

+ Chọn ngẫu nhiên 4 mảnh giấy từ mục (a)

+ Dùng máy dập mẫu lấy 04 mẫu kích thước 15,24cm x 1,27cm từ 04 mẫu giấy trên.

+ Tiến hành kiểm tra trên máy đo độ nén vòng.

+ Lấy kết quả trung bình của 04 lần đo.

- Đơn vị đo: kgf/6 inch.

- Thiết bị sử dụng: Máy đo độ nén vòng HH-KY3000 .

- Chuẩn quốc tế: ISO 12192:2011.

Với mỗi một lô thành phẩm, bộ phận QC thực hiện kiểm tra, rà soát chất lượng ba lần. Lần một, thực hiện ngay tại cuộn sau khi xeo: định lượng, độ ẩm, độ bực, độ nén vòng, tiêu chí khác (độ dày, độ chống thấm,...).

Lần hai, thực hiện tại công đoạn chia khổ - cuộn thành phẩm (để phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng): định lượng, độ ẩm, độ bực, độ nén vòng, tiêu chí khác (độ dày, độ chống thấm,...), ngoài ra ở công đoạn này còn kiểm tra hình thức cuộn giấy, số mỗi nối.

Lần ba, thực hiện khi xuất hàng: kiểm tra lại toàn bộ các tiêu chí ở lần 1 và lần 2.

### **6.8. Hoạt động Marketing.**

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy công nghiệp, cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp sản xuất bao bì carton, nên hình thức marketing tốt nhất của Công ty chính là ở sự khẳng định và cam kết về chất lượng sản phẩm cũng như tiến độ giao hàng. Vì vậy, trong thời gian qua Công ty đã cung cấp cho khách hàng sản phẩm giấy Kraft sóng đảm bảo đúng chất lượng đã được hai bên thống nhất với tính ổn định cao và tiến độ kịp thời, do vậy đã đáp ứng nhu cầu và làm hài lòng khách hàng. Với mục tiêu Uy tín - Chất lượng, Công ty đã tạo dựng được niềm tin và trở thành bạn hàng truyền thống của các khách hàng, không chỉ các doanh nghiệp Việt Nam mà còn có cả các doanh nghiệp FDI như AP, OJITEX...

Ngoài ra, công ty cũng rất chú trọng đến các hoạt động như:

- Tổ chức điều tra, nắm bắt thị trường, luôn theo sát nhu cầu của khách hàng để đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Công ty đến các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng website nhằm thu hút, tìm kiếm bạn hàng và nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu của Công ty.

### **6.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.**

Logo và nhân hiệu của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng:



Logo của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng có hình ảnh cuộn giấy (sản phẩm chính của Công ty), dòng sông Hoàng Hà (vua của các dòng sông) nằm giữa nền Trời Xanh thể hiện công nghệ xanh, sạch, vì môi trường (tái chế phế liệu) và Trái Đất, chảy từ trên xuống, hội tụ các dòng sông để lớn dần lên và chảy mãi đến vô cùng, thể hiện sự phát triển và lớn mạnh không ngừng của Giấy Hoàng Hà.

Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhân hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty, đã được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 286222. Nhân hiệu của Công ty được bảo hộ tổng thể, nhằm xây dựng thương hiệu Công ty ngày một chuyên nghiệp.

### **6.10. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện tại Công ty mẹ**

Sản phẩm của Công ty là giấy Kraft sóng, nguyên liệu chính của các doanh nghiệp sản xuất bao bì carton, do vậy các khách hàng đầu ra của Công ty chủ yếu là các Công ty sản xuất bao bì carton hoặc các Công ty thương mại cung cấp nguyên liệu cho họ. Chính vì tính đặc thù này mà Công ty và khách hàng không ký hợp đồng mua bán cụ thể, hàng năm Công ty và các

khách hàng sẽ ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán giấy. Căn cứ vào nhu cầu thực tế phát sinh hàng tuần/tháng, khách hàng sẽ gửi đơn đặt hàng, trong đó quy định rõ số lượng, chủng loại, quy cách, tiêu chuẩn chất lượng, tiến độ giao hàng... Công ty sẽ lên kế hoạch sản xuất, giao hàng cho khách hàng theo đúng các nội dung đã thống nhất tại các đơn hàng và hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, xuất hóa đơn định kỳ theo tuần hoặc tháng.

Dưới đây là danh sách khách hàng chủ yếu và giá trị thực hiện của Công ty năm 2017 và 06 tháng đầu năm 2018:

**Bảng 16: Danh sách khách hàng của Công ty năm 2017 và 06 tháng đầu 2018**

| <b>Khách hàng lớn</b>  | <b>Giá trị thực hiện 2017</b><br><i>(Đơn vị: tỷ đồng)</i> | <b>Giá trị thực hiện 6 tháng đầu 2018</b><br><i>(Đơn vị: tỷ đồng)</i> |
|--|---|---|
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh                         | 25,163  | 14,87   |
| Công ty TNHH Bao bì Quốc Tế B & B                              | 19,806  | 11,42   |
| Công ty TNHH Thanh Dũng  | 16,210  | 2,71  |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm                              | 10,178  | 5,45  |
| Chi nhánh Cty CP Bao bì Việt Nam - Xí nghiệp Bao bì Hùng Vương | 9,179   | 6,80  |
| Công ty TNHH Bao bì AP (Hà Nội)                                | 7,892   | 9,81  |
| Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà                     | 6,261   | 5,84  |
| Công ty TNHH Bao Bì Tân Hưng                                   | 6,036   | -   |
| Công ty CP Bao Bì Phương Bắc                                   | 5,457   | 3,64  |
| Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng                                   | 5,274   | 6,00  |
| Công ty Tân Long   | 4,099   | -   |
| Công ty CP Bao Bì Hoàng Hải Việt Nam                           | 2,953   | 1,38  |
| Công ty TNHH Giấy Minh Cường Phát                              | 2,882   | -   |
| Công ty Cổ phần Ngọc Diệp                                      | 2,574   | 0,19  |
| Công ty Cổ phần Giấy Từ Châu                                   | -   | 1,04  |
| Công ty Cổ Phần Bao Bì Xuân Cầu                                | -   | 2,06  |
| <b>Tổng</b>  | <b>123,963</b>  | <b>71,21</b>  |

*(Nguồn: Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)*



**7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

**7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

*Bảng 17: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh sau hợp nhất của Công ty*

*ĐVT: VND*

| Chỉ tiêu  | Năm 2016             | Năm 2017             | % Tăng/giảm<br>2017/2016 | 6 tháng đầu năm<br>2018 |
|---|----------------------|----------------------|--------------------------|-------------------------|
| Tổng tài sản  | 136.485.231.803      | 267.118.375.037      | 95,71                    | <b>255.444.034.365</b>  |
| Vốn chủ sở hữu  | 31.337.505.113       | 122.900.537.366      | 292,18                   | 128.676.020.284         |
| Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh                 | 109.689.083.749      | 140.739.321.569      | 28,31                    | 121.440.844.461         |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh                 | 115.080.439          | 7.445.600.286        | 6.369,90                 | 7.295.380.634           |
| Lợi nhuận khác  | 2.475.896.858        | 2.659.134.693        | 7,40                     | 85.077.842              |
| Tổng lợi nhuận trước thuế                               | 2.590.977.297        | 10.104.734.979       | 289,99                   | 7.380.458.476           |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                | 2.058.330.763        | 8.610.510.942        | 318,32                   | 5.775.482.918           |
| <i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>                | <i>2.058.330.763</i> | <i>8.416.824.511</i> | <i>308,92</i>            | <i>5.321.007.870</i>    |
| <i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>   | <i>-</i>             | <i>193.686.431</i>   | <i>-</i>                 | <i>454.475.048</i>      |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (%)* | 7,97                 | 11,96                | -                        | -                       |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)                          | -                    | 35,64                | -                        | -                       |

(\*) Vốn chủ sở hữu bình quân đã được loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC tự lập hợp nhất 6T/2018 của Công ty)

**Bảng 18: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ**

*ĐVT: VNĐ*

| Chỉ tiêu  | Năm 2016        | Năm 2017        | % Tăng/giảm<br>2017/2016 | 6 tháng đầu năm<br>2018 |
|---|-----------------|-----------------|--------------------------|-------------------------|
| Tổng tài sản  | 136.485.231.803 | 196.786.474.866 | 44,20                    | 193.318.792.174         |
| Vốn chủ sở hữu  | 31.337.505.113  | 106.415.552.468 | 239,58                   | 110.579.289.611         |
| Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh                 | 109.689.083.749 | 124.590.387.720 | 13,58                    | 74.596.278.146          |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh                 | 115.080.439     | 6.883.948.998   | 5881,85                  | 5.323.754.113           |
| Lợi nhuận khác  | 2.475.896.858   | (24.007.863)    | -100,96                  | 41.678.926              |
| Tổng lợi nhuận trước thuế                               | 2.590.977.297   | 6.859.941.135   | 164,76                   | 5.365.433.039           |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                | 2.058.330.763   | 5.478.047.355   | 166,14                   | 4.163.737.143           |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (%)* | 7,97            | 7,95            | -                        | -                       |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)                          | -               | 54,76           | -                        | -                       |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC tự lập quý II/2018 của Công ty mẹ)*

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng và thu được nguồn góp vốn bằng tiền 62,7 tỷ đồng (10,3 tỷ được bù trừ vào nguồn vay dài hạn với lãi suất 0% của các cổ đông, thực tế Công ty đã sử dụng nguồn vay này từ các năm trước để bù đắp cho nguồn vốn đầu tư tài sản cố định).

Công ty đã sử dụng nguồn tiền 62,7 tỷ đồng thu được phục vụ cho các mục đích sau:

+ *Đầu tư dài hạn vào công ty con:* Công ty đã chuyển đủ số tiền mua cổ phần theo cam kết là 24 tỷ đồng và chính thức trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam từ ngày 27/10/2017. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam theo đó cũng tăng từ 12 tỷ đồng lên 36 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng chiếm 66,66%. Công ty con đã sử dụng số vốn điều lệ tăng thêm để bổ sung nguồn vốn cho các hạng mục như đầu tư nội hơi (đã đầu tư năm 2016, đang tạm sử dụng nguồn ngân hàng), hạng mục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống máy Xeo, hệ thống bột và hệ thống xử lý nước thải.

+ *Đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tư vấn SX giấy Hoàng Hà:* Công ty đã chuyển đủ số tiền 20 tỷ đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2017/HĐHTKD ngày 21/09/2017 với Công ty TNHH Tư vấn SX giấy Hoàng Hà để thực hiện dự án Mở rộng và

chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3m<sup>2</sup> tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

+ *Bổ sung nguồn vốn lưu động*: Công ty đã dùng toàn bộ số tiền còn lại 18,7 tỷ đồng để bổ sung cho nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty.

Vì vậy, tại thời điểm cuối năm 2017, tổng tài sản của Công ty sau hợp nhất là 267,1 tỷ đồng, tăng 130,6 tỷ đồng, tương đương tăng 95,71% so với cuối năm 2016, trong đó Công ty mẹ tăng 60,3 tỷ đồng và tài sản của Công ty con hợp nhất vào công ty mẹ 70,3 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty sau hợp nhất là 123 tỷ đồng, tăng 91,6 tỷ đồng, tương đương tăng 292,18 % so với cuối năm 2016, trong đó Công ty mẹ tăng 75,1 tỷ đồng và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty con hợp nhất vào công ty mẹ 16,5 tỷ đồng.

*Về kết quả của hoạt động kinh doanh*: Trong thời gian qua, Công ty có sự tăng trưởng mạnh cả về chỉ tiêu doanh thu cũng như lợi nhuận sau thuế, cụ thể:

#### Giai đoạn 2016 – 2017:

Chỉ tính riêng tại Công ty mẹ, trong năm 2017, doanh thu thuần tăng 14,9 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 13,58%, lợi nhuận sau thuế tăng 3,4 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 166,14% so với năm 2016. Sở dĩ mức tăng trưởng lợi nhuận năm 2017 cao, bên cạnh yếu tố biến động tăng về giá bán của sản phẩm trong năm, còn một nguyên nhân rất quan trọng sau:

- Công ty đã rất chú trọng đến việc đầu tư cải tiến thiết bị, công nghệ để tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Cụ thể năm 2016, Công ty đã đầu tư cải tiến nâng cấp hệ thống thiết bị, dây chuyền sản xuất (gần 9 tỷ đồng) để tiết giảm chi phí điện năng, nâng công suất máy móc, là tiền đề để tiết giảm chi phí sản xuất cho năm 2017 và các năm tiếp theo. Cũng chính nhờ việc đầu tư cải tiến dây chuyền, cải tiến công nghệ sản xuất, tiết kiệm chi phí điện năng này mà năm 2016, Công ty đã được nhận khoản tiền thưởng từ Quỹ Tín dụng Xanh (thuộc Cục Kinh Tế liên Bang Thụy Sĩ - SECO) với số tiền là 1,8 tỷ đồng (nằm trong chỉ tiêu lợi nhuận khác) góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty.

- Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng đến việc tiết giảm các yếu tố chi phí khác như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và đặc biệt nhờ việc tăng nguồn vốn góp từ các cổ đông mà chi phí tài chính của Công ty cũng giảm 854 triệu đồng, góp phần đáng kể vào việc gia tăng chỉ tiêu lợi nhuận cho Công ty.

Trong khi đó, doanh thu thuần hợp nhất của Công ty năm 2017 đạt mức 140,7 tỷ đồng, tăng trưởng 28,31% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2017 đạt 8,4 tỷ đồng, tăng 308,92% so với năm 2016. Ngoài nguyên nhân do sự tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận của công ty mẹ thì còn do một số nguyên nhân chính sau:

- Năm 2017, Công ty nhận khoản thu nhập bất thường 2,7 tỷ đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá mua của Công ty mẹ với giá trị sổ sách của Công ty con tại thời điểm Công ty mẹ mua cổ phần của Công ty con (giá mua < giá trị sổ sách) và được đưa 1 lần vào thu nhập khác tại năm đầu tiên hợp nhất BCTC.

- Tại Công ty con, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 9,7 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 13,33% so với năm 2016, chủ yếu là tăng ở mảng thương mại do trong năm công ty tập trung chính vào việc cải tạo nâng cấp dây chuyền, sản lượng sản xuất

trong năm giảm, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chủ yếu tập trung vào hai tháng cuối năm 2017. Tuy nhiên, năm 2017, Công ty lại có khoản thu nhập bất thường hơn 2 tỷ đồng - tiền thưởng từ Quỹ Tín dụng Xanh nhờ việc đầu tư chuyển đổi nồi hơi từ đốt than sang nồi hơi công nghệ tầng sôi sử dụng nhiên liệu sinh khối, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường vào cuối năm 2016, chính vì vậy, tại Công ty con, lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 1,8 tỷ đồng, tăng 0,8 tỷ đồng tương đương 80,45 % so với năm 2016. Riêng trong giai đoạn từ 27/10/2017 - 31/12/2017, chỉ tiêu doanh thu của Công ty con đạt 18,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 0,6 tỷ đồng, sau khi loại trừ phần doanh thu chưa thực hiện tại Công ty mẹ để hợp nhất theo quy định, chỉ tiêu doanh thu thuần của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng năm 2017 đã đạt mức 140,7 tỷ đồng. Tăng trưởng 28,26%, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 8,61 tỷ đồng, tăng 6,6 tỷ đồng, tương đương 318,37% so với cuối năm 2016.

#### 6 tháng đầu năm 2018:

Tại Công ty mẹ, doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2018 đạt 74,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 4,16 tỷ đồng; Tại Công ty con, doanh thu đạt 47,84 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1,45 tỷ đồng. Sau khi hợp nhất, chỉ tiêu doanh thu thuần của Công ty đạt 121,44 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế (đã loại trừ phần lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát) đạt 5,32 tỷ đồng, tương đương 53,3 % kế hoạch lợi nhuận năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

## **7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**

### **7.2.1. Những nhân tố thuận lợi**

- *Về thị trường:* Thị trường giấy công nghiệp từ giữa năm 2017 đến nay đã khởi sắc trở lại sau một năm 2016 ảm đạm do các diễn biến mới từ thị trường Trung Quốc. Bắt đầu từ tháng 5/2017, Trung Quốc thắt chặt các quy định về ô nhiễm môi trường đối với ngành công nghiệp giấy khiến cho nguồn cung giấy nội địa của nước này thiếu hụt trầm trọng, không đủ để đáp ứng nhu cầu trong nước. Các thương lái Trung Quốc vì vậy, sang Việt Nam thu gom tất cả giấy công nghiệp bất chấp giá cả, kể cả việc ký hợp đồng dài hạn với các doanh nghiệp Việt Nam, đẩy mức giá của sản phẩm này lên cao bất thường khiến các doanh nghiệp sản xuất trong nước được hưởng lợi.

- *Về bộ máy và công tác quản lý:* Bộ máy quản lý của Công ty ổn định và luôn có sự tập trung, nhất trí với nhau trong công tác điều hành. Các vị trí chủ chốt đều đã gắn bó với Công ty trong nhiều năm, đều có chuyên môn cao, có uy tín và kinh nghiệm lâu năm trong ngành giấy.

- *Uy tín và thương hiệu:* Chính sách nhất quán, sản phẩm chất lượng ổn định và trách nhiệm đối với khách hàng cho đến tận sản phẩm đầu ra của họ đã tạo lập nên thương hiệu của Giấy Hoàng Hà. Dù có những giai đoạn khó khăn nhưng Công ty luôn đảm bảo được tiến độ, chất lượng đã cam kết với khách hàng, đồng hành để cùng phát triển với khách hàng.

### **7.2.2. Những nhân tố khó khăn**

- *Khó khăn từ khung pháp lý:* Giấy phế liệu là nguyên liệu chính dùng cho sản xuất tạo ra sản phẩm kinh doanh chính của Công ty. Trong trường hợp nhập khẩu, theo quy định tại Khoản 2, điều 58, Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu thì các

doanh nghiệp nhập khẩu phải thực hiện ký quỹ trước khi tiến hành thủ tục thông quan phế liệu nhập khẩu ít nhất 15 ngày làm việc từ 15-20% tổng giá trị lô hàng nhập khẩu. Quy định này vừa tạo áp lực về thời gian, vừa tạo áp lực tăng chi phí vốn cho doanh nghiệp.

- *Giá giấy phế liệu từ nửa cuối năm 2017 biến động mạnh:* Nguyên liệu giấy phế liệu thu mua trong nước có những thời điểm rất khan hiếm, cung không đủ cầu dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp sản xuất đua nhau tăng giá để tranh giành thị phần. Sang năm 2018, giá giấy phế liệu trong nước đã bình ổn giảm rồi lại có dấu hiệu tăng từ cuối tháng 4 và dự kiến sẽ tăng mạnh trong những tháng cuối năm 2018 do quy định về quản lý phế liệu nhập khẩu mới ban hành của Tổng cục Hải quan (CV3738/TCHQ-GSQL ngày 26/6/2018 và 4202/TCHQ-PC ngày 17/7/2018).

## **8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành**

### **8.1. Vị thế của công ty trong ngành**

Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng được thành lập trên cơ sở dự án tái cấu trúc Nhà máy giấy Đức Dương nên tận dụng được toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng và hệ thống pháp lý có sẵn của nhà máy, giúp tiết kiệm rất nhiều chi phí về thời gian cũng như tiền bạc, nhờ vậy mà Công ty có khả năng tận dụng triệt để mọi nguồn lực ban đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhà máy sản xuất của Công ty có vị trí địa lý thuận lợi, nằm ngay gần cảng Hải Phòng - đây chính là trung tâm phân phối, trung chuyên nguyên vật liệu và sản phẩm cho thị trường khu vực phía Bắc và xuất khẩu. Nhờ vậy mà Công ty có điều kiện giảm thiểu chi phí vận chuyển, góp phần hạ giá thành sản phẩm hơn so với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực.

Bên cạnh đó, các cổ đông sáng lập Công ty là những người có thể mạnh về công nghệ sản xuất giấy, có uy tín trong Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam, sản phẩm giấy Kraft gia keo mang thương hiệu Giấy Hoàng Hà nhờ vậy đã được thị trường đón nhận ngay từ những ngày đầu khi mới đưa dây chuyền đi vào hoạt động. Tính đến nay, Công ty đã có một hệ thống khách hàng thân thiết là các doanh nghiệp sản xuất bao bì tên tuổi trên thị trường như AP, OJITEX, BB, Minh Tâm, Hoàng Lê, Hùng Vương và một số khách hàng mới tại thị trường phía Nam như Tân Á, Alcamax, Lộc Phát...

Với đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật giàu kinh nghiệm, Công ty thường xuyên nghiên cứu cải tiến đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Công ty cũng đã chủ động cải tiến, đầu tư thêm về thiết bị nhằm đa dạng hóa sản phẩm nên đã có thể sản xuất được cả dòng sản phẩm giấy bìa cứng (giấy Chipboard), một chất liệu giấy mang lại giải pháp mới tốt nhất trong ngành bao bì lĩnh vực về sản phẩm hộp cứng cao cấp, hộp rượu, bìa lịch, bìa sách,....

Công ty cũng triển khai và áp dụng triệt lý Kaizen, duy trì công cụ 5S do vậy luôn đảm bảo quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm ngay từ khâu nguyên liệu đầu vào, tới khâu sản xuất và kiểm soát lại trước khi xuất kho để vận chuyển tới khách hàng. Hệ thống thiết bị kiểm soát của Công ty được trang bị đầy đủ như: thiết bị kiểm tra độ bụi, độ nén vòng, định lượng, độ ẩm... Do vậy các sản phẩm Giấy Hoàng Hà mang tính ổn định cao hơn, được các bạn hàng, đối



tác lâu năm tuyệt đối tin tưởng. Đây chính là điểm khác biệt vượt trội so với các doanh nghiệp sản xuất giấy có cùng quy mô.



Ông Takachi Hiroshi - Chuyên gia cao cấp JICA kiểm tra thực hành 5S tại nhà máy

## 8.2. Triển vọng phát triển của ngành bao bì giấy Việt Nam

**Tốc độ và tiềm năng tăng trưởng tốt:** Nếu xét trên nhu cầu tiêu thụ giấy nói chung thì tiêu thụ giấy bình quân đầu người của Việt Nam hiện vẫn khá thấp, mới chỉ đạt 38 kg/người (2017) trong khi con số này ở Nhật Bản và Châu Âu là 136 kg/người. Với quy mô dân số đông và tiềm năng tăng trưởng mạnh của ngành tiêu dùng trong nước cùng với triển vọng xuất khẩu được đẩy mạnh nhờ Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) hay Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), ngành bao bì giấy có triển vọng tăng trưởng khá tốt trong các năm tới. Tiêu thụ giấy bao bì bình quân trong giai đoạn 2015 – 2017 cũng đạt mức tăng trưởng 10,8%/năm. Trong quy hoạch Phát triển ngành công nghiệp giấy Việt Nam đến năm 2020, có xét đến 2025, giấy bao bì được dự báo sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 9%/năm trong vòng 10 năm tới.

Bảng 19: Quy hoạch phát triển công nghiệp giấy đến 2025

| Quy hoạch sản xuất ngành giấy đến 2025 |        |         |
|--|--------|---------|
| Năm                                    | 2020   | 2025    |
| <b>Nhu cầu vốn đầu tư (tỷ VND)</b>     |        |         |
| Nhà máy giấy, bột giấy                 | 88.620 | 107.492 |
| Vùng nguyên liệu giấy                  | 18.674 | 18.346  |
| <b>Công suất thiết kế (tấn/năm)</b>    |        |         |

|                                 |           |           |
|---------------------------------|-----------|-----------|
| Giấy in báo                     | 118.000   | 182.000   |
| Giấy in viết                    | 1.090.000 | 1.680.000 |
| Giấy làm bao bì                 | 4.600.000 | 7.100.000 |
| Giấy khác                       | 1.015.000 | 1.570.000 |
| <b>Sản lượng sản xuất (tấn)</b> |           |           |
| Giấy in báo                     | 100.000   | 155.000   |
| Giấy in viết                    | 925.000   | 1.425.000 |
| Giấy làm bao bì                 | 3.910.000 | 6.035.000 |
| Giấy khác                       | 865.000   | 1.335.000 |

(Nguồn: Quy hoạch Phát triển ngành Công nghiệp giấy Việt Nam)

Cạnh tranh cao trong sản xuất bao bì thành phẩm tuy nhiên thiếu cung trong sản xuất giấy làm bao bì: Quy trình sản xuất bao bì giấy chia ra làm 2 công đoạn chính: (1) từ nguyên liệu đầu vào đến sản xuất ra giấy công nghiệp và (2) từ giấy công nghiệp để sản xuất ra bao bì giấy thành phẩm cuối cùng. Sự phân bổ nguồn lực sản xuất giữa 2 công đoạn đang có sự chênh lệch lớn khi số doanh nghiệp lựa chọn kinh doanh ở phân khúc (1) rất hạn chế, trong khi phân khúc số (2) lại có đến hơn 200 nhà cung cấp. Sự mất cân bằng cung cầu này dẫn đến một thực tế là khoảng 40% nhu cầu giấy công nghiệp hiện nay phải đi nhập khẩu từ thị trường nước ngoài. Nhìn theo hướng tích cực, sân chơi ở mảng giấy công nghiệp – nguyên liệu chủ yếu cho bao bì giấy vẫn còn rất rộng mở. Đối với phân khúc (1), hiện nay số lượng nhà sản xuất giấy công nghiệp có công suất lớn rất ít, một số công ty như: Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Phát Thành Lộc; Công Ty Cổ Phần Giấy Việt Trì; Công Ty Cổ Phần Giấy Hải Tiến;... Đối với phân khúc (2), hiện nay số lượng nhà sản xuất giấy bao bì giấy có công suất lớn khá nhiều, một số công ty tiêu biểu như sau:

**Bảng 20: Một số doanh nghiệp bao bì giấy có công suất lớn**

| Tên doanh nghiệp              | Sản lượng (tấn)/năm |
|-------------------------------|---------------------|
| Vina Kraft                    | 243.500             |
| Giấy Sài Gòn                  | 232.440             |
| TNHH Xưởng giấy Chánh Dương   | 108.000             |
| An Bình                       | 75.000              |
| Đông Hải Bến Tre (mã ck: DHC) | 60.000              |

(Nguồn: Anbinhpaper, Tổng hợp bởi Công ty Chứng khoán Bản Việt)

Các hiệp định thương mại quốc tế có khả năng được ký kết trong tương lai: Doanh nghiệp trong ngành giấy có thể tiếp cận thị trường rộng lớn hơn để tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ và cung ứng được nguồn nguyên nhiên liệu, thiết bị với giá cạnh tranh. Nhất là khi Châu Á được đánh giá là một trong những khu vực có nhu cầu về các sản phẩm giấy cao nhất thế giới mang

đến thị trường tiềm năng cho ngành giấy Việt Nam. Việc tiếp thu công nghệ mới, phương thức quản lý tiên tiến của các cường quốc về công nghệ giấy như Indonesia, Thái Lan... để nâng cao hiệu quả và nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành giấy Việt Nam giúp ngành giấy tiếp cận dễ dàng. Qua đó cũng mang lại cơ hội cho việc phát triển quan hệ đối tác với nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về giấy. Thêm nữa, ngành giấy còn có thể tiếp cận tốt hơn nguồn tài chính, tín dụng đa dạng cả trong và ngoài nước để tăng đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

*Thuận lợi tới từ các chính sách mới của Trung Quốc:* Những chính sách mới của Trung Quốc trong việc quản lý nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất và kiểm soát ô nhiễm môi trường đã tác động tới thị trường Việt Nam.

Ngắn hạn:

- + Tăng mạnh lượng cầu về giấy làm bao bì, nội địa và nước ngoài.
- + Các doanh nghiệp trong nước có điều kiện tích lũy để đầu tư, nâng cấp, mở rộng nhà máy.
- + Giá giấy làm bao bì trong nước đã tăng mạnh từ tháng 09/2017 đến tháng 12/2017. Đầu năm 2018 đã chững lại, nhưng vẫn đang ở mức cao.

Dài hạn:

- + Sẽ có nhiều doanh nghiệp Việt Nam và FDI đầu tư vào sản xuất giấy làm bao bì ở Việt Nam với quy mô lớn và công nghệ hiện đại.
- + Quá trình đào thải các dây chuyền sản xuất lạc hậu, công suất nhỏ, gây ô nhiễm sẽ diễn ra nhanh hơn.
- + Chất lượng giấy làm bao bì nhanh chóng được nâng cao.
- + Kích thích việc thu gom giấy đã qua sử dụng ở Việt Nam, tận dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

*Ngành giấy và bao bì giấy ngày càng được chú trọng đầu tư:* Nhà máy giấy Hậu Giang, nhà đầu tư Lee&Man (Hồng Kông) vốn đầu tư 1,2 tỷ USD. Giai đoạn II xưởng giấy Chánh Dương, nhà đầu tư Nine Dragons (Trung Quốc) vốn đầu tư 2,8 tỷ USD, hay Nhà máy giấy bao bì Cheng Loong (Cheng Loong), nhà đầu tư Đài Loan, vốn đầu tư 1 tỷ USD... đã và đang trong quá trình hoàn thiện đưa vào sử dụng. Điều này cho thấy, nếu như trước đây, khẩu vị của các doanh nghiệp ngoại khi lựa chọn đối tượng để tiến hành M&A là các doanh nghiệp bao bì nhựa thì giờ đây, mục tiêu hiện nay là doanh nghiệp sản xuất bao bì giấy nhằm thâm nhập trọn ngành bao bì từ nguyên liệu cho tới thành phẩm.

### **8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến bao bì giấy. So với các doanh nghiệp trong cùng ngành giấy và bao bì, Công ty hiện đang có tình hình tài chính khá tốt thể hiện qua bảng sau:

Bảng 21: So sánh với các Công ty đã niêm yết

| Chỉ tiêu                                  | Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng | Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (HNX) – mã STP | Công ty Cổ phần Bao Bì PP Bình Dương (Upcom) – mã HBD | Công ty Cổ phần Bao bì PP (Upcom) – mã HPB | Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (HNX) – mã GVT |
|---|---|---|---|--|--|
| Vốn điều lệ (tỷ đồng)                     | 100                                     | 80,45   | 15,3  | 38,8                                       | 73,45  |
| Tổng nợ/ Tổng Tài sản (%)                 | 54,00                                   | 17,29   | 10,77   | 32,49                                      | 81,50  |
| Tổng nợ/ VCSH (lần)                       | 1,17                                    | 0,21  | 0,12  | 0,48                                       | 4,44   |
| Hệ số thanh toán nhanh (lần)              | 0,60                                    | 3,24  | 7,14  | 2,32                                       | 0,46   |
| Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (lần) | 1,07                                    | 4,54  | 7,14  | 2,58                                       | 0,98   |
| Doanh thu thuần năm 2017 (tỷ đồng)        | 140,74                                  | 231,19  | 4,55  | 251,15                                     | 1.056,4                                      |
| Lợi nhuận sau thuế năm 2017 (tỷ đồng)     | 8,42                                    | 3,27  | 3,102   | 9,39                                       | 16,4   |
| ROE (%)                                   | 11,96                                   | 2,17  | 12,85   | 9,93                                       | 17,38  |
| ROA (%)                                   | 4,17                                    | 1,79  | 11,45   | 7,01                                       | 2,80   |

(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán của các công ty năm 2017)

#### 8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành và chính sách của nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

##### 8.4.1. Định hướng phát triển của Công ty

- Về quản trị doanh nghiệp:
  - Xây dựng Giấy Hoàng Hà trở thành doanh nghiệp có cơ cấu quản trị điều hành, môi trường làm việc chuyên nghiệp.
  - Đào tạo phát triển quản trị nguồn nhân lực chiến lược; Nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển tài năng của người lao động, có chế độ đãi ngộ xứng đáng cả về vật chất và tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Về đầu tư mở rộng quy mô sản xuất: Công ty đang tiến hành khảo sát, lựa chọn vị trí phù hợp để triển khai Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy giấy Hoàng Hà Hải Phòng với công suất 100.000 tấn/năm tại Hải Phòng.

- Về công tác tổ chức sản xuất:
  - Giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất; Tăng cường hơn nữa công tác kiểm soát, quản lý chất lượng sản phẩm; Nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo tính ổn định của chất lượng sản phẩm;
  - Tiếp tục triển khai và áp dụng triết lý Kaizen, duy trì công cụ 5S, khuyến khích mọi thành viên trong Công ty phát huy tinh thần cải tiến, tiết giảm hao phí, coi đây là một trong những biện pháp quan trọng để giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
  - Nghiên cứu kế hoạch đầu tư mở rộng nhà máy nhằm tăng năng lực cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của thị trường.
- Về công tác quản lý tài chính:
  - Công tác quản lý tài chính gắn chặt với hoạt động bán hàng và thu hồi công nợ nên cần tiếp tục sàng lọc, lựa chọn khách hàng, đảm bảo an toàn và tăng vòng quay của đồng vốn;
  - Tổ chức thu hồi công nợ mềm dẻo nhưng phải quyết liệt để giảm thiểu thiệt hại về tài chính trong khâu bán hàng;
  - Quản trị tốt nhất hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ đầu vào, phù hợp với sự biến động của thị trường đầu ra, dự trữ hàng hóa, nguyên vật liệu ở mức độ hợp lý, tránh để tồn kho ứ đọng làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.
- Về công tác thị trường, hoạt động Marketing:
  - Đặc biệt quan tâm và làm tốt công tác điều tra, nắm bắt thị trường; Tổ chức mạng lưới bám sát và nắm bắt thị trường để có các quyết sách tối ưu trong sản xuất kinh doanh;
  - Theo sát khách hàng, hợp tác giải quyết triệt để những vấn đề vướng mắc phát sinh sau bán hàng; biến chất lượng dịch vụ trước, trong và sau bán hàng trở thành hoạt động marketing thiết thực và sâu sắc nhất;
  - Đảm bảo cung cấp những sản phẩm giấy Kraft sóng mang thương hiệu Hoàng Hà với chất lượng tốt nhất, phù hợp nhất, giá cả hợp lý nhất, cách thức phục vụ chuyên nghiệp nhất nhằm thỏa mãn và làm hài lòng cho các khách hàng, luôn đồng hành và phát triển cùng với khách hàng.
- Về công tác tiêu thụ sản phẩm:
  - Coi công tác tiêu thụ sản phẩm là nhiệm vụ trọng tâm quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Công ty;
  - Tiếp tục củng cố và xây dựng mạng lưới tiêu thụ trong phạm vi cả nước, tập trung vào các khu vực chính như: Hải Phòng, Hà Nội, Hải Dương; Bắc Ninh; Hưng Yên...
  - Đào tạo nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ bán hàng và bộ phận làm công tác thị trường;



- Xây dựng chính sách giá cả, chính sách bán hàng hợp lý, mềm dẻo. Đặc biệt chú trọng vào những khách hàng truyền thống, gắn bó lâu dài, giữ được uy tín trong thanh toán với Công ty.

#### 8.4.2. Đánh giá về sự phù hợp với định hướng phát triển của ngành

Với triển vọng lạc quan của ngành, cùng định hướng phát triển ngành giấy được hoạch định đến năm 2025, cũng như tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế có thể thấy định hướng của Công ty tương đối phù hợp với định hướng phát triển ngành và chính sách của Nhà nước. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát triển mà Công ty đề ra là có tính khả thi cao và có thể đảm bảo được mức chi trả cổ tức ổn định.

### 9. Chính sách đối với người lao động.

#### 9.1. Cơ cấu lao động của Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả, chuyên nghiệp và năng động. Tại thời điểm ngày 31/12/2017 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 75 người. Chi tiết cụ thể như sau:

*Bảng 22: Cơ cấu lao động của Công tại thời điểm 31/12/2017*

| Loại lao động                            | Số lượng (người) | % (Tỷ lệ)  |
|--|------------------|------------|
| <b>Phân loại theo đối tượng lao động</b> | <b>75</b>        | <b>100</b> |
| Hội đồng quản trị/ Ban tổng giám đốc     | 6                | 8          |
| Khối sản xuất                            | 57               | 76         |
| Khối văn phòng                           | 12               | 16         |
| <b>Phân theo giới tính</b>               | <b>75</b>        | <b>100</b> |
| Nam                                      | 58               | 77,33      |
| Nữ                                       | 17               | 22,67      |
| <b>Phân theo trình độ học vấn</b>        | <b>75</b>        | <b>100</b> |
| Trình độ đại học và trên đại học         | 17               | 22,67      |
| Trình độ cao đẳng, trung cấp             | 15               | 20         |
| Đối tượng khác                           | 43               | 57,33      |

*(Nguồn: Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)*

## **9.2. Chế độ làm việc**

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày/ca, 48h/tuần. Khối văn phòng và các bộ phận phụ trợ thuộc khối sản xuất làm việc theo giờ hành chính, các ca sản xuất làm việc theo ca. Trường hợp có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất kinh doanh thì có thể huy động làm thêm giờ và Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định tại Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể đã ban hành. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động.

- Điều kiện làm việc: Người lao động được làm việc trong một môi trường ổn định, chuyên nghiệp, chế độ đãi ngộ xứng đáng với năng lực chuyên môn và hiệu quả công việc; mức lương, thưởng cạnh tranh. Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Nhà xưởng sản xuất của Công ty được thiết kế, xây dựng theo đúng tiêu chuẩn đảm bảo điều kiện sản xuất, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Người lao động khi làm việc tại công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục lao động, các trang thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, được đào tạo về quy trình vận hành máy móc, các biện pháp đảm bảo an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi làm việc.

## **9.3. Chính sách tuyển dụng**

- Việc cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy sao cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được ban lãnh đạo quan tâm thực hiện. Công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được tiến hành công khai, thận trọng và đúng quy trình; cán bộ quản lý đương nhiệm và được bổ nhiệm mới trong năm đều có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân. Việc sắp xếp lao động trong dây chuyền luôn được rà soát kỹ lưỡng, ưu tiên lựa chọn người lao động có trình độ tay nghề cao và có tâm với công việc.

- Công tác tuyển dụng mới lao động cũng được thực hiện công khai và có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng.

## **9.4. Chính sách đào tạo**

- Công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho các cán bộ, kỹ sư, kỹ thuật viên và công nhân luôn được Công ty quan tâm thực hiện, việc tổ chức thi kiểm tra lý thuyết và tay nghề cho công nhân trong năm đã gần như gắn với thực tiễn sản xuất của Công ty. Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: đào tạo tại chỗ, tổ chức các seminar huấn luyện... Kết quả sau mỗi khóa học được báo cáo đầy đủ ngay để ban lãnh đạo Công ty đánh giá hiệu quả.

- Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức huấn luyện, đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho cán bộ công nhân viên.



*Ông Takachi Hiroshi - chuyên gia cao cấp JICA đào tạo 5S cho cán bộ chủ chốt tại Văn phòng Công ty*



*Lễ phát động và đào tạo 5S cho toàn thể CBCNV Công ty*

### 9.5. Chính sách khen thưởng, phúc lợi



*Chuẩn bị suất ăn cho công nhân*

- Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào vị trí công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương, sản lượng sản xuất và hiệu quả kinh doanh trong tháng của Công ty. Hàng tháng, tiền lương được chi trả 02 lần, lần 1 tạm ứng lương trong thời gian từ ngày 20-25 của tháng, lần 2 thanh toán lương trong thời gian từ ngày 05-10 của tháng kế tiếp. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Luật lao động, Nội quy lao động đã đề ra. Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, phối hợp cùng với tổ chức Công đoàn của Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi như ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ..., tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho Cán bộ công nhân viên.



*Hoạt động vui chơi, nghỉ mát thường niên của Công ty*

- Thu nhập bình quân của CBNV Công ty như sau:

Năm 2016: 7.228.000 đồng/người/tháng.

Năm 2017: 7.356.000 đồng/người/tháng.



## 10. Chính sách cổ tức.

Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn vào Công ty. Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Khi trả cổ tức, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

**Bảng 23: Chi trả cổ tức của Công ty giai đoạn 2015-2017**

| Năm  | Tỷ lệ cổ tức | Hình thức trả | Ghi chú               |
|------|--------------|---------------|-----------------------|
| 2015 | 0%/năm       |               |                       |
| 2016 | 11,11%/năm   | Bằng tiền     | Đã trả trong năm 2017 |
| 2017 | 4,8%/năm     | Bằng tiền     | Chưa trả              |

(Nguồn: Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)

## 11. Tình hình hoạt động tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

### 11.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình của Công ty được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp, được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

**Bảng 24: Thời gian khấu hao tài sản cố định**

| Tài sản                | Thời gian khấu hao |
|------------------------|--------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10-20 năm          |
| Máy móc thiết bị       | 05-20 năm          |
| Phương tiện vận tải    | 05-06 năm          |



Thiết bị dụng cụ quản lý

03-06 năm

(Nguồn: Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng)

### 11.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm 30/06/2018, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng và các nhà cung cấp.

### 11.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Tính đến ngày 30/06/2018, Công ty mẹ không có khoản nợ thuế hay các khoản phải nộp nào quá hạn.

**Bảng 25: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu                                 | 31/12/2016           | 31/12/2017           | 30/06/2018           |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|
| + Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 902.296.492          | 858.756.909          | 1.830.769.955        |
| <i>Trong đó:</i>                         |                      |                      |                      |
| <i>Công ty mẹ</i>                        |                      | 629.374.798          | 1.293.697.557        |
| + Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 195.230.807          | 1.912.649.409        | 1.238.081.818        |
| <i>Trong đó:</i>                         |                      |                      |                      |
| <i>Công ty mẹ</i>                        |                      | 1.415.736.027        | 683.692.008          |
| + Thuế TNCN                              | -                    | -                    | -                    |
| + Tiền thuê đất                          | 64.539.000           | -                    | -                    |
| + Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 47.446.454           | 17.184.073           | -                    |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>1.209.512.753</b> | <b>2.788.590.391</b> | <b>3.068.851.773</b> |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC tự lập hợp nhất 6T/2018 của Công ty)

Số dư thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp tại Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2017 và 30/06/2018 lớn là do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh Quý IV/2017 và 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty tăng mạnh. Đến 30/6/2018, Công ty đã nộp đầy đủ khoản tiền thuế TNDN đến hết năm 2017 và tạm nộp số thuế TNDN phát sinh Quý I/2018 vào NSNN quận Hải An.

### 11.4. Trích lập các Quỹ theo luật định

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHCĐ quyết định. Tình hình trích lập các quỹ của Công ty như sau:

Bảng 26: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị: VND

| Các quỹ                         | 31/12/2016 | 31/12/2017         | 30/06/2018         |
|---------------------------------|------------|--------------------|--------------------|
| + Quỹ đầu tư phát triển         | -          | 400.000.000        | 400.000.000        |
| <i>Trong đó: Tại Công ty mẹ</i> | -          | 400.000.000        | 400.000.000        |
| + Quỹ khen thưởng, phúc lợi     | -          | 500.000.000        | 500.000.000        |
| <i>Trong đó: Tại Công ty mẹ</i> | -          | 400.000.000        | 400.000.000        |
| <i>Tại Công ty con</i>          | -          | 100.000.000        | 100.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b>                | -          | <b>900.000.000</b> | <b>900.000.000</b> |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC tự lập hợp nhất 6T/2018 của Công ty)

Với mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm hạn chế tình trạng vốn lưu động ròng âm cho nên Công ty không thực hiện trích lập các quỹ trong năm 2016.

### 11.5. Tổng dư nợ vay

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu dựa vào nguồn vốn vay ngân hàng, nhất là trong những năm đầu sau khi thành lập. Sở dĩ có được lợi thế này là do Công ty đã hỗ trợ ngân hàng trong việc giải quyết món nợ xấu của HTX Sản xuất giấy Đức Dương khi thực hiện dự án tái cấu trúc nhà máy sản xuất giấy Đức Dương trong tình trạng ngừng sản xuất chờ phá sản, đem lại công ăn việc làm cho người lao động và nộp tiền thuế đáng kể vào Ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, Tổng giám đốc Công ty là người đã từng giữ cương vị phụ trách Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ của Vietinbank nên được các ngân hàng đánh giá cao về năng lực quản trị điều hành. Sau thời gian hoạt động gần 6 năm qua, Công ty đã khẳng định uy tín với các ngân hàng qua việc luôn vay trả gốc lãi đầy đủ và đúng hạn, Báo cáo tài chính của Công ty luôn đảm bảo tính minh bạch, kịp thời. Chính vì vậy mà đến nay, Công ty đã nhận được sự ủng hộ của các Ngân hàng lớn như Vietinbank, Vietcombank, TPbank (Công ty mẹ) và BIDV (Công ty con). Các Ngân hàng này đều cấp hạn mức cho vay có bảo đảm bằng tài sản một phần, còn lại là tín chấp cho Công ty. Chi tiết Vay và nợ thuê tài chính của Công ty như sau:

#### 11.5.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Bảng 27: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn hợp nhất

Đơn vị: VND

| STT      | Chỉ tiêu  | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018           |
|----------|---|------------|------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan (*)</b>                | -          | -          | <b>1.900.000.000</b> |
|          | Vay Trần Kim Gia<br>( <i>Chủ tịch HĐQT Công ty con</i> )          | -          | -          | 1.000.000.000        |
|          | Vay Trần Thị Thu Phương<br>( <i>Thành viên HĐQT Công ty con</i> ) | -          | -          | 900.000.000          |

|          |  |                       |                       |                       |
|----------|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>2</b> | <b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>  | <b>50.948.950.090</b> | <b>87.372.555.769</b> | <b>71.447.233.050</b> |
|          | <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (a)</i>                 | 43.576.897.625        | 43.998.026.490        | 39.110.313.839        |
|          | <i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b)</i>                           | 7.372.052.465         | 5.884.930.670         | 5.874.332.755         |
|          | <i>Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng (c)</i> | -                     | 909.364.287           | -                     |
|          | <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô (d)</i>         | -                     | 28.805.234.322        | 20.307.653.130        |
|          | <i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (e)</i>   | -                     | 7.775.000.000         | -                     |
|          | <i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (f)</i>                                      | -                     | -                     | 6.154.933.326         |
| <b>3</b> | <b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>   | <b>4.237.176.000</b>  | <b>8.220.925.996</b>  | <b>4.292.481.598</b>  |
| <b>4</b> | <b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>   | <b>127.500.000</b>    | <b>127.500.000</b>    | <b>127.500.000</b>    |
|          | <b>Tổng</b>  | <b>55.313.626.090</b> | <b>95.720.981.765</b> | <b>77.767.214.648</b> |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC tự lập hợp nhất 6T/2018 của Công ty)

Dư nợ vay ngắn hạn ngân hàng đến hết năm 2017 tăng mạnh so với năm 2016 chủ yếu là do khoản vay ngắn hạn ngân hàng từ công ty con (40,6 tỷ đồng) được hợp nhất vào BCTC của Công ty mẹ, từ đó khiến khoản mục này tăng lên 95,7 tỷ đồng trong năm 2017. Trong khi đó, khoản mục vay ngắn hạn ngân hàng tại Công ty mẹ năm 2017 không có biến động nhiều so với năm 2016. Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

\* *Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan:* Là khoản Công ty con tạm vay các thành viên HĐQT từ tháng 1/2018 với lãi suất 0%/năm để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh khi thiếu vốn.

a. *Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền:* Khoản vay được thực hiện theo hợp đồng tín dụng số 01.2018/HĐTDHM/NHCT168-CPGHH ngày 21 tháng 03 năm 2018. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy Kraft các loại theo giấy đăng ký kinh doanh với hạn mức là 44.000.000.000 VND. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày ký đến hết ngày 31/03/2019. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi các hợp đồng đảm bảo sau:

(1) Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015-HĐTCMMTB ngày 21/1/2015. Tài sản thế chấp là toàn bộ các hạng mục sửa chữa nâng cấp của dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất giấy Kraft công suất 15.000 tấn/năm đầu tư năm 2014-2015. Giá trị tài sản thế chấp là 9.489.000.000 VND.

(2) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015-TCBĐS-HHHP ngày 02/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội,

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 mang tên bà Trần Thị Thu Phương. Giá trị tài sản thế chấp là 3.174.000.000 VND. (Bà Trần Thị Thu Phương là Tổng Giám Đốc Công ty kiêm thành viên HĐQT).

(3) Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/HĐTC-MMTB ngày 08/09/2014. Tài sản thế chấp là lò hơi công nghệ tầng sôi 9 tấn/giờ, hệ thống lọc nước, linh kiện, phụ tùng và các thiết bị khác được lắp đặt cho và gắn liền với tài sản này. Giá trị tài sản thế chấp là 6.245.000.000 VND.

(4) Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 15/01/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-03/HĐTC/2013 ngày 18/12/2013 giá trị tài sản thế chấp là 10.250.000.000 VND. (Bà Nguyễn Thị Thu Thủy là bạn của bà Trần Thị Thu Phương).

(5) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTCBĐS-VINH ngày 18/04/2014. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản tại địa chỉ Khối 3- phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 196053 do tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 22/12/2014 mang tên ông Trịnh Việt Anh và bà Đinh Thị Hương. Giá trị tài sản thế chấp là 2.465.000.000 VND. (Ông Trịnh Việt Anh và Bà Đinh Thị Hương: là bạn của bà Trần Thị Thu Phương).

(6) Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 07/01/2013. Tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Kia Forte biển số 30S-5906; đăng ký xe ô tô số 105799 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/07/2009 cho bà Trần Thị Thu Phương. Giá trị tài sản thế chấp là 270.000.000 VND. (Bà Trần Thị Thu Phương là Tổng Giám Đốc Công ty kiêm thành viên HĐQT).

(7) Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01/DCMMTB/HĐTC/2013. Tài sản thế chấp là dây chuyền sản xuất bao bì Carton và các thiết bị khác. Giá trị tài sản thế chấp là 4.000.000.000 VND.

(8) Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 02/DCMMTB/HĐTC/2013 ngày 09/05/2013. Giá trị tài sản thế chấp là 4.000.000.000 VND.

(9) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/VKT/HĐTC/2012 ngày 24/12/2012. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc trên 8.890 m<sup>2</sup> đất thuê tại phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng. Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/SĐ-02/DCMMTB/HĐTC/2012 ngày 18/02/2014 xác định giá trị tài sản thế chấp là 15.391.201.080 VND.

(10) Hợp đồng thế chấp hàng hóa bổ sung số 01/2014-HĐTCHH ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa được hình thành từ vốn vay đang được đi đường hoặc được giữ tại kho hàng của đơn vị tại số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng hoặc tại bất kỳ kho hàng nào khác (tại hiện tại hoặc tương lai) được sử dụng để chứa hàng hóa được phản ánh trong sổ sách kế toán hoặc chùng từ kho hàng.

+ Các quyền lợi ích của đơn vị phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản đã nêu trên.

+Tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà đơn vị có thể nhận được sau thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực để mua bán, trao đổi, cho thuê, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ tài sản nào được đề cập nêu trên.

(11) Hợp đồng thế chấp tài sản bổ sung số 01/2014-HĐTCQTS ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là các quyền tài sản của đơn vị từ toàn bộ các khoản phải thu được hình thành từ vốn vay tại mọi thời điểm phát sinh dưới hình thức các Hợp đồng kinh tế và các hình thức ký kết văn bản khác.

*b. Vay ngân hàng Tiên Phong – chi nhánh Hoàn Kiếm:* Khoản vay được thực hiện theo hợp đồng tín dụng số 20/2017/HDTD/LNH/01 ngày 17 tháng 01 năm 2017. Hạn mức vay 10.000.000.000 VND, mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy Kraft. Thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng tới ngày 17/01/2018. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa không vượt quá 6 tháng đối với mục đích thanh toán tiền cho các phương án mua hàng trong nước, thanh toán thư tín dụng trả ngay và không quá 6 tháng trừ đi thời hạn trả chậm của thư tín dụng với mục đích thanh toán thư tín dụng trả chậm. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quốc Khánh và bà Vũ Thị Hằng tại địa chỉ số 29 tổ 65 trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng theo Hợp đồng đảm bảo số 254-02/HĐTC/TPBANK.LNH-HH ký kết ngày 12 tháng 3 năm 2015. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là 7.315.000.000 VND. (Ông Trần Quốc Khánh và Bà Vũ Thị Hằng là em trai và em dâu của Bà Trần Thị Thu Phương).

*c. Vay Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng:* Là khoản vay theo hạn mức thấu chi Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp hạn mức thấu chi thanh toán tiền điện số 2935/17/HĐHMTC-DN/099 ngày 29/06/2017. Mục đích của khoản vay này là để thanh toán tiền điện cho Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng theo thông báo số 394/2017/TB-TGD. Hạn mức thấu chi được cấp: 1.000.000.000 VNĐ. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 29/06/2017 đến 29/06/2018. Lãi suất trong hạn: 10%. Khoản vay không có biện pháp bảo đảm.

*d. Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô:* Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/422422/HĐTD ngày 10/4/2017, hạn mức thường xuyên là 36 tỷ đồng, hạn mức dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa 30 tỷ đồng, hạn mức này đã bao gồm toàn bộ dư bảo lãnh thanh toán, dư nợ ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/422422/HĐTD ngày 01/01/2016, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/03/2018, tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Tài sản của bên thứ ba là quyền sử dụng đất 78,8m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số BB316720 do UBND Quận Long Biên cấp ngày 17/03/2010 đứng tên Ông Đào Mạnh Thắng và bà Lê Thị Kim Yến theo hợp đồng thế chấp số



000734/2012/HĐTC ngày 11/05/2012. (Ông Đào Mạnh Thăng và Bà Lê Thị Kim Yến là em rể và em gái ông Lê Văn Phương – Thành viên HĐQT Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hà Nam)

+ Tài sản của bên thứ ba là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại số 30-LK1 - Tiểu khu đô thị Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV467332, số vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 đứng tên bà Trần Thị Thu Phương và con trai là Nguyễn Trần Nhật Đức. (Bà Trần Thị Thu Phương là thành viên HĐQT Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hà Nam).

+ Đảm bảo bằng máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất và phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 05/422422/HĐTC ngày 15/11/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 06.422422.2013.HĐ ngày 10/4/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 151/2009/1603/HTTV ngày 16/03/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản số 151/2007/07/TC-ĐG ngày 17/04/2007; Hợp đồng thế chấp tài sản số 151/2012/HĐTC ngày 11/05/2012.

+ Tài sản của bên thứ ba là thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB2359716 tại ngân hàng BIDV, chi nhánh Thành Đô của ông Trần Kim Gia theo hợp đồng cầm cố số 01/2017/422422/HĐBĐ. (Ông Trần Kim Gia là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hà Nam).

*e. Vay ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam:* Là khoản vay của Công ty con theo các hợp đồng vay:

+ Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố tài sản số SG020170201/HĐTD ngày 27 tháng 02 năm 2017, số tiền vay 1.900.000.000 VND, mục đích vay thanh toán tiếp tiền lò hơi theo hóa đơn số 38 ngày 30/12/2016; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất vay là 6,7%/năm, tài sản đảm bảo là Sổ tiết kiệm số TA01308614 và sổ tiết kiệm TA01308616 phát hành ngày 23/02/2017 của bà Trần Thị Thu Phương. (Bà Trần Thị Thu Phương là thành viên HĐQT Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hà Nam).

+ Hợp đồng tín dụng số SG020170394/HĐTD ngày 29 tháng 3 năm 2017 số tiền vay 2.137.500.000 VND, mục đích vay thanh toán tiếp tiền lò hơi, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

+ Hợp đồng tín dụng số SG020170395/HĐTD ngày 25 tháng 03 năm 2017, số tiền vay 4.037.500.000 VND, mục đích vay thanh toán tiếp tiền lò hơi; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Đến ngày 31/03/2018 Công ty con đã tất toán toàn bộ khoản vay này và không còn dư nợ tại ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam.

*f. Vay Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam:* khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo HĐ tín dụng số 01/18-HM/14185005 ngày 01 tháng 06 năm 2018. Theo điều kiện và điều khoản của hợp đồng này, ngân hàng giao hoặc cam kết giao cho khách hàng các khoản tiền với tổng mức dư nợ cho vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá hạn mức cho vay là: 12.000.000.000 VNĐ. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty. Lãi suất cho vay được

xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

**11.5.2. Vay và nợ dài hạn**

**Bảng 28: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hợp nhất**

Đơn vị: VND

| STT      | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn  | 31/12/2016            | 31/12/2017            | 30/06/2018            |
|----------|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1</b> | <b>Vay dài hạn các cá nhân liên quan (a)</b>                                | <b>10.300.000.000</b> | -                     | -                     |
|          | Bà Trần Thị Thu Phương (Tổng Giám đốc)                                      | 4.400.000.000         | -                     | -                     |
|          | Ông Trần Kim Gia (Chủ tịch HĐQT)  | 3.300.000.000         | -                     | -                     |
|          | Ông Nguyễn Huy Long (Thành viên HĐQT)                                       | 2.300.000.000         | -                     | -                     |
|          | Ông Trần Quốc Khánh (Cổ đông)   | 150.000.000           | -                     | -                     |
|          | Ông Trần Anh Giang (Cổ đông)  | 150.000.000           | -                     | -                     |
| <b>2</b> | <b>Vay dài hạn ngân hàng</b>  | <b>14.749.434.000</b> | <b>10.679.984.945</b> |                       |
|          | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (b)               | 13.872.184.000        | 10.172.808.000        | 10.172.808.000        |
|          | Ngân hàng Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm (c)                                | 224.000.000           | -                     | -                     |
|          | Ngân hàng TMCP Á Châu   | 451.500.000           | -                     | -                     |
|          | Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (d)                         | 201.750.000           | -                     | -                     |
|          | Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô (e)       | -                     | 173.843.600           | -                     |
|          | Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm (f)                         | -                     | 333.333.345           | 333.333.345           |
| <b>3</b> | <b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>  | <b>244.375.000</b>    | <b>116.874.999</b>    | <b>53.124.999</b>     |
|          | Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội(g) | 244.375.000           | 116.874.999           | 53.124.999            |
|          | <b>Tổng cộng</b>  | <b>25.293.809.000</b> | <b>10.796.859.944</b> | <b>10.559.266.344</b> |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2017 và BCTC tự lập hợp nhất 6T/2018 của Công ty)

a. *Vay và nợ thuê tài chính dài hạn của các bên liên quan*: Là khoản vay các cổ đông sáng lập với lãi suất 0%/năm để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2017, toàn bộ khoản vay đã được chuyển thành tiền góp vốn của các Cổ đông do đó các khoản vay dài hạn của Công ty mẹ giảm kéo theo khoản vay dài hạn trên Báo cáo hợp nhất giảm.

b. *Vay ngân hàng Công thương – chi nhánh Ngô Quyền*: là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau đây:

(1) Hợp đồng tín dụng số 04/HĐTD/2013 ngày 7 tháng 01 năm 2013. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp thêm của nhà máy sản xuất giấy Kraft 15.000 tấn/năm. Số tiền cho vay là 3.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 66 tháng. Lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi, được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và ghi trên giấy nhận nợ.

(2) Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD/2013 ngày 26/03/2013. Mục đích của khoản vay là mua toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất bao bì carton công suất 12.000 tấn/ năm và các máy móc thiết bị kèm theo. Số tiền cho vay là 2.500.000.000 VND. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi, được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và ghi trên giấy nhận nợ.

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/2012 ngày 24/12/2012. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua lại tài sản cố định của Hợp tác xã xí nghiệp sản xuất giấy Đức Dương và Công ty Cổ phần Bao bì và in công nghệ cao Đình Vũ. Số tiền cho vay là 24.075.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 114 tháng. Lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi, được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và ghi trên giấy nhận nợ.

Các hợp đồng vay trên được thế chấp bằng các tài sản thế chấp cùng với khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương chi nhánh Ngô Quyền đã liệt kê ở trên.

c. *Vay ngân hàng TMCP Quân Đội*: Là khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 531.15.081.1408527.TD ngày 10/07/2015. Số tiền cho vay: 896.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 48 tháng. Mục đích cho vay là thanh toán một phần tiền mua ô tô theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 300512015-HĐMB-TM/HCVN ngày 30/12/2015. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, được quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi:

+ Tài sản thế chấp là 1 xe ô tô tải Dongfeng 4 chân nhập khẩu màu trắng, sản xuất năm 2015 hình thành từ vốn vay theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 300512015-HĐMB-TM/HCVN. Giá trị tài sản thế chấp là 1.280.000.000 VND.

d. *Vay ngân hàng TMCP Tiên Phong – chi nhánh Hoàn Kiếm*: là khoản vay được cấp theo hợp đồng tín dụng số 382-09.15/HĐTDHM/TPBANK.LNH-HH ngày 15 tháng 09 năm 2015 với số tiền cho vay là 807.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán bù đắp để mua 1 máy ép kiện theo Hợp đồng mua bán thiết bị số 12/02/2015/HĐMB-HH-VP ngày 12/02/2015 ký giữa công ty Giấy Việt Pháp (TNHH) và Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng. Thời hạn vay là 36 tháng từ ngày 17/09/2015 đến ngày 17/09/2018. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi:

+ Hợp đồng đảm bảo số 382-09.15/HĐTC/TPBANK.LNH-HH ký ngày 18/09/2015. Tài sản thế chấp là 1 máy ép kiện đã qua sử dụng nhãn hiệu 150T.

*e. Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô:* Là khoản vay của công ty con theo các hợp đồng tín dụng sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2012/422422/HĐ ngày 15/11/2012 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng, tổng số tiền vay là 14.830.000.000 VND, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, mục đích đầu tư xây dựng (cải tạo 3.000 m<sup>2</sup> và xây mới 1.200 m<sup>2</sup>, vay tối đa 2.500.000.000 VND) và mua sắm hệ thống thiết bị xeo (vay tối đa 12.330.000.000 VND).

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/422422/HĐTD ngày 09/06/2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung, số tiền vay tối đa là 3.000.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.

Các hợp đồng vay trên được thế chấp bằng các tài sản thế chấp cùng với khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thành Đô đã liệt kê ở trên.

*f. Vay ngân hàng TMCP Tiên Phong:* Là khoản vay dài hạn của công ty con được cấp theo các hợp đồng tín dụng:

(1) Hợp đồng cho vay số 476-01.16/HĐTDTH/TPBANK.LNH-HHHN ngày 27/01/2016, số tiền vay 710.000.000 VND, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu KIA SORENTO MESCO, BKS: 30E-311.20 theo hợp đồng mua bán xe số 1296/HĐMB-SORENTO MESCO ngày 03/12/2015, thời hạn vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là xe KIA SORENTO BKS: 30E-311.20.

(2) Hợp đồng cho vay số 05\_06.16/HĐTD/LNH ngày 07/06/2016, số tiền vay 225.000.000 VND, mục đích vay thanh toán tiền mua 01 xe nâng nhãn hiệu HANGCHA CPCD35 A SERIES 35T theo hợp đồng mua bán số 2504/HĐMB/HN-HC/2016, thời hạn vay 36 tháng, tài sản đảm bảo là xe nâng nhãn hiệu HANGCHA CPCD35 A SERIES 35T.

*g. Nợ thuê tài chính dài hạn:* Là tài sản thuê tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease- Chi nhánh Hà Nội. Tài sản thuê tài chính là một chiếc xe nâng hiệu Hangcha có giá trị 450.000.000 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Giá trị thuê là 382.500.000. Ngày bắt đầu thuê: 28/11/2016. Thời hạn thuê: 36 tháng. Lãi suất thuê được xác định như sau: Từ kỳ thanh toán tiền thuê đầu tiên đến kỳ thứ 6, lãi suất cố định là 9.65%. Từ kỳ thanh toán thứ 7 trở đi, lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 2.53%. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

## 11.6. Hàng tồn kho

Bảng 29: Chi tiết giá trị hàng tồn kho

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu                            | 31/12/2016            | 31/12/2017            | 30/06/2018            |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên vật liệu                     | 14.155.968.660        | 37.209.501.513        | 39.209.363.642        |
| Công cụ, dụng cụ                    | -                     | 260.591.284           | 291.141.570           |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 1.144.381.629         | 2.798.596.296         | 2.101.852.542         |
| Thành phẩm                          | 6.346.706.662         | 10.125.071.928        | 8.888.115.126         |
| Hàng hóa                            | 165.039.080           | 6.306.975.014         | 2.060.014.046         |
| <b>Tổng</b>                         | <b>21.812.096.031</b> | <b>56.700.736.035</b> | <b>52.550.486.926</b> |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập 6T/2018 của Công ty)

Hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng chủ yếu là nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, thành phẩm và hàng hóa cho hoạt động thương mại. Giá trị hàng tồn kho của Công ty sau hợp nhất tại thời điểm cuối năm 2017 là 56,7 tỷ đồng, tăng 34,9 tỷ đồng, tương đương tăng 159,95% so với cuối năm 2016. Trong đó, tồn kho tại Công ty mẹ là 31,3 tỷ đồng, tăng 9,5 tỷ đồng tương đương 43,66% so với cuối năm 2016; tồn kho tại Công ty con được hợp nhất vào Công ty mẹ là 25,4 tỷ đồng.

Do nhu cầu thị trường thường tăng cao vào thời điểm cuối năm 2017 nên Công ty đã nhập thành phẩm giấy Kraft từ bên ngoài nhằm phục vụ cho hoạt động thương mại. Vì vậy, đầu năm 2017, lượng hàng hóa tồn kho của Công ty mẹ gần như không đáng kể (21,4 tấn) nhưng thời điểm cuối năm 2017, tồn kho theo sổ sách tăng lên (354,1 tấn), lượng tồn kho này phần lớn đã được Công ty xuất bán trong tháng 1/2018.

Tại thời điểm 30/06/2018, giá trị hàng tồn kho của Công ty sau hợp nhất là 52,5 tỷ đồng (trong đó Công ty mẹ 29,1 tỷ đồng và Công ty con 23,4 tỷ đồng), giảm so với thời điểm 31/12/2017 là 4,3 tỷ đồng, chủ yếu là do giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (0,8 tỷ đồng) và hàng hóa (4,2 tỷ đồng).

Trong quá trình hoạt động, Công ty liên tục sử dụng hàng tồn kho với vòng quay thấp và giá trị ít biến đổi nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số lượng nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, công cụ dụng cụ trong kho.



## 11.7. Tình hình công nợ hiện nay

## 11.7.1. Các khoản phải thu

Bảng 30: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu                         | 31/12/2016            | 31/12/2017            | 30/06/2018            |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn</b>         | <b>33.243.164.591</b> | <b>64.709.212.982</b> | <b>60.186.502.421</b> |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 25.457.316.656        | 41.990.384.336        | 39.185.566.480        |
| Trả trước cho người bán          | 511.127.100           | 4.724.443.000         | 666.829.128           |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn     | -                     | -                     | 3.000.000.000         |
| Phải thu khác                    | 7.274.720.835         | 17.994.385.646        | 17.334.106.813        |
| <b>Phải thu dài hạn</b>          | <b>8.527.000.000</b>  | <b>28.527.000.000</b> | <b>28.527.000.000</b> |
| Phải thu dài hạn khác            | 8.527.000.000         | 28.527.000.000        | 28.527.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>41.770.164.591</b> | <b>93.241.068.526</b> | <b>88.713.502.421</b> |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017 và tự lập 6T/2018 của Công ty)

*Phải thu ngắn hạn của khách hàng:* Phải thu ngắn hạn khách hàng tại cuối năm 2017 sau hợp nhất tăng 16,5 tỷ đồng so với cuối năm 2016, trong đó chỉ tiêu này tại Công ty mẹ tăng 6,1 tỷ đồng (phải thu các bên liên quan tăng 1,9 tỷ đồng, phải thu các khách hàng khác tăng 4,2 tỷ đồng) và khoản phải thu ngắn hạn khách hàng của Công ty con được hợp nhất vào BCTC của Công ty mẹ là 10,4 tỷ đồng.

Đối với các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng của công ty mẹ:

- Phải thu các bên liên quan chiếm bình quân hơn 29%. Trong đó, khoản phải thu về bán thành phẩm giấy Kraft cho Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà tăng 5 tỷ đồng (nhưng trên thực tế, sau khi bù trừ đi khoản phải trả do mua hàng hóa giấy Kraft từ công ty này phát sinh tăng 1,9 tỷ đồng, thì số phát sinh tăng chỉ còn 3,1 tỷ đồng), đồng thời khoản phải thu của Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hà Nam lại giảm gần 3 tỷ đồng, như vậy có thể nói chỉ tiêu này tại Công ty mẹ gần như không có biến động.

- Khoản phải thu các khách hàng khác của Công ty mẹ tăng 4,2 tỷ đồng, chủ yếu là do Công ty mở rộng mạng lưới khách hàng, tăng doanh thu nên tăng công nợ, và ngoài ra còn có nguyên nhân do Công ty điều chỉnh sản lượng hàng bán cho từng khách hàng căn cứ vào sự phù hợp về đơn hàng (khổ giấy, định lượng... nếu phù hợp sẽ mang lại lợi nhuận cao hơn), uy tín về thanh toán, mức độ tiềm năng của từng khách hàng, do vậy sẽ có khách hàng phát sinh tăng (An Minh, B&B, AP) và có khách hàng phát sinh giảm (Tân Hưng, Hoàng Lê).

- *Trả trước cho người bán ngắn hạn:* Khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn tại BCTC Công ty mẹ gần như không biến động trong năm 2017 và cũng không chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản phải thu của Công ty. Tuy nhiên, sau khi hợp nhất với báo cáo Công ty con, giá trị của khoản trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2017 trên BTCT hợp nhất năm 2017 là 4,7 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản tiền 4,09 tỷ đồng của Công ty con đã

chuyển trong năm 2017 cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cơ khí Đức Hạnh để thực hiện Hợp đồng số 2507/2017TB/ĐH-HH về việc cung cấp thiết bị nâng cấp, cải tạo hệ thống máy xeo, hệ thống bột và hệ thống xử lý nước thải.

- *Phải thu về cho vay ngắn hạn*: Thời điểm 30/06/2018, Công ty có số dư khoản phải thu về cho vay ngắn hạn 3 tỷ đồng, đây là khoản tiền mặt tạm thời nhàn rỗi đã cho cá nhân bên ngoài vay ngắn hạn với lãi suất 9,5%/năm để tăng nguồn thu về hoạt động tài chính cho Công ty.

- *Phải thu khác*: Khoản phải thu ngắn hạn khác năm 2017 của Công ty sau hợp nhất tăng 10,7 tỷ đồng so với năm 2016, trong đó:

- Khoản phải thu ngắn hạn khác tại Công ty mẹ tăng 7,8 tỷ đồng, chủ yếu là do tăng ở khoản tiền tạm ứng cho các Trạm thu mua phế liệu để trực tiếp thu gom giấy phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho Công ty, tạm ứng chi phí làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở cho Nhà máy của Công ty tại 194 đường Kiều Hạ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;

- Khoản phải thu ngắn hạn khác của Công ty con được hợp nhất vào BCTC của Công ty mẹ là 2,9 tỷ đồng.

- *Phải thu dài hạn*: Phải thu dài hạn khác tại BCTC hợp nhất và Công ty mẹ thời điểm cuối năm 2017 tăng 20 tỷ đồng so với năm 2016 là do Công ty đã chuyển tiền để thực Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà (Chi tiết được trình bày tại Mục 6.2.2).

## 11.7.2. Các khoản phải trả

Bảng 31: Các khoản phải trả

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu                                | 31/12/2016             | 31/12/2017             | 30/06/2018             |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                      | <b>69.345.972.255</b>  | <b>120.968.249.851</b> | <b>106.871.260.192</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn             | 12.751.710.012         | 19.208.691.713         | 16.582.343.946         |
| Người mua trả trước tiền bán ngắn hạn   | 71.123.400             | 637.750.445            | 7.122.952.734          |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (a) | 1.209.512.753          | 2.788.590.391          | 3.068.851.773          |
| Phải trả người lao động                 | -                      | 781.029.959            | 952.232.688            |
| Chi phí trả phải trả ngắn hạn           | -                      | 155.360.192            | -                      |
| Phải trả ngắn hạn khác                  | -                      | 1.175.845.386          | 877.664.403            |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (b)   | 55.313.626.090         | 95.720.981.765         | 77.767.214.648         |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi (c)            | -                      | 500.000.000            | 500.000.000            |
| <b>Nợ dài hạn</b>                       | <b>35.801.754.435</b>  | <b>23.249.587.820</b>  | <b>19.896.753.889</b>  |
| Phải trả người bán dài hạn              | 5.457.945.435          | 7.402.727.876          | 4.287.487.545          |
| Phải trả dài hạn khác                   | 5.050.000.000          | 5.050.000.000          | 5.050.000.000          |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (d)    | 25.293.809.000         | 10.796.859.944         | 10.559.266.344         |
| <b>Tổng cộng</b>                        | <b>105.147.726.690</b> | <b>144.371.519.600</b> | <b>126.768.014.081</b> |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập 6T/2018 của Công ty)

- *Phải trả người bán ngắn hạn*: Phải trả người bán ngắn hạn cuối năm 2017 sau hợp nhất tăng 6,4 tỷ đồng (phải trả các bên liên quan tăng 1,6 tỷ đồng, phải trả các nhà cung cấp khác tăng 4,8 tỷ đồng) so với cuối năm 2016, trong đó, chỉ tiêu này tại Công ty mẹ tăng 3,4 tỷ đồng. Khoản phải trả người bán ngắn hạn của Công ty con hợp nhất vào là 3 tỷ đồng. Tại Công ty mẹ, Phải trả người bán ngắn hạn tăng so với năm 2016 do cuối năm 2017, Công ty đẩy mạnh việc mua nguyên liệu, hàng hóa, tăng lượng tồn kho dự trữ khiến công nợ phải trả nhà cung cấp tăng lên.

- *Phải trả người bán dài hạn*: Phải trả người bán dài hạn cuối năm 2017 sau hợp nhất của Công ty đều là khoản phải trả người bán dài hạn của công ty con được hợp nhất vào với số tiền là 7,402 tỷ đồng (Trong đó: Tiền mua hàng hóa giấy Kraft từ Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh là 6,68 tỷ đồng và phải trả các nhà cung cấp khác là 717 triệu đồng). Tại Công ty mẹ, cuối năm 2017 Công ty không còn khoản phải trả người bán dài hạn.

- *Phải trả dài hạn khác*: Phải trả dài hạn khác của Công ty thời điểm 30/06/2018 không đổi so với đầu năm 5,05 tỷ đồng là tiền góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Bao bì Phương Bắc.

**11.8. Đầu tư tài chính**

Công ty đã thực hiện hoạt động đầu tư tài chính như sau .

**Bảng 32: Đầu tư tài chính hợp nhất**

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu                         | 31/12/2016 | 31/12/2017           | 30/06/2018 |
|----------------------------------|------------|----------------------|------------|
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | -          | <b>4.442.959.578</b> | -          |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn  | -          | 4.442.959.578        | -          |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>  | -          | -                    | -          |
| <b>Tổng cộng</b>                 | -          | <b>4.442.959.578</b> | -          |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC tự lập hợp nhất 6T/2018 của Công ty)

Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm dưới 12 tháng của Công ty con với số tiền 4.442.959.578 đồng để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn của Công ty con tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Đến thời điểm 30/06/2018, khoản tiền này đã được tất toán để trả vào khoản nợ của Công ty con tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

**Bảng 33: Đầu tư tài chính Công ty mẹ**

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu                         | 31/12/2016 | 31/12/2017            | 30/06/2018            |
|----------------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | -          | -                     | -                     |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>  | -          | <b>24.000.000.000</b> | <b>26.500.000.000</b> |
| Đầu tư vào công ty con           | -          | 24.000.000.000        | 26.500.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b>                 | -          | <b>24.000.000.000</b> | <b>26.500.000.000</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và 6T/2018 của Công ty mẹ)

Đây là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam với tỷ lệ sở hữu 66,67% từ cuối tháng 10/2017. Đến thời điểm 30/06/2018, tổng giá trị đầu tư vào công ty con là 26.500.000.000 đồng, chiếm 68,83% vốn điều lệ công ty con.

**11.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 34: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty sau hợp nhất**

| Chỉ tiêu   | Đơn vị | 2016   | 2017  |
|--|--------|--------|-------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                |        |        |       |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>(TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | Lần    | 0,8177 | 1.068 |

|   |      |        |       |
|---|------|--------|-------|
| - Hệ số thanh toán nhanh<br>(TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn  | Lần  | 0,503  | 0,6   |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                      |      |        |       |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | %    | 77,04  | 54    |
| Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu  | %    | 335,53 | 117,4 |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                              |      |        |       |
| - Vòng quay hàng tồn kho<br>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 4,85   | 3,16  |
| - Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân                              | Vòng | 0,81   | 0,7   |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                               |      |        |       |
| Hệ số LNST/Doanh thu thuần  | %    | 1,87   | 6,1   |
| Hệ số LNST*/Vốn chủ sở hữu bình quân**                                | %    | 7,97   | 11,96 |
| Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân                                    | %    | 1,52   | 4,26  |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT   | %    | 0,105  | 5.3   |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016, 2017 của Công ty)

(\*) LNST dùng để tính là LNST của cổ đông công ty mẹ

(\*\*) Vốn chủ sở hữu bình quân đã được loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát

## 12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

**Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**

| STT                      | Họ và tên           | Chức vụ                       |
|--------------------------|---------------------|-------------------------------|
| <b>Hội Đồng Quản Trị</b> |                     |                               |
| 1                        | Trần Kim Gia        | Chủ tịch HĐQT không độc lập   |
| 2                        | Trần Thị Thu Phương | Thành viên HĐQT không độc lập |
| 3                        | Nguyễn Huy Long     | Thành viên HĐQT không độc lập |
| 4                        | Nguyễn Thị Ngân     | Thành viên HĐQT độc lập       |
| 5                        | Nguyễn Trung Thành  | Thành viên HĐQT độc lập       |
| <b>Ban Kiểm soát</b>     |                     |                               |
| 1                        | Đào Thị Ngân        | Trưởng BKS                    |
| 2                        | Đỗ Thị Vươn         | Thành viên BKS                |



|                          |                     |                   |
|--------------------------|---------------------|-------------------|
| 3                        | Đinh Thị Hồng       | Thành viên BKS    |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b> |                     |                   |
| 1                        | Trần Thị Thu Phương | Tổng giám đốc     |
| 2                        | Nguyễn Vinh Quang   | Phó tổng giám đốc |
| <b>Kế toán trưởng</b>    |                     |                   |
| 1                        | Trịnh Thị Hương     | Kế toán trưởng    |

## 12.1. Hội đồng quản trị

### 12.1.1. Chủ tịch HĐQT – Ông TRẦN KIM GIA

- Họ và tên: Trần Kim Gia
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/01/1961
- Nơi sinh: Kim Sơn, Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5, Vọng Đức, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 013339304    Nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày cấp: 01/09/2010
- Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: 0243 877 6496    Di động: 0913 574 877
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ sản xuất giấy
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Hoàng Hà Hà Nam.
- Quá trình công tác

| Tháng năm              | Đơn vị công tác                        | Chức vụ        |
|------------------------|--|----------------|
| Từ 01/1985 đến 05/1997 | Nhà máy giấy Vạn Điểm                  | Phòng Kỹ Thuật |
| Từ 06/1997 đến 05/2001 | Nhà máy giấy Trảng Định                | Phó Giám Đốc   |
| Từ 06/2001 đến 08/2017 | Cty TNHH Tư vấn sản xuất Giấy Hoàng Hà | Giám Đốc       |
| Từ 11/2012 đến nay     | CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng           | Chủ tịch HĐQT  |
| Từ 01/2014 đến nay     | CTCP Giấy Hoàng Hà Hà Nam              | Chủ tịch HĐQT  |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức niêm yết:
  - Sở hữu cá nhân: 800.000 cổ phần

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức niêm yết: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

**12.1.2. Thành viên HĐQT – Bà TRẦN THỊ THU PHƯƠNG**

- Họ và tên: Trần Thị Thu Phương
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/07/1966
- Nơi sinh: Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 45, tổ 15 ngõ Thủ Lệ, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội
- Thẻ căn cước công dân số: 037166000021  
Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
Ngày cấp: 06/01/2015
- Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: 0243984008                      Di động: 0913253556
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Giấy Hoàng Hà Hà Nam.
- Quá trình công tác

| Tháng năm              | Đơn vị công tác   | Chức vụ  |
|------------------------|---|--|
| Từ 07/1988 đến 11/1995 | Xí nghiệp 26/3 Trung ương Đoàn                          | Kế toán viên                                   |
| Từ 12/1995 đến 06/1997 | Công ty DETESCO Việt Nam, thuộc TWĐoàn TNCS Hồ Chí Minh | Kế toán tổng hợp                               |
| Từ 07/1997 đến 06/1998 | Công ty DETESCO Việt Nam                                | Phó phòng Tài chính Kế toán                    |
| Từ 07/1998 đến 06/2002 | Công ty DETESCO Việt Nam                                | Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính Kế toán |
| Từ 06/2002 đến 04/2005 | Công ty DETESCO Việt Nam                                | Phó giám đốc                                   |
| Từ 04/2005 đến 05/2006 | Công ty Xuất nhập khẩu Intimex – Bộ thương mại.         | Phó trưởng phòng Kinh tế Tổng hợp              |
| Từ 05/2006 đến 05/2007 | Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh                       | Kế toán trưởng, trưởng phòng                   |

|                        | Bưu điện   | Tài chính Kế toán                                       |
|------------------------|--|---|
| Từ 06/2007 đến 09/2008 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương                 | Trưởng phòng QLRR&NCVĐ                                  |
| Từ 10/2008 đến 11/2009 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương                 | Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp                    |
| Từ 11/2009 đến 04/2010 | Công ty CP Tiên Phong  | Phó giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm văn hóa Tiên Phong |
| Từ 04/2010 đến 06/2011 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam  | Phó ban - Phụ trách Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ       |
| Từ 07/2011 đến 07/2013 | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội (Hapro Holdings) | Phó Tổng giám đốc                                       |
| Từ 02/2012 đến 03/2013 | Công ty TNHH Ngọc Hải  | Giám đốc  |
| Từ 12/2012 đến nay     | Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng   | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc                      |
| Từ 01/2014 đến 08/2017 | Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hà Nam (Chuyển đổi từ Công ty TNHH Ngọc Hải)        | Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng                     |
| Từ 09/2017 đến nay     | Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hà Nam  | Thành viên HĐQT   |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức niêm yết:
  - o Sở hữu cá nhân: 680.000 cổ phần
  - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - o Sở hữu của người có liên quan: 40.000 cổ phần

| Họ tên          | Mối quan hệ | Số lượng | Tỷ lệ |
|-----------------|-------------|----------|-------|
| Trần Quốc Khánh | Em trai     | 40.000   | 0,4%  |

- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức niêm yết: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

**12.1.3. Thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN HUY LONG**

- Họ và tên: Nguyễn Huy Long
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/05/1973
- Nơi sinh: Thanh Oai, Hà Tây



- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 26/12/1964
- Nơi sinh: Kim Sơn, Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 512, A2, tổ 03, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 010626883      Nơi cấp: CA Hà Nội  
Ngày cấp: 09/11/2005
- Điện thoại liên hệ: Nhà riêng                      Di động: 0912293830
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngôn ngữ
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

| Tháng năm          | Đơn vị công tác                                    | Chức vụ                   |
|--------------------|--|---------------------------|
| Từ 1986-1995       | Sở giáo dục Tỉnh Ninh Bình, Trường PTTH Tam Điệp   | Giáo viên tiếng Nga       |
| Từ 1995-2007       | Trường bán công chuyên ngữ Hà nội                  | Giáo viên tiếng Anh       |
| Từ 2007- nay       | Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển nhân lực Vạn Xuân | Nhân viên phòng nghiệp vụ |
| Từ 08/2017 đến nay | CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng                       | Thành viên HĐQT           |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức niêm yết:
  - o Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - o Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức niêm yết: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

**12.1.5. Thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN TRUNG THÀNH**

- Họ và tên: Nguyễn Trung Thành
- Giới tính: Nam



- Ngày sinh: 14/01/1959
- Nơi sinh: Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 117 Vân Đồn, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Thẻ căn cước công dân số: 001059000493  
Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
Ngày cấp: 25/09/2013
- Điện thoại liên hệ: 0913215089
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kỹ thuật
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Tháng năm              | Đơn vị công tác                                 | Chức vụ   |
|------------------------|---|---|
| Từ 07/1977 đến 04/1981 | Xí nghiệp Cảng Hà Nội, cục Đường Sông – Bộ GTVT | Công nhân   |
| Từ 05/1981 đến 02/1987 | Hợp tác Lao động – tại Bulgaria.                | Nhân viên   |
| Từ 03/1987 đến 04/2014 | Công ty DETESCO Việt Nam                        | Giám đốc Trung Tâm Thương Mại; Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính. |
| Từ 05/2014 đến 07/2017 | Công ty cổ phần Devyt                           | Giám đốc công ty Kho Vận – thuộc Công ty cổ phần Devyt            |
| Từ 08/2017 đến nay     | Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng         | Thành viên HĐQT   |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức niêm yết:
  - o Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - o Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức niêm yết: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

## 12.2. Ban kiểm soát

### 12.2.1. Trưởng BKS – Bà ĐÀO THỊ NGÂN

- Họ và tên: Đào Thị Ngân
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 24/09/1986
- Nơi sinh: Bình Giang, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 85 Khu Đông Chính 2, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân số: 031454622      Nơi cấp: CA Hải Phòng  
Ngày cấp: 15/02/2012
- Điện thoại liên hệ: 02253979952
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm Soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

| Tháng năm              | Đơn vị công tác  | Chức vụ      |
|------------------------|--|--------------|
| Từ 11/2010 đến 11/2011 | Phòng Kế toán Công ty TNHH J.K.C Vina – KCN Nomura Hải Phòng | Kế toán viên |
| Từ 01/2013 đến 08/2017 | Phòng Kế toán - CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng                 | Kế toán viên |
| Từ 09/2017 đến nay     | CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng                                 | Trưởng BKS   |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức niêm yết:
  - o Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - o Sở hữu của người có liên quan: Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức niêm yết: Theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

**12.2.2. Thành viên BKS – Bà ĐỖ THỊ VƯỜN**

- Họ và tên: Đỗ Thị Vươn
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 01/08/1989
- Nơi sinh: Kim Sơn, Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 06 – Kim Đông – Kim Sơn – Ninh Bình
- Chứng minh thư nhân dân số: 164370919                      Nơi cấp: CA Ninh Bình
- Ngày cấp: 20/02/2006
- Điện thoại liên hệ: 0989 452 589
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán viên Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất giấy Hoàng Hà
- Quá trình công tác:

| Tháng năm              | Đơn vị công tác                        | Chức vụ        |
|------------------------|--|----------------|
| Từ 10/2009 đến 09/2010 | Công ty Cổ Phần Hà My                  | Kế toán viên   |
| Từ 10/2010 đến 09/2015 | Trường Mầm Non Kim Đông                | Kế toán        |
| Từ 10/2015 đến nay     | Công ty TNHH TV Sản xuất giấy Hoàng Hà | Kế toán viên   |
| Từ 08/2017 đến nay     | Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng     | Thành viên BKS |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức niêm yết:
  - o Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - o Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức niêm yết: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

**12.2.3. Thành viên BKS – Bà ĐINH THỊ HỒNG**

- Họ và tên: Đinh Thị Hồng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 06/03/1960
- Nơi sinh: Nho Quan, Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 7 B3 ngõ 126 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 013631640                      Nơi cấp: CA Hà Nội  
Ngày cấp: 18/05/2013
- Điện thoại liên hệ: 0912371276
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng tại Viện khoa học môi trường và sức khỏe cộng đồng
- Quá trình công tác:

| Tháng năm              | Đơn vị công tác                                 | Chức vụ                        |
|------------------------|---|--------------------------------|
| Từ 12/1989 đến 03/1993 | Trung tâm Nghiên cứu Địa chất biển – Viện KHAVN | Kế toán trưởng                 |
| Từ 04/1993 đến 04/1994 | Thực tập sinh tại Cộng hòa liên bang Nga        | Thực tập sinh                  |
| Từ 05/1994 đến 02/2003 | Phân viện Hải dương học tại Hà Nội              | Kế toán trưởng                 |
| Từ 03/2003 đến 03/2004 | Viện Công nghệ Môi trường                       | Kế toán trưởng,                |
| Từ 04/2004 đến 10/2011 | Viện Địa chất Địa vật lý biển                   | Kế toán trưởng,                |
| Từ 11/2011 đến 06/2016 | Viện Công nghệ vũ trụ                           | Kế toán trưởng, Phó phòng QLTH |
| Từ 07/2016 đến nay     | Viện khoa học môi trường và sức khỏe cộng đồng  | Kế toán trưởng.                |
| Từ 08/2017 đến nay     | Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng              | Thành viên BKS                 |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức niêm yết: Không
  - o Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - o Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức niêm yết: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

### 12.3. Ban tổng giám đốc

#### 12.3.1. Tổng giám đốc

Bà: Trần Thị Thu Phương

(Lý lịch: Xem mục lý lịch Thành viên HĐQT)

#### 12.3.2. Phó Tổng giám đốc – Ông NGUYỄN VINH QUANG

- Họ và tên: Nguyễn Vinh Quang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/06/1972
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 80/82 Vũ Chí Thắng, Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân – TP Hải Phòng
- Thẻ căn cước công dân số: 031072005142
- Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày cấp: 05/12/2017
- Điện thoại liên hệ: 0983239288
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc nhà máy
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Quá trình công tác:

| Tháng năm              | Đơn vị công tác                     | Chức vụ                                 |
|------------------------|-------------------------------------|---|
| Từ 01/1991 đến 12/1995 | Công ty Vận tải sông biển Hải Phòng | Nhân viên máy tàu biển                  |
| Từ 01/1996 đến 04/2002 | Công ty EAC Việt Nam                | Đại diện bán hàng                       |
| Từ 05/2002 đến 12/2004 | Công ty Sữa ELOVI                   | Giám sát bán hàng                       |
| Từ 01/2005 đến 10/2007 | Công ty Sữa VINAMILK                | Giám sát bán hàng                       |
| Từ 11/2007 đến 12/2013 | Công ty Sữa MILEX                   | Giám đốc khu vực                        |
| Từ 01/2014 đến nay     | CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng        | Giám đốc nhà máy                        |
| Từ 09/2017 đến nay     | CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng        | Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc nhà máy |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức niêm yết:



- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức niêm yết: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

#### 12.4. Kế toán trưởng

- Họ và tên: Trịnh Thị Hương
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 11/07/1986
- Nơi sinh: Kiến Thụy, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Bắc, Thôn Xuân La, Xã Thanh Sơn, Huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng
- Thẻ căn cước công dân số: 031186002593  
Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
Ngày cấp: 01/06/2016
- Điện thoại liên hệ: 0942804918
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Tháng năm                | Đơn vị công tác                       | Chức vụ                                |
|--------------------------|---------------------------------------|--|
| Từ 09/2009 đến 11/2012   | HTX Xí nghiệp sản xuất Giấy Đức Dương | Kế toán viên                           |
| Từ 12/2012 đến 08/2016   | Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng    | Kế toán viên                           |
| Từ 09/2016 đến 08/2017   | Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng    | Phó phòng TCKT, phụ trách công tác KTT |
| Từ tháng 09/2017 đến nay | Công ty CP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng    | Kế toán trưởng, Trưởng phòng TC-KT     |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức niêm yết: Không
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức niêm yết: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không

### 13. Giá trị tài sản cố định của Công ty

**Bảng 35: Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty sau hợp nhất thời điểm 31/12/2017**

| STT       | Danh mục tài sản                | 31/12/2017             |                        | % Giá trị còn lại |
|-----------|---------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------|
|           |                                 | Nguyên giá(đồng)       | Giá trị còn lại(đồng)  |                   |
| <b>I</b>  | <b>Tài sản cố định hữu hình</b> | <b>148.309.135.304</b> | <b>108.632.428.061</b> | <b>73,25 %</b>    |
| 1         | Nhà cửa vật kiến trúc           | 24.296.750.126         | 18.861.754.217         | 77,63%            |
| 2         | Máy móc thiết bị                | 114.971.383.121        | 86.045.168.141         | 74,84%            |
| 3         | Phương tiện vận tải truyền dẫn  | 8.361.573.905          | 3.676.267.752          | 43,96%            |
| 4         | Thiết bị dụng cụ quản lý        | 679.428.152            | 49.237.951             | 7,25%             |
| 5         | Tài sản cố định hữu hình khác   |                        |                        |                   |
| <b>II</b> | <b>Tài sản cố định vô hình</b>  | <b>-</b>               | <b>-</b>               | <b>-</b>          |
|           | <b>Tổng cộng</b>                | <b>148.309.135.304</b> | <b>108.632.428.061</b> | <b>73,25%</b>     |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 của Công ty)

Một số TSCĐ hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 124.585.917.237 VND và 91.222.385.829 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng sau: NH TMCP Công Thương Việt – chi nhánh Ngô Quyền, NH TMCP Tiền Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm, NH TMCP Quân đội – chi nhánh Hoàn Kiếm và NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô.

**Bảng 36: Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty sau hợp nhất tại thời điểm 30/06/2018**

| STT       | Danh mục tài sản                | 30/06/2018             |                        | % Giá trị còn lại |
|-----------|---------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------|
|           |                                 | Nguyên giá (đồng)      | Giá trị còn lại (đồng) |                   |
| <b>I</b>  | <b>Tài sản cố định hữu hình</b> | <b>154.982.330.290</b> | <b>109.332.403.846</b> | <b>70,54%</b>     |
| 1         | Nhà cửa vật kiến trúc           | 24.500.417.986         | 18.423.982.195         | 75,19%            |
| 2         | Máy móc thiết bị                | 121.055.549.792        | 86.962.420.987         | 71,83%            |
| 3         | Phương tiện vận tải truyền dẫn  | 8.746.934.360          | 3.910.616.023          | 44,70%            |
| 4         | Thiết bị dụng cụ quản lý        | 679.428.152            | 35.384.641             | 5,20%             |
| 5         | Tài sản cố định hữu hình khác   | -                      | -                      | -                 |
| <b>II</b> | <b>Tài sản cố định vô hình</b>  | -                      | -                      | -                 |
|           | <b>Tổng cộng</b>                | <b>154.982.330.290</b> | <b>109.332.403.846</b> | <b>70,54%</b>     |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 6T/2018 tự lập của Công ty)

- ❖ Công ty mẹ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu tài sản trên đất số CK 926926 ngày 26/04/2018 tại địa chỉ: 194 đường Kiều Hạ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với diện tích 8.189,2 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đến tháng 07/2043, đất thuê trả tiền hàng năm. Hiện nay, toàn bộ tài sản nhà xưởng vật kiến trúc, máy móc thiết bị của Công ty đang được thế chấp làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Ngô Quyền.

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo của Công ty**

**📌 Kế hoạch:**

**Bảng 37: Kế hoạch Vốn - Doanh thu - Lợi nhuận của Công ty mẹ giai đoạn 2018 - 2021**

*ĐVT: Tỷ đồng*

| STT | Chỉ tiêu                                      | Năm 2018 |             | Năm 2019 |             | Năm 2020 |             | Năm 2021 |             |
|-----|---|----------|-------------|----------|-------------|----------|-------------|----------|-------------|
|     |   | Kế hoạch | % Tăng/giảm | Kế hoạch | % Tăng/giảm | Kế hoạch | % Tăng/giảm | Kế hoạch | % Tăng/giảm |
| 1   | Vốn điều lệ                                   | 150      | 50,00       | 200      | 33,33       | 200      | 0           | 200      | 0           |
| 2   | Doanh thu thuần                               | 140      | 12,37       | 160      | 14,29       | 180      | 12,50       | 200      | 11,11       |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế                            | 8        | 46,04       | 10       | 25,00       | 12       | 20,00       | 15       | 25,00       |
| 4   | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%) | 5,71     | -           | 6,25     | -           | 6,67     | -           | 7,50     | -           |

*(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 13/04/2018 của Công ty)*

**Bảng 38: Kế hoạch Vốn - Lợi nhuận - Cổ tức của Công ty sau hợp nhất giai đoạn 2018 - 2021**

*ĐVT: Tỷ đồng*

| STT | Chỉ tiêu  | Năm 2018 |             | Năm 2019 |             | Năm 2020 |             | Năm 2021 |             |
|-----|---|----------|-------------|----------|-------------|----------|-------------|----------|-------------|
|     |   | Kế hoạch | % Tăng/giảm | Kế hoạch | % Tăng/giảm | Kế hoạch | % Tăng/giảm | Kế hoạch | % Tăng/giảm |
| 1   | Vốn điều lệ của công ty mẹ                          | 150      | 50,00       | 200      | 33,33       | 200      | 0           | 200      | 0           |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế Công ty sau hợp nhất             | 10       | 18,82       | 14       | 40          | 20       | 42,86       | 25       | 25          |
| 3   | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ bình quân (%) | 8,00     |             | 8,00     |             | 10,00    |             | 12,50    |             |
| 4   | Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%)                            | 5        |             | 5        |             | 8        |             | 10       |             |

*(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 13/04/2018 của Công ty)*

**📌 Thông tin về kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2018:**

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng ngày 13 tháng 04 năm 2018 đã thông qua kế hoạch tăng vốn từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu. Thông tin chi tiết như sau:

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng.
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phần.
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 10.000.000 cổ phần.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm:** 5.000.000 cổ phần.
- **Giá phát hành:** 10.000 đồng/cổ phần.
- **Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá** 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- **Tỷ lệ phát hành:** 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu cũ sẽ được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới).
- **Hình thức phát hành:** Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- **Phương án xử lý cổ phần chưa được phân phối hết trong đợt phát hành (nếu có):** Trong trường hợp những cổ đông không thanh toán hết số cổ phần đã đăng ký quyền mua theo tỷ lệ trên thì ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT chào bán số lượng cổ phần đó cho cổ đông khác trong Công ty hoặc nhà đầu tư bên ngoài với giá không thấp hơn giá đã phát hành 10.000 đồng/cổ phần.
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Cổ phiếu lẻ phát sinh của đợt phát hành sẽ được HĐQT tổng hợp lại. Quyền mua số cổ phần lẻ (nếu có) do HĐQT quyết định.
- **Phương án sử dụng vốn:** Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất: Triển khai thực hiện dự án mở rộng Nhà máy giấy Hoàng Hà Hải Phòng với công suất 100.000 tấn/năm.
- **Thời gian thực hiện:** Bắt đầu từ Quý IV/2018.

**🚩 Căn cứ thực hiện:**

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục thực hiện sát sao chiến lược, mục tiêu và định hướng phát triển mà Ban lãnh đạo đã đề ra. Công ty vẫn xác định giấy Kraft là sản phẩm mũi nhọn đem lại doanh thu và lợi nhuận chủ yếu cho Công ty, do vậy việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất là hết sức cần thiết nhằm tận dụng, khai thác triệt để thế mạnh sẵn có của Công ty, đồng thời nắm bắt được cơ hội hiện tại cũng như tương lai của ngành sản xuất giấy bao bì trên thị trường. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 2018 – 2021 được Công ty xây dựng dựa trên các yếu tố sau:

- Công ty vượt qua được giai đoạn khó khăn ban đầu kể từ khi thực hiện quá trình tái cấu trúc nhà máy và đã đi vào giai đoạn hoạt động ổn định và có lợi nhuận từ tháng 08 năm 2013. Từ đó đến nay các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của Công ty liên tục tăng trưởng qua các năm. Công ty đặt kế hoạch lợi nhuận tăng trưởng nhiều hơn doanh thu thuần



xuất phát từ lợi thế đảm bảo được giá nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định cũng như chính sách tiết kiệm chi phí ngày càng phát huy được hiệu quả, giúp đảm bảo được giá vốn hàng bán, chi phí sản xuất....

- Công ty mới thực hiện thành công việc phát hành tăng vốn và mở rộng được quy mô hoạt động, điều này sẽ góp phần đáng kể trong việc tăng trưởng các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.
- Công ty đã tạo dựng được thương hiệu, vị thế và uy tín trên thị trường, có hệ thống các khách hàng truyền thống và nhà cung cấp ổn định. Năm 2018, bên cạnh các khách hàng truyền thống, Công ty đã mở rộng được thị trường tiêu thụ sản phẩm phía Nam và ký kết được Hợp đồng nguyên tắc về việc bán giấy Kraft với nhiều khách hàng lớn như Công ty Công nghiệp Tân Á, Công ty TNHH Sản xuất Bao bì ALCAMAX (Việt Nam), Công ty TNHH Thương mại giấy Lộc Phát...
- Chính sách môi trường của Trung Quốc ban hành từ cuối năm 2017 đã ảnh hưởng lớn theo chiều hướng có lợi cho ngành sản xuất giấy Kraft tại Việt Nam nói riêng cũng như các nước lân cận nói chung.

#### **Biện pháp thực hiện:**

##### ➤ **Giải pháp trong lĩnh vực tổ chức sản xuất:**

+ Tập trung chỉ đạo, tổ chức quản lý và điều hành sản xuất ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm 2018;

+ Sắp xếp lao động trong và ngoài dây chuyền hợp lý, bố trí lao động có tay nghề cao, có kinh nghiệm vào dây chuyền sản xuất; Thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, động viên giáo dục về tinh thần, ý thức trách nhiệm để mỗi người lao động đều hiểu mình là những vị trí mắt xích quan trọng trong một tập thể đoàn kết, cùng hướng tới một mục tiêu chung;

+ Tiếp tục triển khai và áp dụng triết lý Kaizen, Nghiên cứu và cải tiến liên tục để đổi mới công nghệ, tạo sự khác biệt về chất lượng sản phẩm, phấn đấu hạ giá thành sản phẩm;

+ Chú trọng công tác quản lý định mức, duy trì việc thực hiện công cụ 5S, coi 5S là nền tảng cơ bản để thực hiện các hệ thống đảm bảo chất lượng hiệu quả;

+ Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý chất lượng có đủ điều kiện về chuyên môn để có thể kiểm soát được chất lượng sản phẩm theo từng công đoạn, đảm bảo tính ổn định về chất lượng sản phẩm;

+ Thường xuyên và định kỳ chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định và phát huy công suất cao nhất;

+ Khảo sát, nghiên cứu thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch đầu tư mở rộng lĩnh vực hoạt động, quy mô sản xuất nhằm phát huy thế mạnh nội tại cũng như nắm bắt những cơ hội thuận lợi đang có trong lĩnh vực hoạt động của Công ty.

##### ➤ **Giải pháp trong lĩnh vực kinh doanh:**

+ Củng cố lực lượng làm công tác thị trường, bổ sung thêm lao động có năng lực cho văn phòng đại diện của Công ty tại Hà Nội để có thể thường xuyên bám sát và nắm bắt kịp thời biến động của thị trường, nghiên cứu đề xuất hướng đầu tư mở rộng sản xuất cho dòng sản phẩm cũ hoặc đầu tư sản xuất sản phẩm mới đảm bảo tính độc đáo, khác biệt trên thị trường;

+ Tiếp tục nâng cao uy tín với khách hàng, củng cố mạng lưới khách hàng, mở rộng thị trường và sàng lọc khách hàng;

+ Thường xuyên bám sát khách hàng để nắm bắt chính xác và kịp thời mọi nhu cầu về sản phẩm, tham mưu xây dựng kịp thời kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, tạo thế chủ động trong việc tổ chức sản xuất của Công ty;

+ Xây dựng chính sách chăm sóc đối với các khách hàng thân thuộc, và chính sách đối với những nhà cung cấp lâu dài.

**Bảng 39: Tình hình thực hiện kế hoạch**

| STT | Chỉ tiêu                                      | Giá trị thực hiện | % Thực hiện kế hoạch |
|-----|---|-------------------|----------------------|
| 1   | Doanh thu thuần Công ty mẹ                    | 74.596.278.146    | 53,28                |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ                 | 4.163.737.143     | 52,05                |
| 3   | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%) | 5,58              | -                    |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế Công ty sau hợp nhất*      | 5.321.007.870     | 53,21                |

(\*): Đã loại bỏ phần lợi ích của Cổ đông không kiểm soát

(Nguồn: Báo cáo tài chính 6T/2018 hợp nhất và của Công ty mẹ)

## 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về lĩnh vực sản xuất giấy bao bì cũng như tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty được đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Cơ cấu doanh thu, giá vốn của Công ty được xây dựng trên nền tảng kết quả thực tế các năm hoạt động trong quá khứ, kết hợp với dự báo các yếu tố biến động của thị trường nguyên vật liệu, thị trường tiêu thụ, quy mô kinh doanh của Công ty trong tương lai. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà Công ty đề ra cho giai đoạn 2018-2021 là có tính khả thi. Kế hoạch của Công ty vừa đảm bảo mức lợi tức ổn định cho cổ đông, vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:**

Không có

## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Mã chứng khoán : HHP
4. Tổng số chứng khoán niêm yết : 10.000.000 cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết:

✓ Hạn chế chuyển nhượng đối của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn là người liên quan:

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết của Tổ chức niêm yết là 2.020.000 cổ phiếu chiếm 20,2% vốn điều lệ.

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm kể từ ngày niêm yết của Tổ chức niêm yết là 1.010.000 cổ phiếu chiếm 10,1 % vốn điều lệ.

**Bảng 40: Danh sách cổ đông và số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ**

| Stt | Họ và tên           | Chức vụ                            | SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết | SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết |
|-----|---------------------|------------------------------------|--|--|
| 1   | Trần Kim Gia        | Chủ tịch HĐQT                      | 800.000  | 400.000  |
| 2   | Trần Thị Thu Phương | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 680.000  | 340.000  |
| 3   | Nguyễn Huy Long     | Thành viên HĐQT                    | 540.000  | 270.000  |
|     | <b>Tổng</b>         |                                    | <b>2.020.000</b>   | <b>1.010.000</b>   |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà)

**6. Phương pháp tính giá**

**6.1. Giá trị sổ sách**

Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng như sau:

*Bảng 41: Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty*

*Đơn vị: VND*

| Chỉ tiêu                                  | 31/12/2016     | 31/12/2017      | 30/06/2018      |
|---|----------------|-----------------|-----------------|
| Tổng vốn chủ sở hữu (A)*                  | 31.337.505.113 | 109.354.329.624 | 114.675.337.494 |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành (B)        | 2.700.000      | 10.000.000      | 10.000.000      |
| Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C) = (A)/(B) | 11.606         | 10.935          | 11.468          |

*(Nguồn: Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng)*

(\*): Vốn chủ sở hữu đã được loại trừ lợi ích của Cổ đông không kiểm soát.

**6.2. Phương pháp định giá**

**6.2.1. Định giá theo phương pháp P/B**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

*Trong đó:*

- P: giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**6.2.2. Định giá theo theo phương pháp P/E**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân.}$$

*Trong đó:*

- P: giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với Công ty

Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### **7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.**

Hiện tại, Điều lệ Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng không quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 (có hiệu lực từ ngày 01/09/2015) của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, trong đó quy định:

*“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:*

*a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;*

*b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.*

*Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;*

*c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;*

*d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”*

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số: 0201282851 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 05/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/11/2017. Công ty được phép “Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê” – mã ngành 6810 (xem mục IV.1.1 – Bản cáo bạch Công ty). Đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật đầu tư 2014 – phụ lục IV, số 109, do vậy tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà là 49%.

Tại thời điểm ngày 06/06/2018 Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng không có cổ đông nước ngoài.



## 8. Các loại thuế có liên quan

### 8.1. Đối với Công ty

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng từ ngày 01/01/2016.

- Thuế Giá trị gia tăng:

Thuế Giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm, hàng hóa của Công ty hiện đang áp dụng là 10%.

- Thuế xuất nhập khẩu:

Công ty kê khai và nộp thuế theo thông báo của Hải quan.

- Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất...) Công ty kê khai và nộp theo quy định của Cơ quan Thuế.

### 8.2. Đối với nhà đầu tư

- Nhà đầu tư cá nhân

*Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

- Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

*Thu nhập từ cổ tức:*

- Theo Thông tư 111/2013/TT-BTC, thì thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

- **Nhà đầu tư là tổ chức**

*Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỉ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

*Thu nhập từ cổ tức:*

- Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008

## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

### **1. TỔ CHỨC TƯ VẤN**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

Địa chỉ: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84) 3728.0921

Fax: (84) 3728.0920

Website: <http://www.tvsi.com.vn>

### **2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Số 8, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (8424) 3761 3399 / 098.276.2982

Fax: (8424).3761.5599

Website: <http://vpa@vpaudit.vn>

**VII. PHỤ LỤC**

- Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy CNĐKKD;**
- Phụ lục II : Điều lệ Công ty;**
- Phụ lục III : BCTChợp nhất và BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2017;  
BCTC hợp nhất và BCTC Công ty mẹ 6T/2018.**

Hải Phòng, ngày 23 tháng 07 năm 2018

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Trần Thị Thu Phương**



**Trần Kim Gia**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Đào Thị Ngân**



**Trịnh Thị Hương**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lê Thanh Tùng**